



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Chiêu Hà**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vi.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ NỤ CƯỜI, CHIẾC VÔNG THIÊNG (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ TÔI CÓ DUYÊN VỚI SỰ BÀ ĐẠO LÃO THÍCH NỮ DIỆU LÝ (ĐNT. Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ MỘNG-THỰC NÀO RIÊNG Ở CHÓN NÀY (thơ Mặc Phương Tử), trang 11
- ♦ PHÁT PHÁP TRƯỜNG TÒN (Thích Nữ Tịnh Vân), trang 12
- ♦ QUANH, CHỨT GÌ, NÈO VỀ MANG MANG... (thơ Phù Du), trang 15
- ♦ TUỆ TRÍ CỎ XƯA VÀ TỰ TƯỜNG HIỆN ĐẠI (Tuệ Uyên dịch), trang 16
- ♦ VỀ GIÀ LAM (thơ Pháp Hiền Cư Sĩ), trang 20
- ♦ KHI PHẬT TRẢI TÒA (Ns. Thích Nữ Trí Hải), trang 21
- ♦ GÁNH NẶNG ĐÃ ĐẶT XUỐNG (Quảng Tánh), trang 23
- ♦ THE HOUSE THAT BUILT ME (Nguyễn Duy Nhiên), trang 24
- ♦ TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ, Bài 20 (Huỳnh Tấn Lê), trang 25
- ♦ CÔI TA BÀ, THU, CÒN MẮT... (thơ Chu Vương Miện), trang 26
- ♦ THỜI GIAN LÀ VỐN QUÝ (Nguyễn Minh Tiến), trang 27
- ♦ TRĂNG THANH, QUỲNH NỖ ĐÊM TRUNG THU (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 29
- ♦ HAI CHIẾC LÒNG ĐÈN (Bùi Thanh Xuân), trang 30
- ♦ GIỮ CỬA – Câu Chuyện Dưới Cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ MƯỜI ĐIỀU THIÊN – Phật Pháp Thứ Năm (GDPTVN), trang 33
- ♦ NGÀY THU (thơ Rainer Maria Rilke, Pháp Hoan dịch), trang 34
- ♦ KHAI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC CHẤM HƯNG PHẬT GIÁO TỪ 1930 ĐẾN 1945, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ THẮP SÁNG ĐƯỜNG ĐI (thơ Tánh Thiện), trang 37
- ♦ HỌA SĨ THAM LAM (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 40
- ♦ BA PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO (Tâm Thường Định), trang 41
- ♦ TÂM TỬ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN (Nguyễn Giác), trang 46
- ♦ THU KHUYA TỈNH MỊCH (thơ Chúc Hiền), trang 49
- ♦ HẠT SEN KHÔ (Thanh Thị), trang 50
- ♦ TRUYỆN CỤC NGẮN (Steven N.), trang 52
- ♦ THÌ THÂM VỚI CỎ VÔ THƯỜNG (thơ Huỳnh Sơn), trang 53
- ♦ NHÌN DA ĐOÁN BỆNH (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ♦ NGƯỜI XƯA DẠY CON: HỌC HẠNH KHIÊM CUNG (TL Đào Mạnh Xuân) trang 56
- ♦ NẤU CHAY: BÁNH TRUNG THU ĐẬU XANH (Hoàng thị Tố Hà), trang 57
- ♦ KARUNA VÀ TIẾNG HÁT CỦA BÀ LÃO ẮN XIN (Hoàng Phong), tr. 58
- ♦ AN LẠC LẮM (thơ Đồng Thiện), trang 60
- ♦ SEN NỜ TRÊN SA MẠC (Tiểu Lục Thân Phong), trang 61
- ♦ ĐÊM ĐẠO TRƯỚC SÂN CHÙA... (thơ Huỳnh Duy Hiếu), trang 62
- ♦ STORY OF PATAcara (Daw Tin), trang 63
- ♦ LỄ TƯỜNG NIỆM HỨY KỶ LẦN THỨ 11 ĐỨC ĐỆ TỬ TĂNG THÔNG (Thảo Nguyễn), trang 64
- ♦ HẠNH PHÚC TUYỆT VỜI CHỈ LÀ SỰ BÌNH THƯỜNG (Đào Văn Bình), trang 67
- ♦ NHẬN ĐIỆN, STEVEN N (thơ Diệu Viên), trang 69
- ♦ CÔNG CHỮA LY CẦU (Truyện cổ Phật giáo), trang 70
- ♦ TIN ẢNH: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 9 (Võ Văn Tường), trang 72
- ♦ BỤI ĐƯỜNG – chương 14, t.t. (Vĩnh Hào), trang 76



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 94, tháng 09 năm 2019, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

VÀNG TRẮNG THU

Khi cùng tử đến đây, mùa hạ chưa qua, mùa thu chưa đến. Lá trên cành còn xanh màu lộc biếc. Những cây tùng già cối được cắt xén bao lần, vẫn kiên trì chạ nắng giữa công viên. Chiều bằng khoảng mây bạc ngủ trên ngàn. Đàn chim hiền hòa vỗ cánh bằng qua phố. Nơi quán trọ, lũ khách hồn nhiên đưa mắt nhìn. Không nhà ai nhóm bếp bằng than củi, khói chiều không bay trời xứ lạ. Những con đường phố thị không một mẩu rác. Vội vàng bước qua những sân ga ngập dòng người. Người rất đông nhưng không ai nói một lời. Chỉ có âm thanh của bước chân, gõ loạn nhịp trên sàn đá hoa bóng lười. Từng đoàn người đi qua. Từng đoàn xe đi qua. Mà thực ra không có đoàn nào cả. Tất cả đi qua bằng thân phận cô lẻ, riêng tư. Mỗi người ôm một giấc mơ thật lớn, và thật nhỏ. Bên trong giấc mơ — khi thức hay khi ngủ, là nơi cái tuyệt đối vô hình vô ảnh lúc ẩn lúc hiện, mà hầu như chẳng ai thèm quan tâm chú ý.

Mishima đã thấy gì nơi vẻ lộng lẫy một cách tĩnh lặng của *Kim Các Tự* (1); và Kawabata đã thấy gì nơi cái đẹp muôn thuở của *Ngàn Cánh Hạc* (2) qua vạt áo kimono của người con gái trang nghiêm pha trà, mà cả hai văn hào vĩ đại này lần lượt tự vẫn? Cùng tử trầm ngâm trước mộ văn hào. Phải chăng chỉ có thể đạt đến kỳ cùng lý tánh bằng cách tự hủy xác thân này? Phải chăng chỉ có thể chứng nghiệm được cái tuyệt đối qua khoảnh khắc mong manh huyền ảo giữa hai bờ tử-sinh? Phải chăng chú tiểu Mizoguchi (3) phải thiêu rụi toàn bộ *Kim Các Tự* mới thâm nhập được cảnh giới nội tại tuyệt mỹ?

Như Lô Sơn, *Kim Các Tự* cũng thế: đến rồi, thấy cũng không gì lạ, không gì ngoại lệ. Căn gác của một ngôi chùa dát vàng đứng bên hồ nước trong veo. Ngày soi óng ánh mặt trời, đêm dọi huyền hoặc trăng sao. Nghìn xưa nghìn sau có vẻ không khác gì. Nhưng kỳ thực thì *Kim Các Tự* đã bị cháy bởi một chú tiểu, sáu năm trước khi Mishima cho xuất bản tiểu thuyết mang tên ngôi chùa này.

Hàng đoàn người từ nhiều phương xứ kéo về đây, nói cười, thay nhau tìm vị trí thích hợp để chụp hình với cái phong *Kim Các Tự* ở nhiều góc cạnh. Trong không khí náo động ồn ào của du khách thập phương, cùng tử đi quanh, lặng lẽ ngắm nhìn ngôi chùa vàng in bóng mặt hồ. Bất chợt trong nắng hạ lấp lánh và ngôi chùa rục rờ phản chiếu trên mặt nước im, trình hiện một vầng trắng thu.

- 1) Yukio Mishima (1925 – 1970), nhà văn cận đại hàng đầu của Nhật bản; tác giả cuốn *Kim Các Tự* (nguyên bản tiếng Nhật năm 1956, An Tiêm xuất bản năm 1970, Đỗ Khánh Hoan - Nguyễn Tường Minh dịch từ bản tiếng Anh "*The Temple of the Golden Pavillion*," do Ivan Morris dịch, Charles E. Turtle Co. xuất bản năm 1959). Mishima mổ bụng tự tử ngày 25 tháng 11 năm 1970.
- 2) *Thousand Cranes*, bản dịch từ tiếng Nhật sang Anh ngữ của Edward G. Seidensticker, A Perigee Book xuất bản năm 1959. Văn hào Yasunari Kawabata (1899 – 1972) là nhà văn đầu tiên đem về giải Nobel Văn Chương cho Nhật bản vào năm 1968; tác giả của những tác phẩm nổi tiếng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng; trong tiếng Việt là *Ngàn Cánh Hạc*, *Xứ Tuyết*, *Cố Đô*, *Cái Hồ*, *Căn Nhà của Các Người Đẹp Đang Ngủ*, *Vũ Nữ Izu*, *Âm Thanh của Miền Núi*, v.v... Kawabata tự vẫn bằng hơi gas vào ngày 16 tháng 4 năm 1972.
- 3) Nhân vật chính, xưng tôi, trong tiểu thuyết *Kim Các Tự* của Yukio Mishima.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

PHÁP: Bảo tàng Guimet tại Paris tổ chức cuộc triển lãm "Đức Phật, Huyền thoại Hoàng kim"

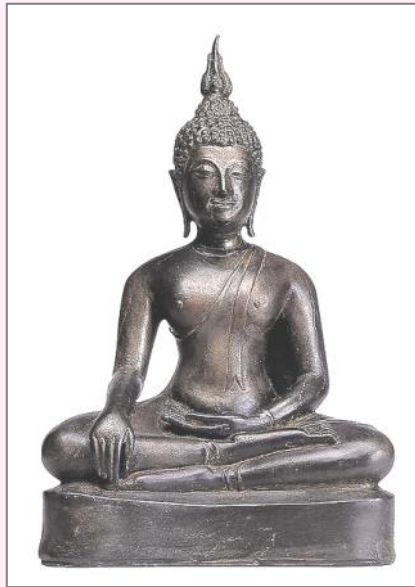
Bảo tàng Guimet tại Paris đang tổ chức cuộc triển lãm lớn mang tên "Đức Phật, Huyền thoại Hoàng kim", gồm 159 hiện vật của rất nhiều các bộ sưu tập cổ vật. Các cổ vật này mang tính biểu tượng và phong cách từ các thời kỳ lịch sử châu Á khác nhau – từ Ấn Độ đến Trung Hoa và Đông Nam Á. Triển lãm kéo dài từ ngày 19-6 đến 4-11-2019.

Bảo tàng Guimet đã dành riêng hoàn toàn cuộc triển lãm cho cuộc đời của Đức Phật lịch sử và sự truyền bá của Phật giáo tại châu Á – là lần đầu tiên có triển lãm như vậy tại Pháp.

Hiện vật trưng bày bao gồm những hình ảnh và tác phẩm điêu khắc về Đức Phật, được sưu tầm từ các quốc gia mà Phật giáo và di sản Phật giáo đang thịnh hành.

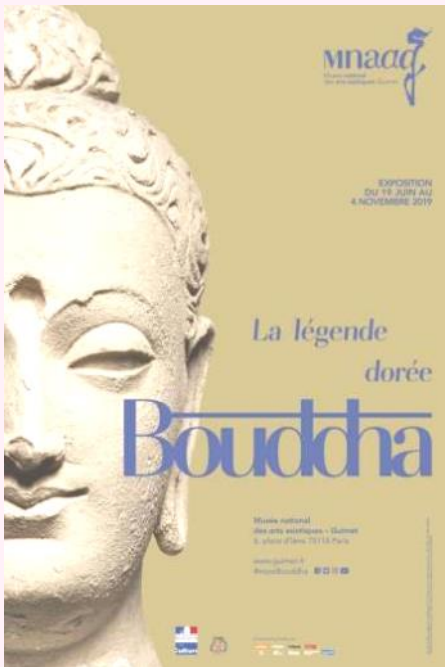
(buddhistdoor.net – July 26, 2019)

Các tác phẩm nghệ thuật về Đức Phật và Phật giáo tại cuộc triển lãm "Đức Phật, Huyền thoại Hoàng kim"



Photos: Buddhistdoor & the-jakartapost.com

Poster của triển lãm "Đức Phật, Huyền thoại Hoàng kim"
Photo: paristribune.info



HÀN QUỐC: Tổng thống Moon bảo đảm tiến trình hòa bình trong cuộc họp với các vị lãnh đạo Phật giáo

Ngày 26-7, Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in đã mời các vị lãnh đạo của cộng đồng Phật giáo trong nước đến dự cuộc họp tại văn phòng tổng thống.

Trong cuộc họp nói trên với 13 vị lãnh đạo thuộc các tông phái Jogye, Cheotae và một số tông phái Phật giáo nhỏ khác, tổng thống Moon đã bảo đảm rằng chính phủ đang nỗ lực không ngừng để xây dựng hòa bình trên bán đảo Triều Tiên. Cuộc họp diễn ra một ngày sau khi Triều Tiên bắn 2 tên lửa tầm ngắn, là lần bắn tên lửa đầu tiên của nước này kể từ tháng 5.

Đáp lại, các vị lãnh đạo Phật giáo bày tỏ sự ủng hộ đối với tiến trình hòa bình của chính phủ và cho biết rằng: bắt đầu từ tuần tới, khoảng 10 ngàn chùa chiền Phật giáo trên toàn quốc cũng có kế hoạch cầu nguyện cho đất nước và tổng thống trong 100 ngày.

(kbs.co.kr – July 26, 2019)



Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in—Photo: Yonhap

AFGHANISTAN: Phát hiện mảnh bản thảo Phật giáo tại Mes Aynak

Cách đây vài năm, Viện Khảo cổ học Afghanistan đã tìm thấy những mảnh bản thảo Phật giáo viết bằng tiếng

Phạn trên cây vỏ cây trên một sườn đồi tại Mes Aynak - mỏ đồng lớn nhất của đất nước, nằm ở một khu vực căn cứ ở Tỉnh Logar.

Được cho là có từ khoảng thế kỷ thứ 7, các bản thảo cho thấy địa điểm này từng là một thành phố Phật giáo thịnh vượng.

Theo các chuyên gia, Mes Aynak có thể là thành phố được mô tả bởi Huyền Trang - nhà sư Trung Hoa thế kỷ thứ bảy - trong cuốn Đại Đường Ký về Tây Vực, vốn ghi lại hành trình của ông đến Ấn Độ.

Đến nay chỉ có 10% Mes Aynak được khai quật. Các chuyên gia tin rằng những khám phá trong tương lai có thể xác định lại sự hiểu biết của chúng ta về Afghanistan cổ đại và lịch sử của Phật giáo sơ khai.

(MENAFN – July 26, 2019)

THÁI LAN: Các nhà sư Thái Lan cưỡi voi trong khi nhận vật phẩm cúng dường vào đầu Mùa Chay Phật giáo

Các nhà sư cưỡi voi khi họ nhận vật phẩm cúng dường từ người dân địa phương để đánh dấu sự khởi đầu của Mùa Chay Phật giáo tại Thái Lan.

Các nhân vật tôn giáo này ngồi trên lưng những con voi và diễu hành qua các đường phố ở tỉnh Surin, đông bắc Thái Lan vào sáng ngày 16-7-2019.

Sự kiện này là một phần của lễ kỷ niệm hàng năm cho Mùa Chay Phật giáo được tổ chức trên toàn quốc.

Trong vài tháng tới, các nhà sư sẽ ẩn cư trong đền chùa của mình để nghiên cứu kinh điển Phật giáo và thiền định cho đến cuối mùa mưa.

(tipitaka.net – July 27, 2019)



Các nhà sư Thái Lan cưỡi voi trong lễ cúng dường vào đầu Mùa Chay Phật giáo



Photos: Google

THÁI LAN: Nhà sư Cam Bốt nhận giải thưởng Chùa Vàng của Thái Lan

Ngày 16-7-2019, Hòa thượng Preah Tepsattha Khy Sovanratana, phó hiệu trưởng trường Đại học Phật giáo Preah Sihanouk Raja (Cam Bốt), đã nhận giải thưởng Chùa Vàng từ Quốc vương Thái Lan, công nhận sự đóng góp của ông cho Phật giáo - bao gồm cả việc cải tạo chùa chiền trên khắp Cam Bốt.

Buổi lễ trao giải được tổ chức tại Hội trường Thánh phòng Phutthamonthon ở Bangkok, với sự tham dự của 103 nhà sư từ Cam Bốt, Singapore, Lào, Miến Điện, Việt Nam và Tích Lan.

Trong 16 năm qua, Hòa thượng Sovanratana đã làm việc với những người từ các quốc gia khác nhau, và ông cũng đã trở thành thành viên của nhiều cộng đồng quốc tế - bao gồm cả cộng đồng Phật giáo châu Á vừa được ra mắt tại Miến Điện.

(tipitaka.net – July 28, 2019)



HOA KỲ: Được truyền cảm hứng bởi Đức Đạt lai Lạt ma, Tỷ phú T. Denny Sanford tặng 100 triệu đô la cho nghiên cứu về lòng tử bi

Được truyền cảm hứng bởi một cuộc trò chuyện với Đức Đạt lai Lạt ma về triết lý từ bi là nguồn hạnh phúc, Tỷ phú Mỹ Thomas Denny Sanford đã tặng 100 triệu đô la cho trường Đại học California San Diego để tài trợ cho nghiên cứu về sự đồng cảm và lòng tử bi, và tìm cách để trau dồi những phẩm chất này giữa các chuyên gia chăm sóc sức khỏe vì lợi ích của bản thân và bệnh nhân.

Là nhà tài phiệt ngân hàng và là nhà từ thiện, ông Sanford đã có một cuộc gặp riêng với Đức Đạt lai Lạt ma vào năm 2017, khi vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng này viếng trường Đại học California San Diego trong chuyến hoằng pháp "Lòng tử bi không biên giới" của ngài tại Hoa Kỳ.

"Tôi đã được truyền cảm hứng từ công việc và giáo lý của Đức Đạt lai Lạt ma, người có mối quan tâm về giao lộ nơi gặp nhau sâu sắc của khoa học và đức tin," ông Sanford nói.

(buddhistdoor.net – August 2, 2019)



*Tỷ phú T. Denny Sanford
Photo: sandiegouniontribune.com*

*Hòa thượng Cam Bốt Preah Tepsattha Khy Sovanratana nhận giải thưởng Chùa Vàng tại Bangkok, Thái Lan
Photo: Khmer Times*



HÀN QUỐC: Tu viện Phật giáo được xây bằng 300.000 viên gạch

Một tu viện Phật giáo mới hoàn thành ở Hàn Quốc nhằm mục đích cung cấp một nơi cư trú và tĩnh tâm cho các tu sĩ Phật giáo và các hành giả cư sĩ tu tập đạo pháp. Là một hiện thân kiến trúc của giáo lý Phật giáo thể hiện cho thời hiện đại, khu tu viện có tên là Trung tâm Jetavana Seon này được xây dựng bằng 300.000 viên gạch riêng lẻ.

Hoàn thành vào đầu năm nay, Trung tâm Jetavana Seon - nằm giữa những ngọn núi gần thị trấn Gangchon ở tỉnh Gangwon, phía đông bắc Hàn Quốc - là công trình của Công ty Kiến trúc studio_GAON có trụ sở tại Seoul.

Tu viện tạo thành một phần của một khu phức hợp lớn hơn vốn đóng vai trò là trung tâm của Phật giáo Seon Hàn Quốc (Zen), bao gồm các tòa nhà riêng biệt bao gồm chỗ ở cho thiền định và tĩnh tâm khổ hạnh.

(Buddhistdoor Global - August 5, 2019)



Tu viện Jetavana ở Gangchon, Hàn Quốc



Photos: studio-gaon.com

HOA KỲ: Thư viện Quốc hội công bố một cuộn sách Phật giáo 2,000 năm tuổi

Thư viện Quốc hội đã công bố một văn bản Phật giáo 2,000 năm tuổi hiếm có vào ngày 29-7-2019.

Cuộn sách này có nguồn gốc ở Gandhara, một khu vực Phật giáo cổ ở miền bắc Afghanistan và Pakistan. Chỉ có vài trăm bản thảo Gandhara được các học giả trên toàn thế giới biết đến, và mỗi bản đều quan trọng vì giúp hiểu được sự phát triển ban đầu của văn học Phật giáo. Ví dụ, bằng cách sử dụng phân tích ngôn ngữ, các học giả nghiên cứu các bản thảo này để lập biểu đồ cho sự truyền bá của Phật giáo khắp châu Á.

Cuộn sách nói trên của thư viện còn được gần 80% văn bản gốc, chỉ thiếu phần đầu và phần cuối. Hầu hết các cuộn Gandhara khác được các học giả biết đến đều rời rạc hơn.

Được mua vào năm 2003 từ một nhà sưu tập tư nhân, cuộn sách là một trong những mảnh phức tạp và dễ vỡ nhất mà Thư viện Quốc hội đã từng xử lý.

Mặc dù bản thảo quá mỏng manh để trưng bày công khai, nhưng bằng cách số hóa văn bản, thư viện có thể chia sẻ phần lịch sử quan trọng này với công chúng.

(tipitaka.net - August 6, 2019)



Cuộn sách Phật giáo Gandhara 2000 năm tuổi thuộc Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ



THÁI LAN: Ngôi ngôi chùa Wat Nong Bua Yai xuất hiện trở lại khi hạn hán

Đám đông đổ xô đi xem một ngôi chùa Phật giáo - vốn bị ngập nước trong một hồ đập ở miền trung Thái Lan - nay đang bị lộ ra sau khi hạn hán đã đẩy mực nước xuống mức thấp.

Wat Nong Bua Yai là một ngôi chùa hiện đại đã bị nhấn chìm trong quá trình xây dựng con đập cách đây 20 năm.

Khi dung tích hồ chứa chỉ còn ở mức dưới 3% , di tích chùa đã được nhìn thấy ở giữa mặt đất khô.

Một số nhà sư Phật giáo cùng hàng trăm người khác đã đi qua các cấu trúc gãy vỡ của ngôi chùa trên mặt đất nứt nẻ vào tuần trước để tỏ lòng thành kính với bức tượng Phật cao bốn mét không đầu.

"Ngôi chùa thường bị nước bao phủ . Vào mùa mưa, bạn không nhìn thấy được gì", một trong những du khách nói.

(RTÉ NEWS - Agust 6, 2019)



Di tích chùa Wat Nong Bua Yai Photos: reuters.com



HOA KỲ: Tổ chức Phật giáo tặng chăn cho cảnh sát Cedar Grove

CEDAR GROVE, NJ - Gần đây, Tổ chức Phật giáo Từ Tế đã tặng chăn cho sở cảnh sát thị trấn Cedar Grove .

Cảnh sát sẽ giữ chặn trong xe của họ và đưa cho nạn nhân trong các trường hợp khẩn cấp như hỏa hoạn và tai nạn xe máy.

Hội Từ Tế sử dụng chặn, được làm bằng chai nhựa tái chế, trong các hoạt động cứu trợ thiên tai trên toàn thế giới. Hội đã quyên góp hơn 100.000 chiếc chặn để cứu trợ nạn nhân của thảm họa ở 37 quốc gia.

"Mặc dù ở quy mô nhỏ hơn nhiều tại đây - tại Cedar Grove này, nhưng những chiếc chặn sẽ mang lại sự cứu trợ cần thiết tương tự", Chánh sở cảnh sát Joseph Cirasa nói.

Hội Từ Tế cũng điều hành một phòng đựng thức ăn cộng đồng. Nó mở cửa từ 11:30 sáng đến 2 giờ chiều, vào thứ Sáu, và vào thứ Bảy tuần thứ hai và thứ tư trong tháng.

(Patch - August 6, 2019)



Chặn do Hội Từ Tế tặng được cảnh sát Cedar Grove đặt vào xe tuần tra

Photo: Cedar Grove PD

NHẬT BẢN: 180 người tham gia việc dọn sạch bụi hàng năm từ pho tượng Đại Phật tại chùa Nara

Nara, Nhật Bản - Ngày 7-8-2019, khoảng 180 người đã giúp dọn sạch bụi khỏi tượng Đại Phật tại chùa Nara.

Các nhà sư, nhân viên của chùa và tín đồ đã làm sạch bụi bẩn toàn bộ khu chùa, bao gồm cổng Chumon và hành lang. Cả pho tượng Đại Phật và tòa nhà này đều được chỉ định là bảo vật quốc gia.

Sau khi tắm thanh tịnh hóa tại chùa, những người tham gia mặc đồ trắng đã dự một nghi thức lúc 7 giờ sáng để

tạm thời rước thần lực khỏi pho tượng Phật, trước khi họ bắt đầu dọn sạch bụi.

Những người được giao nhiệm vụ làm sạch đầu tượng đã từ bên trong leo lên đỉnh tượng. Và để lau mặt và ngực của pho tượng, người ta dùng 3 sàn treo (gondolas) nhỏ được treo trên trần nhà.

(Mainichi Japan - August 8, 2019)



Dọn sạch bụi hàng năm từ pho tượng Đại Phật tại chùa Nara, Nhật Bản
Photo: Rei Kubo

TRUNG QUỐC: Triển lãm tượng Phật cổ tại Bắc Kinh

Một cuộc triển lãm với những tượng Phật cổ có niên đại hàng ngàn năm đã mở cửa cho công chúng tại Bảo tàng Quốc gia Trung Quốc ở Bắc Kinh cho đến ngày 6-10-2019..

Tổng cộng 171 tác phẩm di tích văn hóa đang được trưng bày, bao gồm 131 tượng Phật từ thời Bắc Ngụy (386-534) đến thời nhà Đường (618 -907), hầu hết được làm bằng đá cẩm thạch và được sơn hoặc mạ vàng.

Triển lãm chủ yếu trưng bày các pho tượng Phật được khai quật vào năm 2012 từ Yecheng, một địa điểm lịch sử tại huyện Linzhang của tỉnh Hà Bắc.

Từng trung tâm chính trị ở Trung Hoa cổ đại, Yecheng nổi tiếng về văn hóa Phật giáo và là đại diện cho nghệ thuật Phật giáo Trung Quốc do sự tinh tế, đa dạng về phong cách và chủ đề của các tượng Phật vùng này.

(THX - August 9, 2019)



Triển lãm tượng Phật cổ tại Bắc Kinh, Trung Quốc



Photos: Xinhua

CAM BỐT: Tăng cường quan hệ ngoại giao giữa Tích Lan và Cam Bốt để truyền bá Phật giáo Nguyên thủy

Phnom Penh, Cam Bốt - Ngày 10-8-2019, trong chuyến thăm cấp nhà nước tại Cam Bốt, Tổng thống Tích Lan Maithripala Sirisena đã phát biểu rằng Tích Lan và Cam Bốt cần hợp tác để truyền bá giáo lý của Phật giáo Nguyên thủy trên toàn thế giới.

Tham dự một buổi lễ tôn giáo tại chùa Langka Preah Kosomaram ở Phnom Penh, Tổng thống Sirisena nói, "Phật giáo là nền tảng lịch sử của mối quan hệ giữa Tích Lan và Cam Bốt, và trong khi tăng cường quan hệ kinh tế và thương mại, 2 nước chúng ta nên cùng nhau hướng tới sứ mệnh cao cả là bảo tồn Phật giáo Nguyên thủy".

Tổng thống đã thực hiện các nghi lễ tôn giáo tại chùa Langka Preah Kosomaram và

dâng hoa đánh lễ các di tích linh thiêng.

(ColomboPage – August 10, 2019)



Tổng thống Tích Lan thực hiện các nghi lễ tôn giáo tại chùa Langka Preah Kosomaram, Cam Bốt



Photos: ColomboPage

NHẬT BẢN: Bức bích họa dài 66 mét tại ngôi chùa ở Saga

Saga, Nhật Bản – Họa sĩ Trung Quốc Yin Yusheng, 56 tuổi, cư trú tại Saga, đã hoàn thành một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp trên bức tường trắng dài 66 mét tại chùa Jodoji.

Ông Yin đã mất khoảng 1 năm để hoàn thành tác phẩm nói trên bằng cọ và mực. “Không có nhiều bức tường dài như vậy. Tôi muốn đáp lại sự ưu ái này cho Saga,” họa sĩ nhớ lại suy nghĩ của ông khi ông đề nghị được vẽ bức bích họa.

Tranh vẽ miêu tả khung cảnh những ngọn núi tuyết với cây cối và nhà cửa rải rác, đặc tả bởi những biến thể của bóng râm. Giới Phật tử ủng hộ tài

chính cho chùa Jodoji đều có lời ca ngợi bức bích họa khổng lồ này. Nó như một điểm giải nhiệt hoàn hảo vào một ngày hè nóng nực.

(The Asahi Shimbun – August 12, 2019)



*Bức bích họa dài 66 mét tại chùa Jodoji, Saga (Nhật Bản)
Photos: Manabu Hiratsuka*

ẤN ĐỘ: Hãng hàng không Indigo bắt đầu hoạt động trên mạng mạch Phật giáo

Hãng hàng không Indigo tăng cường khả năng kết nối trên mạng lưới Phật giáo với việc bắt đầu các hoạt động trên các tuyến Kolkata nối Gaya, Patna và Varanasi, và Gaya nối Varanasi.

Sự ra mắt các tuyến mới này dự kiến sẽ thúc đẩy các hoạt động của máy bay ATR của hãng hàng không giá rẻ này.

William Boulter, giám đốc thương mại của Indigo, nói, “Chúng tôi rất vui mừng được khánh thành các chuyến bay của mình đến Gaya, kết nối mạng mạch Phật giáo. Chúng tôi đã nhận một nhu cầu lớn từ khách trong nước trên các tuyến đường này.”

“Các kết nối quốc tế của chúng tôi từ Kolkata đến Miến Điện và Việt Nam sẽ cung cấp thêm một sự kích thích cho nền kinh tế trong khu vực, với nhiều du khách quốc tế hơn sẽ bay đến để trải nghiệm lịch sử và tâm linh Phật giáo phong phú ở Ấn Độ”.

(Business Traveller India – August 12, 2019)

*Máy bay ATR của hãng hàng không Indigo, Ấn Độ
Photo: goindigo.in*





NỤ CƯỜI

Nụ cười mở cửa tâm linh
Cho duyên kết hợp cho tình nở hoa
Hận thù buông bỏ ngàn xa
Nối vòng tay lớn chan hòa thân thương
Phải đâu bao nỗi đoạn trường
Cười môi héo hắt vấn vương lụy phiền
Phải đâu nước đổ thành nghiêng
Tây Thi cười hận đảo điên thói đời
Cười như biệt tích muôn nơi
Giờ đây tao ngộ nguồn vui rạt rào.
Kìa xem Phật Tổ nhiệm mầu
Nụ cười thanh thoát sạch lâu trần ai
Thanh bình hương tỏa từ bi
Nụ cười an lạc lối đi nhạc vàng
Còn đâu duyên kiếp bẽ bàng
Thiên Thai mở lối huy hoàng bước lên
Sáng soi sẵn có trăng lành
Đài sen sẵn có cung đình đợi trông
Người ơi xin chớ ngại ngần
Nụ cười trao tặng gửi lòng nhau đây.

CHIẾC VÕNG THIÊNG

Đã có bên mình chiếc võng thiêng
Thì đây sẵn giữa cõi vô biên
Giăng ngang qua đó nơi vườn Huệ
Ngắm ánh trăng thanh đón gió Thiên.

Dưới mái hiên hoa ngửa mặt nằm
Lung linh ánh nguyệt chiếu chân không
Ru ta gió thoảng về vô thử
Thơm ngát Thiên hương tươi mát lòng

Kẻo kẹt võng đưa tiếng nhạc vàng
Vào nơi vũ trụ chẳng thời gian
Vườn thơ ngập lối chân như thể
Suối tịnh trào dâng mạch sống tràn.

Thương hại trần gian chưa hiểu ta
Bôn ba tìm kiếm khắp muôn nhà
Ta đâu nào phải Ta suy tưởng
Trong cái đi tìm đã cách xa

Đệt lại trần gian muôn ý thơ
Gửi về theo gió chốn xa mờ
Hoà lên nhạc lý cho tan mộng
Để rõ phù sanh kiếp hững hờ.

thơ **THẮNG HOAN**

(trích từ Thăng Hoan Thi Tập)

Tôi Có Duyên Với Sư Bà Đại Lão THÍCH NỮ DIỆU-LÝ

Điều ngự tử Tín Nghĩa

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



(1922-2018)

Mùa hè năm 1955, tôi được mẹ dẫn lên chùa Long Quang (tức chùa Bà Đốc mà dân địa phương và phụ cận thường gọi).

Thật sự mà nói, từ khi tôi lên học hè ở đây và cho đến khi Sư bà Diệu Lý du hóa đó đây, rồi ngài Thích Như Đạt về làm Tọa chủ, tôi hoàn toàn không biết tường tận. Vì lúc đó, tuổi chúng tôi chỉ đi học, rồi rong chơi theo tuổi trẻ. Hễ có ăn no, vào lớp học, bải lớp về nhà. Một ngày như mọi ngày, không có gì mới mẻ thêm.

Tuy nhiên, khi tôi được lên học hè ở đây cũng có lý do là : Tôi có cô ruột em út của ba tôi xin xuất gia đi theo làm thị giả với sư bà Diệu Lý. Sư cô tôi quý danh Hoàng thị Quy (tức Vãng, Vạc), Pháp danh Tâm Tổ, Pháp tự Thích nữ Bảo

Nghiêm, thọ sanh năm Giáp Tý (1924), thượng thọ 94 tuổi, thuận thế xả báo thân lúc 06 giờ 10pm, ngày mùng 01 tháng Tám năm Đinh Dậu (nhằm ngày 20-09-2017).

Trước khi vào hạ, sư cô về nhà thăm và nói với thân mẫu tôi cho đưa tôi lên chùa Bà Đốc học hè. Nhờ vậy mà tôi được biết chùa tử nhỏ và biết được uy đức của Sư bà Diệu Lý.

Sư bà quý danh Trầm Thế Hiệp, Pháp danh Tâm Dung, Pháp hiệu Thích nữ Diệu Lý. Thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 43, Tây Thiên pháp phái, Linh Mục môn hạ, Quang Minh Viện chủ. Sư bà là đệ tử của Đức Đệ Tam Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Tọa chủ Linh Mục Quốc tự, húy thượng Trưng hạ Nguyên, tự Thích Đôn Hậu, hiệu Giác Thanh Đại lão Hòa thượng; đệ tử út của Tổ Tâm Tịnh, thuộc dòng thiền Tây Thiên Di Đà tự. Ngài là vị thứ Chín trong hàng Thạc đức Cửu Giác của Thiền môn Cổ đô Huế. Trụ thế 88 tuổi.

Chín Chữ Giác gồm:

- 1- Ngài Giác Tiên, Tổ khai sơn Trúc Lâm,
- 2- Ngài Giác Nguyên, Tọa chủ Tổ đình Tây Thiên, thượng thọ 107 tuổi,
- 3- Ngài Giác Nhiên, Đệ nhị Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Tọa chủ Tổ đình Thuyền Tôn, thượng thọ 102 tuổi,
- 4- Ngài Giác Viên, Khai sơn chùa Hồng Khê,
- 5- Ngài Giác Bản, Tọa chủ chùa Từ Quang,
- 6- Ngài Giác Ngạn, Khai sơn chùa Kim Đài ở huyện Nam Hòa,
- 7- Ngài Giác Hạnh, Tọa chủ Tổ đình Vạn Phước, thượng thọ 101 tuổi,
- 7- Ngài Giác Hải, Tọa chủ chùa Giác Lâm,
- 9- Ngài Giác Thanh, tức Ôn Đôn Hậu.

* * *

Sư bà sinh quán gốc Hội An, tỉnh Quảng Nam. Thọ sanh năm Quý Hợi (1923).

Năm Kỷ Mão (1939), xuất gia đầu Phật tại chùa Diệu Đức, Cổ đô Huế.

Năm Đinh Hợi (1947), đăng đàn thọ giới tại Đại giới đàn Bảo Quốc - Huế.

Sư bà y chỉ với Đại lão Sư bà Diệu Hương. Năm Ất mùi (1955), được bổ nhiệm là Trú trì kiêm Hiệu trưởng trường Tiểu học Long Quang, thuộc làng Phú Ốc, xã Hương Phú, quận Hương Trà. Tỉnh Thừa Thiên.

Khi lên học ở đây, tôi cũng được sư bà thương như con cháu. Mẫu người của sư bà thon thon và rất đẹp. Giọng nói có duyên và nhẹ, hay cười.

Mỗi lần Sư bà ngo trai quá đường, đi kinh hành nghe giọng tụng kinh rất thanh thoát. Sư bà ít khi xuất hiện giao tiếp nhiều, lâu lâu sư bà có ra lớp học nói vài câu gì đó mà chúng tôi chẳng mấy ai để ý.

Tôi học ở đây chưa đầy một tháng rưỡi thì nghỉ học; nhưng có một vài kỷ niệm.

Số là tôi thích học toán. Cuốn Toán Học của tác giả Trần Tiểu thì tôi không bỏ sót một bài tập nào, nhưng ngán nhất là phần giải toán Động tử.

Có một vị Thầy dạy toán còn để lại cho tôi một dấu trên nửa thế kỷ mà không bao giờ quên. Bất kỳ đi đâu, nói về toán bậc Tiểu học, tôi đem bài này ra thách đố, rồi còn treo giải nếu ai giải đúng.

Bài toán ấy như sau (Và cũng xin quý vị đọc bài này, đem bài toán này về hướng dẫn cho con em của mình trình độ lớp 9, 10 và 11,... Chúng tôi không giải đáp trực tiếp ở đây. Ai muốn biết giải đáp ra sao xin gọi về Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại qua số phone (972) 986 - 1019 sẽ được hướng dẫn tường tận.).

Đề toán: Có một cô thiếu nữ đem trứng đi bán.

*- Lần thứ nhất, cô bán Một Nửa (1/2) Số trứng và thêm cho khách một Nửa (1/2) Quả trứng.

*- Lần thứ hai, cô bán Một Nửa (1/2) Số trứng còn lại và cũng thêm cho khách Một Nửa (1/2) Quả trứng.

*- Lần thứ ba, cô bán Một Nửa (1/2) Số trứng còn lại sau cùng và cũng thêm cho khách Một Nửa (1/2) Quả trứng thì vừa hết trứng.

Vậy thử hỏi cô ta đã mang bao nhiêu quả trứng đem đi bán lúc ấy.

Đáp số của nó là 7 quả tất cả.

* * *

Kể từ khi lên học ở đây, chúng tôi chỉ biết gọi tên chùa là Chùa Bà Đốc. Bảng hiệu chùa viết bằng chữ nho nên chúng tôi cũng không hiểu và cũng không muốn tìm hiểu.

Sau này lớn lên, có tu học. Biết đọc biết viết Hán tự chút chút thì mới rõ là chùa Long Quang. Tôi cũng có hỏi những vị địa phương trọng tuổi tại sao gọi là chùa Bà Đốc? Có người giải thích là do một bà vợ của vị Đốc Phủ Sứ giàu có lại thêm tâm đạo nhiệt thành nên mua số đất ấy và tạo lập một thánh địa tuy không to rộng như bây giờ, nhưng rất thanh tịnh, nằm bên bờ Bồ Giang, quanh năm tươi mát với hàng tre dài thăm thẳm; vừa giữ đất của chùa



Chùa Quang Minh

khỏi bị lở lựt và cũng là đặc sản gia dụng cho chùa.

Vào khoảng thập niên 1960, khi tôi đã quen biết ôn Long Quang tức Hòa thượng Thích Như Đạt, thỉnh thoảng đạp xe ra thăm và xin chiết một ít cam, quýt, bưởi đem về Trúc Lâm để trồng; vì ôn Long Quang rất mến mộ uy đức Sư phụ của chúng tôi. Từ đó mấy chữ Chùa Bà Đốc chúng tôi cũng quên luôn. Nhờ viết kỷ niệm này, nên mới nhớ lại đến tên cũ đã nêu.

Thời gian trôi đi mau lức nào không rõ. Ngày tôi bị thương được Giáo Hội Huế đưa vào chữa bệnh ở Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng; nhờ đó, tôi cộng trú với Hòa thượng Hạnh Đạo, đương kim Phó đại diện Nội vụ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Đà Nẵng và là Toạ chủ chùa Từ Tâm.

Mùa hè đỏ lửa Nhâm tý (1972), động bào vùng hòa tuyến phải di tản vào Đà Nẵng. Đa phần là ở Hòa Khánh, chùa thầy Trí Việt ở Phú Lộc, chùa Tân Lập và một số dân Quảng Trị tìm đến chùa Quang Minh, nơi sư bà Diệu Lý làm toạ chủ.

Tôi theo chân Hòa thượng Hạnh Đạo và Giáo Hội Đà Nẵng, Hòa thượng Chánh Trực từ Quảng Trị vào và lưu trú tại Phật Học Viện Phổ Đà cùng làm công tác từ thiện xã hội nên đã đến thăm an Sư bà và thăm hỏi giúp đỡ một số đồng bào tỵ nạn theo khả năng của Giáo Hội.

Tượng Thích Ca Phật Đài tôi chỉ đến xem khi chưa hoàn thành vào năm Ất tỵ (1965).

Pháp nạn Bính ngọ (1966), vị chủ chốt trông coi là Đại tá Nguyễn Bình Thuận và anh em quân đội được biết phải để xây cất đều bị tuyên chuyển, nên công tác dở dang. Nhờ có Sư bà phát tâm về trụ ở đó mà ngôi chùa Quang Minh cũng như bảo tượng Thích Ca Phật Đài đã được chỉnh trang lại đẹp đẽ như ngày nay.

Ngày gặp Sư bà vào khoảng tháng tư năm Nhâm tý (1972) là lần sau cùng. Thời gian dong ruổi, rồi xuống thuyền vượt biên tìm tự do. Đặt chân đến Hoa Kỳ vào ngày 19 tháng 09

năm 1979, chưa một lần trở lại quê hương chứ nói để được gặp lại Sư bà Thích Nữ Diệu Lý ngày xưa.

Ngày tôi mới thành lập Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại được một năm, Sư bà có gởi cho chúng tôi một phong thư nhờ hỗ trợ, để có phương tiện một phần nào vào việc trùng tu lại toàn bộ chùa Quang Minh đang mục nát. Trong khả năng hạn hẹp lúc bấy giờ, chúng tôi cũng phát tâm gởi về cho thân mẫu chúng tôi và nhờ mẹ tôi vào Đà Nẵng trước thăm sức khỏe của Sư bà và dâng cúng một thẻ.

Nhớ lại ngày tôi được gặp lại Sư bà thì thấy Ni chúng độ vài ba người, chỉ quen biết nhất là Ni sư Tịnh Đức, còn các vị mang chữ Giới, thì chỉ biết được khi ra hải ngoại như: Ni sư Giới Châu (nay là Ni trưởng, Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Ni bộ thuộc Hội đồng Điều hành của Giáo hội), Ni sư Giới Quang (đã tịch), Giới Tâm, Giới Nguyễn, Giới Định, Giới Nhơn, Giới Toàn,... ngay như hai cháu kêu chúng tôi bằng bác ruột là Giới Như và Giới Đạt mà cũng không biết mặt, chứ nói là thân quen. Vì ngày ra đi, chúng nó chưa chào đời.

Khi nghe Sư bà hầu Phật vào lúc 11 giờ 20, sáng ngày mùng bảy tháng mười hai năm Đinh dậu (nhằm ngày 23-01-2018) tại chùa Quang Minh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trụ thế 96 năm (nghe ra trong lớp đệ tử cho hay Sư bà là người Tàu, nên khi mãn phần được tặng một tuổi theo phần sử của chùa. Riêng người chấp bút thì đúng 96 tuổi) và trọn vẹn 72 tuổi đạo.

Từ nửa vòng trái đất, cũng là hậu học thuộc Thiên phái Tây Thiên kính chấp bút đôi dòng tưởng niệm về Sư bà đôi nét mực mạt. Ngưỡng nguyện Giác linh Sư bà cao đăng Phật Quốc.

Hoa Kỳ, ngày Đức Thế Tôn giáng thế năm Kỷ hợi - 2019

Kính bái,
Hậu học Tín Nghĩa

Ghi chú : Riêng tặng Ni trưởng Giới Châu, Ni sư Giới Định, Ni sư Giới Nguyễn và quý đệ tử của Đại lão Sư bà mang chữ Giới hiện đang hành hoạt tại Hoa Kỳ...

MỘNG THỰC NÀO RIÊNG Ở CHÓN NÀY

*Nghiêng nghiêng con dốc
Nghiêng màu nắng
Trời thất lưng mây bạc núi đồi.
Điểm sắc hoa ngàn thơm lối nhỏ
Sương chiều man mác, bóng chiều trôi.*

*Người đến ôm lòng giữa xứ mơ
Mắt cài sao mộng khói sương mờ.
Ta nghe lời gió ru muôn bến,
Và cả trong chiều, cả ý thơ.*

*Sương lạnh
Chiều lên
Mộng hảo cầu
Ai nghe trong ấy vạn niềm đau!
Ai nghe trong ấy, từ muôn thuở
Ý niệm thời gian loạn dáng màu.*

*Viễn khách
Đời còn dong ruổi bước
Ta, người lữ thứ mộng về xuôi
Có ai gởi chút tình muôn dặm
Cho hôn cát bụi trở về ngôi.*

*Có ai trút nỗi niềm dâu bể
Xuống tận đời khuya hết nã nê!
Trăng ở phương này nghiêng phố núi
Hương màu loan nhạt sắc trời quê.*

*Người đến đây
Ta cũng đến đây
Mắt người tuôn mộng cánh thu say
Còn ta đi giữa đời muôn lối
Mộng-Thực
Nào riêng ở chón này!*

MẶC PHƯƠNG TỬ

Đà Lạt, một mùa thu

PHẬT PHÁP TRƯỜNG TỒN [1]

Thích nữ Tịnh Vân

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Phật giáo không phải là tôn giáo để các tín đồ đến tham gia hay phát động như một phong trào, mà tự thân con người sau quá trình học hỏi, tư duy, nhận thức cốt lõi lời dạy của đấng Từ phụ, từ đó phát tâm tìm đến, thân cận và quy y Tam Bảo: 'Hôm nay mong giác ngộ hồi đầu - Tịnh tâm ý quy y Tam Bảo'.

Với lòng tịnh tín bất động, con người đầu thành vâng giữ mạng mạch giáo pháp, dốc lòng phụng hành đạo lý mình chọn, con người nhờ vậy được chân lý, chánh pháp che chở, thành tựu 'Phép Phật nhiệm màu - Để mau ra khỏi luân hồi'.

Phương pháp hành đạo trong đạo Phật với mục đích diu dắt tự thân con người, chứng nghiệm đời sống tâm linh trong sạch, tĩnh lặng, bền vững, có nghị lực vượt qua chính mình cùng các biến đổi xung quanh, để con người có thể hòa vào tập thể, cộng đồng, xã hội rộng lớn, mà không cảm nhận lẻ loi, lạc lõng. Như vậy mục đích cao cả, nền tảng, tối thượng của đạo Phật, trước hết dẫn dắt, chỉ đường cho con người trở về vị trí thực, hoàn hảo, siêu việt, toàn thiện, với phẩm chất làm chủ tự thân:

*'Chúng con khổ, nguyện xin cứu khổ
Chúng con khổ, nguyện xin tự độ'*

Ghi nhớ 'pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, đời này và đời sau'[2], người con Phật hành trì Bát Thánh Đạo để hiểu biết điều gì cần làm đầu tiên, đặt niềm tin vào đó. Như thế chánh tín gắn liền với lối sống thực tiễn, tạo cho con người cái thể cân đối, an trú chỗ dựa vững chắc, để bước kế tiếp là trở về nội tâm bình lặng, trong sáng, ngoại lực là sự gia hộ, chiếu cố, che chở của Tam bảo. Người hành trì được như thế, chắc hẳn nhận lãnh các đặc tánh, pháp ấn tuyệt vời cùng sự nhiệm màu mà phép Phật ban tặng, khiến người bình thường khác khó thực hiện được.

"Ai tâm không an trú - Không biết chơn diệu pháp

Tịnh tín bị rúng động - Trí tuệ không viên thành" (Dhp. 38)

Hòn đảo tự thân

Làm chủ, sống có bản lãnh, nương tựa tự thân, hòn đảo, ngọn đèn, ...là hàng loạt các kết quả đạt được nhờ sự hiểu biết như thật về tình thức, ý chí, tự tin, quảng đại, chuyên nhất,

cùng tính tự trọng, khéo điều phục hay sự bình ổn trong cảm xúc giao tiếp, xây thành sức mạnh năng động và thành trì kiên nhẫn giúp con người thẳng vào đích an vui giải thoát hay tự xây hòn đảo bản thân.

"Nỗ lực, không phóng dật - Tự điều, khéo chế ngự

Bác trí xây hòn đảo - Nước lụt khó ngập tràn" (Dhp. 25)

Thật vậy, người làm chủ chính mình, là người tự am hiểu, thông đạt, tỏ ngộ lý Tứ đế, có cách sống bình an, nơi trú ẩn an toàn, kiên cố và là chỗ dựa vững chắc đáng để mọi người học hỏi. Người luôn trang bị cho bản thân một tâm không dao động, không trôi buộc, không hệ lụy, phiền não, vị ấy hoàn toàn thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian, tâm trở nên tự tại, độc lập, an nhiên đối với các lẽ thanh suy, thành bại, được mất, hơn thua ngay trong cuộc sống vốn dĩ 'như thị' của đời này.

Bản về chỗ dựa, lòng tin, con người cần có hai pháp căn bản (i) tin vào quy luật Nhân quả, Nghiệp báo (ii) tin vào giáo lý Tứ đế. Tin vào quy luật Nhân quả, Nghiệp báo, con người cần nhận thức rằng các hành động thiện có cơ sở, mục đích sẽ đem lại kết quả an vui, cơ hội tốt, trí tuệ lành mạnh, thân thể tráng kiện, đời sống bảo đảm. Các hành động ngược lại, sẽ trở ngại cho thân lẫn tâm, làm cho con người luôn có cảm giác mệt mỏi, sầu muộn, bất an, uể oải, khổ đau, mất trí nhớ và hàng loạt các tri triệ không lành mạnh khác nổi tiếp. Nếu con người như thật hiểu về các pháp gồm tuệ quán hiện tại và tuệ tri như thật về thế giới con người đang hiện hữu, con người sẽ đón nhận kết quả như chúng đang là. Với ý nghĩa này, chánh pháp cung cấp cho con người đường lối quay về, thoát ly khổ đau, sáng tỏ chân lý, phát hiện bảo thành, trực nhận bình an của chính mình hay nhận chân bản lãnh ngay trong tâm tay.

Thông đạt Tứ đế, con người từng nghiệm qua, gì là khổ riêng của bản thân, nhân khổ từ đâu xuất phát, mau chóng đoạn diệt nó và con đường Bát Thánh luôn dẫn mọi người đến nơi bình an. Điều cần nhắc, chánh pháp nơi con người tìm đến nương tựa phải có liên hệ mật thiết đến cuộc sống của con người, nghĩa là con người cần cải đổi lối sống, hoàn cảnh, môi trường sinh hoạt của mình cho phù hợp, vừa vặn, thích nghi với chánh pháp, lấy chánh pháp

làm ngọn đuốc soi đường, làm căn cứ, nền tảng, cốt lõi để con người có thể thực thi một cách trực tiếp khiến giảm dần các trục trặc, chướng ngại, hiểm nguy trong khi giao tiếp. Thật sự, con người rất cần nương tựa Tam bảo để được Tăng bảo hướng dẫn làm thế nào thâm nhập chánh pháp và thế nào để chánh pháp mãi trường tồn. Muốn vậy, con người phát nguyện khi sanh ra, thường được: 'Trường thọ mệnh sự - Chánh tín xuất gia - Đồng chơn nhập đạo', để có thể 'Đem phước lành gieo rắc phàm nhân' và để 'theo Phật Pháp trên bước đường lành'.

Những cách trình bày trên giúp hình thành bộ phận cấu trúc không nhỏ trong việc gia trì nội lực cá nhân, biến đổi lý thuyết nhận thức thành hành động cụ thể, có ích, hay còn gọi 'biết sống đời rộng rãi', một 'tài sản vô cùng quý báu': tấm lòng khoan dung độ lượng tử đây luôn chiếu sáng. Tóm lại con người cần nương tựa chánh pháp vì Pháp bảo hay Phật bảo, là những nơi nương tựa soi thẳng vào tâm. Những chỗ dựa này, không tìm được từ phía bên ngoài, dù hình thức quy y góp phần không kém cho một kết quả thực tế, hữu dụng cho sự kiếm tìm và làm chủ đời sống tâm linh của bản thân. Bởi vì:

'Chí phàm phu tự lực, khó thành - Cầu đức Phật từ bi gia hộ'

Năm giới nền tảng

Do vì con người biết quý trọng đời sống an lạc riêng của mình, con người không nỡ tổn hại đời sống an lạc riêng của người. Đức Phật đã từng khuyên: 'Phật giới cấm chuyên trì chu đao - Dứt tận cùng cội rễ vô minh'. Khi con người tỏ ngộ, trở về bản lai diện mục của tự thân, họ hoàn hảo các phẩm chất tôn quý, nhờ đều đặn tích lũy, thận trọng bảo hộ hoài bảo thánh thiện ban sơ. Người như vậy, trong Phật giáo gọi là người đã 'thành tựu lõi cây' hay 'đặt gánh nặng xuống'.

Với chiến thắng cao cả, chiến thắng tự thân, vị này hoàn thiện ba mục tiêu quan trọng:

- (i) tránh làm các điều ác (sabba pāpassa akaraṇaṃ)
- (ii) thành tựu các việc lành ((saccitta pari-yodapanam)
- (iii) giữ tâm ý trong sạch (saccitta pari-yodapanam)

Nhờ tâm niệm hộ trì các giới căn bản:

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, *Tôi nguyện suốt đời không sát sanh*. Khi quan sát giới này, con người phát hiện sự đau khổ của người khác, chính là sự đau khổ của bản thân, từ đó giảm dần lối sống gây khổ cho người. Với nhận thức này con người nở rộng tình yêu thương đến tất cả, đồng thời biết đón nhận những ai cần được quan tâm, nhằm làm vơi nỗi sầu của người. Vì nhu cầu an lạc cho người, mọi cá nhân cần gìn giữ giới này.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, *Tôi nguyện đời đời không trộm cắp*. Giới này biểu lộ sự trân trọng đến quyền lợi mà người khác đang làm chủ về tài sản, nghĩa vụ, công sức. Nhờ quán triệt giới này, con người từ bỏ sống bằng các phương tiện bất chính như trộm cắp, lừa đảo. Con người trải từ bi tâm đến tất cả chúng sanh, xóa hẳn các tính bảo thủ, cố chấp, ích kỷ. Về mặt lợi tha, người gìn giữ được giới này sẽ góp phần thúc đẩy, xây dựng, hợp tác, thân thiện với những người chung sống.

3. Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, *Tôi phát nguyện không tà dâm*. Giới này khuyên mọi người biết tôn trọng mái ấm của riêng mình và hạnh phúc nơi gia đình người. Tôn vinh giá trị đạo đức gia đình, mọi người phải tự kiểm chế tính vô độ của bản thân, thận trọng, phát huy, đề cao thái độ trung thành trước sau như một của đời sống gia đình, cộng đồng. Thiếu hiểu biết về sự thật này, con người phải nhận hậu quả khó lường về sau.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, *Tôi nguyện trọn đời không nói láo*. Đức Phật dạy chúng ta không nên nói các lời vô ích, không chân thật, làm xa cách; hãy nói những lời có ích, hòa nhã, tử tôn, nói những gì liên hệ đến sự thật, mục đích an ổn, giải thoát, là nhân cho thiện nghiệp phát sanh. Giữ được giới này, uy tín của người thêm tăng, nhiều người tin cậy, yêu kính và thân cận.

5. Surā - meraya - majja - pamādatthānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, *Tôi nguyện không uống rượu, nếm các chất làm mê say khiến mất dần lý trí, gây rối loạn tinh thần, sanh hoang mang ngờ vực*. Có người cho rằng uống rượu để thể hiện tình thân hữu khi giao tiếp, nhưng họ quên rằng tình bạn nghiêm túc và đúng đắn thường dựa trên tấm lòng chân thật, có hiểu biết, chia sẻ, biết động viên, an ủi, sẵn sàng tha thứ, độ lượng ... không phải mượn rượu làm khuây. Nếu cá nhân nào phạm giới này, tư duy vị ấy trở nên hỗn loạn, bất chánh, dẫn đến các hành động thiếu tự chủ. Tài sản tiêu hao, gia đình ly tán, sức lực cạn kiệt, công việc đình trệ, lý tuệ lu mờ, con người trở nên vô tâm vô quý.

Nghiêm trì, tuân thủ các giới cấm, con người sẽ 'sanh phùng trung quốc', sanh ra với tướng mạo, sắc đẹp tự nhiên, nét hạnh đoan chánh, thừa tự gia tài chánh pháp để lại, có cuộc sống tịnh độ an nhàn ngay tại trần gian.

Có thể hiểu rằng, toàn bộ lời đức Phật dạy dựa trên nội lực kiên cố của con người, nghĩa là khi tâm con người có tinh thức, có chánh niệm, thì năm giới trên được thực hiện dễ dàng, thông suốt 'Nhân định, phát tuệ', do biết quán sát sự vật như chúng thật là.

Lợi ích pháp thiện (Kusala)

Từ khi hiểu đời là chuỗi nhân duyên tương

tục, Phật giáo dạy con người sống chánh niệm, liễu đạt lý duyên khởi để niềm an lạc mãi tồn tại, hiện diện và ngự trị.

Nhận định, tìm hiểu điều thiện, căn bản thiện; bất thiện và căn bản bất thiện; con người từ đó đi tìm cái gì là chơn, thiện, mỹ, hữu dụng để thực thi. Bởi vì đời sống con người có liên quan nhân quả lẫn nhau, ví như hột xoài hư không thể cho ra cây xoài tươi tốt, với trái ngon ngọt. Cũng vậy, chính con người làm chủ vận mạng của mình và chính con người tự tạo cho bản thân những kết quả an lạc hay khổ đau, không phải ai khác.

Thiện được hiểu theo hai nghĩa (i) xác định (con người tích cực thực thi một cách tự nhiên, vì đó là bản chất, chủng tử hay tập khí thiện trong con người) (ii) phủ định (cố gắng, miên cưỡng, ngăn chặn, kiềm chế các ác, bất thiện). Bàn gì đi nữa, kết quả hình thành của thiện có thể là nghiệp tốt (kusala kamma), nghiệp xấu (akusala kamma) hay vô ký (abyākata kamma). Vậy thì con người tạo ra vóc dáng và tâm trạng buồn vui của mình trong hiện tại và vị lai với nguồn gốc tích lũy của nghiệp.

Kinh Kesamutti, còn gọi Kālāma Sutta, [3] đề cập: Kesamutta, một thành phố nhỏ trong vương quốc xứ Kosala, nơi đức Phật đã khuyên nhủ dân Kālāma: 'Chớ tin vì nghe báo cáo, chớ tin vì truyền thuyết, chớ tin vì theo truyền thống. Chớ tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ tin vì lý luận suy diễn, chớ tin vì diễn giải tương tự, chớ tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện, chớ tin vì phù hợp với định kiến, chớ tin vì lòng tin ấy phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ tin vì sa môn là bậc đạo sư của mình. Nay Kālāma, khi nào tự mình biết: Các pháp này là sai, bất thiện, hãy từ bỏ chúng; các pháp này là thiện, đúng, tốt, hãy chấp nhận và hành theo' ...

Như vậy con người phải biết chọn lọc. Sự chọn lọc này có được, là kết quả thấu lượm từ thái độ quan sát, tư duy, học hỏi và kinh nghiệm theo hiểu biết (vấn tự tu), giúp con người vượt khổ đau, tiến đến đời sống tương lai sáng lạn, hạnh phúc và an lạc cho bản thân cùng tha nhân.

Yathā'pi puppharāsīmā, kayirā mālā gūṇe bahū.

Evam jātena maccena, kattabbam kusalam bahum.

"Như từ một đồng hoa - nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy thân sanh tử - làm được nhiều thiện sự." (Dhp. 53)

Thanh tịnh tâm

Bổn phận và trách nhiệm đối với con người trong đời sống hằng ngày, là thước đo bản năng ý thức của con người. Nó tồn tại bên trong, vì thế con người không thể đánh mất cái gọi là chất người, nhân phẩm, bản thể tự nhiên, hay quy luật đạo đức. Nếu mỗi tâm hồn thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm,

không phiền não, sẽ kết thành nhiều tâm đồng thể thanh khiết và cả cộng đồng ngát hương giới hạnh. Đất nước có kỷ cương, phép tắc, trật tự, giúp ngăn chặn phần nào các tệ nạn mang tính tự phát, vụ lợi, làm ảnh hưởng, tác động xấu đến bản chất của tập đoàn, cộng đồng.

Đức Phật là vị lương y độc tôn, đã từng thấy khổ đau trong nhân loại, thuyết ra chân lý đầu tiên (Khổ đế) để mọi người cùng nhận định, đồng thời chỉ ra lối thoát an toàn, đưa người đến chỗ thanh thoát, bình an. Đây là điểm then chốt chỉ thấy trong đạo Phật. Phần lớn người ta thích đến với đạo Phật vì Phật giáo dạy con người rất thực tế, giản dị, dễ tiếp thu đối với các tướng 'sanh trụ dị diệt' để không kẹt trong thọ dụng, chấp thủ, ái nhiễm vì thiếu hiểu biết. Con người luôn bằng lòng với hiện tại, giải quyết quá khứ và xây dựng tương lai. Nhận thức được đời là chuỗi khổ đau, tất nhiên cần hiểu nguyên nhân khát ái đích thực mà loại bỏ. Thấy được nhân rồi, nỗ lực đều đặn, tiêu trừ gốc rễ, để quả sai lầm của các nghiệp nơi thân khẩu ý và những hoạt động tiếp theo không có điều kiện tái phát. Hạnh phúc, an lạc trong tầm tay con người, nếu vị ấy một lòng thẳng bước trên con đường trung đạo, hòa mình vào quy luật tự nhiên, sống tinh thức trong từng hơi thở, quán triệt các pháp vô thường, vô ngã, làm tươi mát mình trong hương vị giải thoát.

Anekajāti samsāram, sandhāvissam anibbisam

Gahakārakam gavesanto, dukkhā jāti punappunam.

Lạng thang bao kiếp sống - Ta tìm nhưng chẳng gặp

"Người xây dựng nhà này - Khổ thay phải tái sanh" (Dhp. 153)

Gahakāraka dittho'si, puna geham na kāhasi

Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūtam visaṅkhitam

Visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṅhānam khayam ajjhagā.

"Ôi ! người làm nhà kia - Nay ta đã thấy người!

Người không làm nhà nữa - Đòn tay người bị gãy

Kèo cột người bị tan - Tâm ta đạt tịch diệt Tham ái thủy tiêu vong" (Dhp. 154)

(còn tiếp một kỳ)

[1] Hội thảo 'Hộ quốc an dân' tại tỉnh Kiên Giang, 2010

[2] Trường bộ (Khởi thế nhân bốn kinh, 27)

[3] Tăng Chi Bộ III (539- 543) / Kinh thứ năm trong Đại Phẩm của chương có Pháp Ba Số, đoạn 66.

quạnh

*rong ruổi đường trần mỗi gót chân
quê nhà xa tít dặm phong vân
bên chân khói sóng trời cô tịch
viễn xứ cố hương chạnh tiếng đàn.*

chút gì

*ta cho rơi tóc cả rồi
lại về thù tạc bên đời với mi
trần gian? giỡn chút, sá gì?
bày trò thơ rượu đi - về cùng nhau.*

nẻo về mang mang

*chàng về theo khói qua nhà
theo sương qua bến sông hà biển dâu
theo trăng qua mộng ban đầu
theo nàng qua buổi kinh cầu đầu hôm
chàng về sương khói dập dờn
bên chiều nghe muện cội nguồn rã tan
nghe trong âm điệu võ vàng
còn chẳng lịch sử mấy trang chưa thành?
chàng về lối cũ đường quanh
dấu xưa tang hải song hành mai đây
tri âm còn đợi nơi này
thước gươm ngang dọc vẫn dài đường đi
chàng về cố lý lệ thê
tấc lòng tri ngộ cùng chia trắng ngàn.*

cảm tức

*góc phố đèn mờ quán cuối đường
châu đầu bên cốc rượu tha phương
nhớ bạn quê xa đang thụ án
chắc cũng quặn lòng đau cố hương?*



nhập định

*tiếng kệ đầu non rung bóng chuông
trắng tà chênh chếch rọi qua truông
bờ tre xao xác mùa gió động
áo vải sa môn ướt cội nguồn.*

lưu hình

*mây mù giăng biển rộng
sấm chớp đỉnh cô phong
con tắc kẻ đối giọng
chuông điểm hôi thu không.*

thơ PHÙ DU

TUỆ TRÍ CỔ XƯA VÀ TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI

Nguyên tác: *Ancient Wisdom and Modern Thought*

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

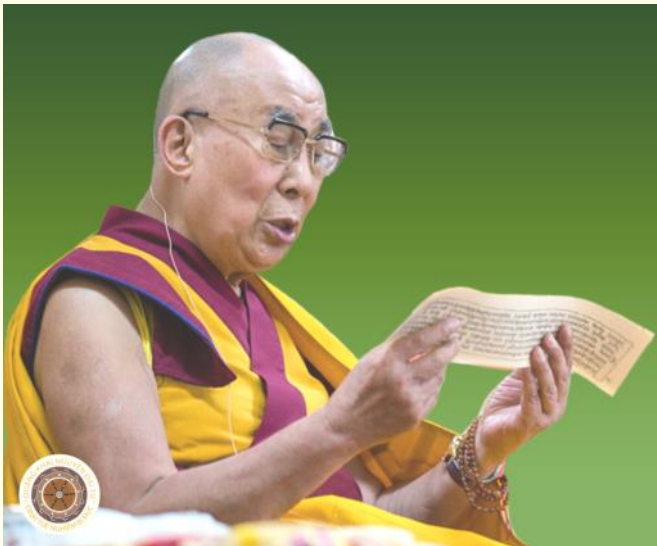
Tôi thật sự cảm thấy vinh dự lớn để nói chuyện với quý vị. Đặc biệt tại trường đại học, vì đây là trường Đại học Bombay rất nổi tiếng. Tôi luôn cảm thấy vui mừng khi gặp gỡ với các sinh viên. Tôi tin rằng thế hệ trẻ hơn – những người tuổi dưới 30 hay là 20 – là thế hệ thật sự của thế kỷ này, thế hệ có thể tạo nên một tình trạng mới cho thế giới này một lần nữa. Thời gian luôn luôn chuyển dịch – không một năng lực nào có thể làm nó dừng lại. Nhưng rồi thì, những gì chúng ta có thể làm là sử dụng thời gian một cách thích đáng. Tôi nghĩ rằng, ở cấp độ toàn cầu, thế hệ thuộc thế kỷ 21 là thế hệ chính có trách nhiệm để tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn.

Trong thế kỷ 20, dĩ nhiên, những thành tựu vĩ đại đã được tạo ra trong lãnh vực kỹ thuật và trong khoa học. Tuy thế, thế kỷ này cũng trở thành thế kỷ của máu đổ và bạo động. Và từ Thế Chiến Thứ 2, có sự sợ hãi liên tục, đặc biệt trong những quốc gia Âu châu. Mặc dù có hòa bình rõ ràng ở đây, nhưng bên

dưới có sự sợ hãi liên tục, điều gì đó tôi đã chú ý thấy trong một chuyến viếng thăm vùng biên giới Tây Đức.

Tất cả những thứ này là của cùng thế giới loài người, nhưng do bởi kỹ thuật, một số trong chúng ta đạt được năng lực tàn phá kinh khiếp. Đôi khi tôi thật sự cảm thấy rằng trí thông minh kỳ diệu của con người bị sử dụng cho những mục đích sai lạc. Thế nào đi nữa, vì chúng ta đã học hỏi từ những hoàn cảnh bất hạnh như vậy trong thế kỷ trước, nên bây giờ thế hệ trẻ phải có tầm nhìn xa để tạo ra một thế giới khác. Hòa bình thế giới có nghĩa là một thế giới của hòa bình, và hòa bình không đến từ bầu trời, hay qua giấy mực; hòa bình phải đến qua hòa bình bên trong. Như tôi đã đề cập trước đây, đôi khi những vũ khí nguyên tử này hành động như một trở ngại. Chúng có thể đem đến một sự hòa bình bề ngoài, nhưng chỉ bởi vì sợ hãi. Đó không phải là một nền hòa bình chân thành. Bây giờ câu hỏi là chúng ta phát triển niềm hòa bình nội tại như thế nào?

Hòa bình nội tại bằng thuốc men? Không. Thuốc giảm đau, có thể, nhưng chỉ trong một thời gian ngắn. Hay ma túy? Không. Rồi thì, sự giảng huấn có thể mang đến hòa bình nội tại chứ? Xét cho cùng, không chắc lắm. Một số những người tạo ra rắc rối thật sự – như não bộ của họ được quan tâm đến – là rất thông minh, rất trí thức. Nhưng họ sử dụng não bộ của họ trong một cung cách tiêu cực. Thế nên tôi rất nhiệt tình gặp gỡ với thế hệ trẻ hơn trong những khu vực khác nhau của thế giới. Khi tôi gặp những người Ấn Độ trẻ, công cộng Ấn Độ, tôi có một cảm giác xúc động nào đó. Thật sự, từ khi Phật giáo đến Tây Tạng, sau đó toàn bộ nền văn minh Tây Tạng đã được phong phú và phát triển hơn nhiều lắm. Do vậy, lúc ngài Morarji Desai lãnh chức thủ tướng, như thông thường, tôi đã viết thư chúc mừng. Và rồi trong thư trả lời, Morarji Desai đề cập rằng nền văn minh Tây Tạng và Ấn Độ là hai nhánh của một





*His Holiness the Dalai Lama in Mumbai, India, on Feb. 18th, 2011
Photo: Tenzin Choejor / OHDDL*

cây bồ đề - cùng gốc rễ. Thế nên, tôi thường diễn tả Ấn Độ như đạo sư của chúng tôi. Tây Tạng là học trò của đạo sư Ấn Độ. Vì vậy, khi tôi tương tác với những người Ấn Độ, đôi khi tôi cảm thấy như đang nói chuyện với các bạn về những sự kiện rằng đặc biệt chúng tôi đã học hỏi từ quý vị, tôi cảm thấy vinh dự lớn. Và rồi thì, Bombay là trái tim của nền kinh tế Ấn Độ, cho nên rất quan trọng. Do thế tôi rất vui mừng vì cơ hội này.

Như tôi đã đề cập trước đây, thời gian luôn luôn chuyển động. Và rồi thì, thế giới - do bởi sự hâm nóng địa cầu, do bởi dân số gia tăng và cũng như một số hệ thống chính trị - đôi khi cũng làm nên một số rắc rối. Và trong kinh tế, khoảng cách giữa giàu và nghèo cũng là một vấn đề rất nghiêm trọng. Kém may mắn thay, ở Ấn Độ khoảng cách giữa giàu và nghèo vẫn tồn tại. Cho nên không ai cho rằng tương lai của chúng ta là điều gì đây để dành một cách đương nhiên, điều gì đó không có nhiều rắc rối - không. Các vấn nạn bắt buộc phải xảy ra. Thế thì, ở đây, nhằm để đối diện với thế giới phức tạp, tôi tin chúng ta cần hai thứ.

Trước tiên nhất, giáo dục. Sự tiếp cận của chúng ta phải nên thực tế, đến bất cứ vấn nạn nào. Chúng ta nên có một kiến thức toàn vẹn hơn về thực tại. Chỉ như thế, chúng ta mới có thể đón nhận những kết quả hài lòng. Bất chấp mục tiêu của chúng ta là cao quý thế nào đi nữa, nhưng nếu phương pháp được sử dụng là không thực tế, thì quý vị sẽ không đến được mục tiêu một cách toại nguyện. Do vậy, nhằm để thực hiện một sự tiếp cận thực tiễn, nhằm để biết thực tế một cách hoàn toàn, thì giáo dục có một vai trò rất quan trọng, vì tôi tin mục tiêu chính của giáo dục là để giảm thiểu khoảng cách giữa hiện tượng và thực tại.

Và rồi thì, có một nhân tố khác. Tôi thường nhấn mạnh rằng nhằm để thấy thực tại, chúng ta phải nhìn vào nó một cách vô tư.

Ngay cả nếu nó là điều gì đó tích cực, đáng mong ước, những gì chúng ta muốn, nhưng nếu chúng ta nhìn vào mục tiêu đó với sự dính mắc, thì chúng ta không thể nói đó là thực tại. Ở đây tôi muốn chia sẻ một câu chuyện. Nhiều năm trước ở Argentina, tôi có một cuộc gặp gỡ với một số nhà lãnh đạo tôn giáo, và ít nhất là một khoa học gia - một nhà vật lý học - được biết là người Chi Lê. Tại cuộc gặp gỡ, ông đề cập rằng, ông là một nhà khoa học, nhưng ông tin rằng ông không nên để sự vướng bận với lãnh vực khoa học của ông phát triển. Điều đó tôi nghĩ là rất quan trọng. Bây giờ, thí dụ, tôi là một Phật tử, tôi có đức tin với Phật giáo. Nhưng tôi không nên bị dính mắc với Phật Pháp. Nếu tôi phát triển sự chấp trước với Phật giáo, thế thì tâm tư tôi trở thành định kiến. Qua cách đó, tôi không thể thấy giá trị của những tôn giáo khác. Cho nên các bạn phải thật vô tư, không thành kiến.

Do vậy, nhằm để giữ tâm tư chúng ta trung tính khi chúng ta tiến hành công việc nghiên cứu, thì phải nên không có những cảm xúc như dính mắc, thù oán, sân hận - những cảm xúc này là một chướng ngại cho việc phát triển một tâm tư tĩnh lặng. Vì thế, chúng ta phải chú ý nhiều hơn với thế giới cảm xúc. Thông thường chúng ta không chú ý nhiều, và điều đó tạo ra rắc rối. Các truyền thống tôn giáo khác nhau cố gắng để giảm thiểu tối đa những cảm xúc tàn phá chẳng hạn như sân hận và thù oán. Tất cả mọi tôn giáo thực hiện sự giảng dạy về từ ái, bi mẫn, tha thứ và bao dung.

Vì thế chúng ta nên, qua việc sử dụng cảm nhận thông thường, cố gắng để giảm thiểu những cảm xúc khu biệt này. Điều đó cũng rất có thể. Tôi muốn chia sẻ một kiến thức với quý vị. Theo truyền thống cổ xưa Ấn Độ, thông minh là trình độ thứ nhất của tri thức. Tri thức qua học hỏi, qua sách vở, qua diễn thuyết và những tác phẩm khác là một trình độ của tri thức. Như vậy đó là không quá vững chắc. Quý vị học hỏi điều gì đó và quý vị phát triển những khái niệm hoàn toàn trên căn bản của những kiểu mẫu khác. Rồi thì, nếu một người khác nói, "Không, như vậy đó là sai," quan điểm của bạn cũng lập tức thay đổi. Vì thế, trình độ thứ nhất của tri thức là không thật vững chắc. Tuy nhiên, nó hoạt động trên một căn bản. Sau đó, chúng ta cần sự quán chiếu xa hơn.

Hãy phân tích bởi chính quý vị về những gì quý vị học hỏi từ những người khác, hay từ sách vở. Khi một vấn đề nào đó được đề cập bởi một người khác hay một quyển sách, hãy bảo đảm bạn phân tích và thẩm tra nó. Rồi thì quý vị phát triển trình độ thứ hai của tri thức qua sự phân tích của chính bạn. Tri thức đó bây giờ mạnh mẽ hơn nhiều. Bây giờ nếu một người khác nói, "Cái đó sai," bạn sẽ trả lời, "Không, tôi đã khảo sát một cách hoàn toàn, tôi đã nghiên cứu nó một cách hoàn hảo - nó đúng." Vậy thì đó là một loại niềm tin mãnh liệt và

thành thật. Sau đó, trình độ thứ ba của trí thức là không duy trì trên trình độ trí thức của sự thông hiểu, nhưng làm quen thuộc chính bạn với những gì bạn học, cho nên cuối cùng bạn đạt được một kinh nghiệm nào đó. Trí thức qua kinh nghiệm – bây giờ nó thật sự đáng tin cậy.

Rồi thì đến tâm thức tĩnh lặng. Ở đây, tôi cảm thấy có hai phương pháp để thực hiện. Một phương pháp là, bất cứ khi nào chúng ta nhìn vào một việc gì đó, chúng ta phải nhìn trong một cung cách toàn diện hơn. Đó có nghĩa là quý vị không thể nhìn thấy toàn bộ hoàn cảnh trong một chiều kích. Bạn phải nhìn từ những khía cạnh khác nhau hay tất cả sáu chiều kích, chỉ như vậy bạn mới có được một tính trạng rõ ràng hơn về thực tại. Và cũng thế, rồi thì các cấp độ tinh thần của chúng ta thường hiện hữu lên và xuống khi chúng ta thấy một số thứ tích cực và tiêu cực. Nếu những thứ tiêu cực là hầu như chắc chắn, thế thì sẽ có quá nhiều lên và xuống. Và nếu những thứ tích cực là luôn luôn hầu như chắc chắn, xét cho cùng cũng lại có nhiều rối rắm. Trong thực tế, thật không thể một thứ duy nhất lại hoàn toàn tích cực hay trọn phần tiêu cực. Bất cứ sự kiện nào cũng là tương đối. Cho nên hãy so sánh những nhân tố nào đó – so sánh tích cực này và so sánh tiêu cực nọ. So sánh mọi thứ như thế đó. Vì một quan điểm toàn diện, thì chúng ta phải có thể thấy những khía cạnh khác nhau của thực tại – đó là vấn đề tâm thức chúng ta có thể trở thành cân bằng hơn như thế nào.

Điều thứ đến cần cho một tâm thức tĩnh lặng là lòng nhiệt tình và bi mẫn thương cảm. Như tôi đã đề cập trước đây, tất cả những tôn giáo truyền thống đều mang cùng thông điệp, nhưng tình cảm một cách căn bản là một nhân tố sinh học mang thông điệp giống nhau và không đến qua đức tin tôn giáo. Hãy nhìn những con thú – động vật có vú hay ngay cả chim chóc – những con sơ sinh sống còn hoàn toàn phụ thuộc vào sự chăm sóc của con mẹ. Tình cảm này hiện hữu như một nhân tố sinh học. Có một tình cảm vô biên từ phía bà mẹ, vốn cho bà mẹ năng lượng để chăm sóc, ngay cả ý chí để hy sinh chính cuộc sống vì sự sống còn của con cái bà ta. Không có loại cảm xúc mạnh mẽ ấy tồn tại, thì năng lượng ấy sẽ không hiện hữu. Loại cảm xúc ấy đến từ nguồn gốc sinh học – nó là cần thiết.

Theo nhận thức của con trẻ, ngay từ lúc sinh ra – không cần lý trí, không cần kiến thức – một cách sinh học nó hoàn toàn lệ thuộc vào mẹ của nó. Miễn là bà mẹ ôm ấp nó và ấm bằng nó, đứa trẻ cảm thấy hạnh phúc và an toàn. Ngay khi bị tách rời, nó cảm thấy không an ổn. Thế nên chúng ta có thể nói một cách chắc chắn rằng tình cảm đến từ nhân tố sinh học – lấy điều đó như một hạt giống. Rồi thì, với sự giúp đỡ của trí thông minh con người, tình cảm đó có thể nảy nở và làm mạnh đứa bé. Bây giờ, ở đây là những sự khác biệt. Cấp

độ thứ nhất của tình cảm hay yêu thương là định kiến. Chúng ta không thể mở rộng tình cảm đến điều mà chúng ta gọi là kẻ thù, mà thái độ vốn có của họ đối với chúng ta là tiêu cực và làm tổn hại chúng ta. Trên cấp độ ấy, vì tình cảm sinh học định kiến là tác động-bồng bột, do vậy chúng ta không thể mở rộng cảm giác từ ái và bi mẫn đến những tác động vốn là tiêu cực đối với chúng ta.

Rồi thì, qua rèn luyện và với sự giúp đỡ của trí thông minh con người, chúng ta có thể phân tích những thuận lợi và bất lợi của tình cảm, thù oán và ganh tỵ. Một khi chúng ta làm như vậy, chúng ta có thể phát triển sự tự tin và nhiệt tình. Một thái độ vị tha lợi lạc vô biên cho tự thân, gia đình, cộng đồng và ngay cả sức khỏe của ta. Qua phân tích và với sự giúp đỡ của trí thông minh con người, chúng ta có thể mở rộng lòng yêu thương định kiến, giới hạn cho đến khi nó cất cao thành lòng bi mẫn thương cảm không thành kiến – không còn tác động-bồng bột mà thích ứng thể hiện tự nó... hay trong trường hợp của con người, thích ứng đối với chính tự con người. Hôm nay kẻ thù của ta, như hành động hay thái độ được xét đến, là tiêu cực đối với ta – nhưng kẻ ấy vẫn là một con người. Kẻ ấy là một bộ phận của cộng đồng rộng lớn hơn, cho nên ta phải duy trì lòng bi mẫn thương cảm chân thành. Một cảm giác chân thành của sự quan tâm cho sự cát tường của chính kẻ thù của ta – bất chấp thái độ của họ là gì – là lòng bi mẫn thương cảm không thành kiến.

Tất cả những truyền thống tôn giáo quan trọng truyền dạy cho chúng ta điều này, nhưng bằng việc sử dụng cảm nhận, kinh nghiệm thông thường, và những khám phá khoa học mới nhất, thì chúng ta có thể phát triển sự tự tin. Chúng ta có thể phát triển loại thái độ vị tha vô hạn đối với người khác. Một số người không tin ngưỡng tự nguyện hy sinh sự sống của họ vì lợi ích của người khác. Điều đó không phải qua đức tin tôn giáo mà qua cảm nhận thông thường. Tôi nghĩ chúng ta có thể khuyến khích việc đó qua giáo dục, không phải qua giáo lý tôn giáo mà qua tinh thức. Hệ thống giáo dục mà chúng ta đang sử dụng trong xứ sở này vốn căn bản được giới thiệu bởi người Anh quốc. Ở phương Tây, khi chúng ta phân tách những thể chế đã khởi xướng, về phía đạo đức luân lý, tôn giáo lãnh trách nhiệm; và con người cũng được hướng dẫn bởi những giá trị gia đình đến một phạm vi nào đó. Nhưng bây giờ, ở thời hiện đại, sự ảnh hưởng của tôn giáo đã giảm thiểu. Các giá trị gia đình cũng đi đến lỏng lẻo. Ngày trước, các thể chế giáo dục đảm trách sự phát triển não bộ mà thôi; các thứ khác đảm trách đạo đức luân lý.

Ngày nay, ảnh hưởng của những thứ khác đã giảm thiểu, chỉ riêng cơ chế giáo dục lãnh nhiệm vụ cả đảm trách sự phát triển não bộ và sự tăng trưởng lòng nhiệt tình. Cho nên bây giờ, ở Âu châu và cũng như ở Hoa Kỳ và Cana-

da, trong những đại học khác nhau người ta đang cho thấy sự quan tâm chân thành về sự kiện rằng trong hệ thống giáo dục hiện đại, người ta không chú ý tương xứng với lòng nhiệt tình. Trong một số quốc gia với nền tảng Do Thái - Ki tô giáo, người ta tin rằng đạo đức luân lý phải được căn cứ trên đức tin tôn giáo; trái lại trong quốc gia này, có nền đạo đức thế tục - trong thực tế, chính hiến pháp Ấn độ được căn cứ trên chủ nghĩa thế tục. Do bởi những hoàn cảnh của quốc gia này, vì có quá nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau. Cho nên nếu đạo đức luân lý bị căn cứ trên đức tin tôn giáo, thì câu hỏi tiếp theo là tôn giáo nào hay đức tin nào họ phải tuân theo? Phức tạp hơn. Do vậy, quý vị thấy, ở Ấn Độ phải có một nền luân lý không phải theo một đức tin tôn giáo đặc thù nào. Tôi nghĩ đó là một khái niệm thật sự hữu ích.

Trái lại, khi tôi nói ở những nơi khác của thế giới về đạo đức thế tục, một số người bạn của tôi tỏ ra hơi dè dặt về chính chữ "chủ nghĩa thế tục." Do thế, tôi thường giải thích, theo Ấn Độ, chủ nghĩa thế tục không có nghĩa là thiếu sự tôn trọng đối với tôn giáo mà đúng hơn là một sự tôn trọng đối với tất cả mọi tôn giáo, có phải không? Tôi nghĩ đây là một tiến bộ cho Ấn Độ - vì vậy bây giờ chúng ta nên thúc đẩy nền giáo dục đạo đức phù hợp với một căn bản thế tục. Tôi muốn chia sẻ với quý vị rằng tôi luôn luôn nói với thế giới bên ngoài rằng, "Ấn Độ có tuệ trí cổ xưa, và tôi không đang nói về những thứ huyền bí. Tôi đơn giản đang nói về bất bạo động - ahimsa. Đó là một truyền thống nghìn năm, và rất nhiều trong dòng máu Ấn Độ." Và với điều đó, hòa hợp tôn giáo cũng ở đó trong hàng nghìn năm ở xứ sở này. Thế nên, bây giờ ngày hôm nay, tất cả mọi truyền thống tôn giáo quan trọng của thế giới được thiết lập trên xứ sở này sống một cách hòa hợp. Thịnh thoàng có một số rắc rối nào đó giữa Ấn giáo và Hồi giáo, nhưng điều đó có thể hoàn toàn hiểu được. Trong một tí con người, thì một số người xấu ác nào đó luôn luôn hiện diện ở đó. Điều này có thể hiểu được, nhưng một cách căn bản, không khí là rất hòa bình. Tất cả mọi truyền thống tôn giáo sống một cách hòa bình.

Một ngày nọ, ở Jodhpur, tôi đã gặp một người đàn ông Romania vừa đi ngang khách sạn. Ông nói với tôi rằng ông đang tiến hành một nghiên cứu về sự hòa hợp tôn giáo nào đó trong xứ sở này. Ông đã ở một thời gian trong một ngôi làng nơi cư dân toàn người Hồi giáo, ngoại trừ ba gia đình Ấn giáo. Ông đã ngạc nhiên với những mối quan hệ thật êm ấm. Không có đe dọa với ba gia đình Ấn giáo này từ đa số cộng đồng Hồi giáo. Do vậy, tôi đã nói với ông, ở Ấn Độ, toàn thể - Nam Ấn, bắc, đông, tây Ấn - tất cả đều là dân dã - những gia đình Ấn giáo, gia đình Hồi giáo, gia đình Ki tô giáo, và một số Kỳ na giáo, và trong một số trường hợp bạn thấy một ít người Phật giáo. Đây thật sự là kho báu của Ấn Độ. Đó không



phải là phát minh mới mẻ, mà nó đã được giữ gìn qua hàng nghìn năm qua. Cho nên, bất bạo động - ahimsa - và hòa hợp tôn giáo - đây là hai thứ mà tôi xem như những báu vật cổ xưa của Ấn Độ. Bất cứ đi đâu, tôi luôn luôn nói về hai thứ này, và tự xem mình là sứ giả của tư tưởng Ấn Độ cổ truyền.

Cùng lúc đó, tôi cũng nói về người thụ hộ Ấn Độ của tôi - có nghĩa là những người Ấn Độ mà tôi xem như đạo sư của tôi, và chúng tôi là học trò của họ. Đôi khi tôi đề cập rằng chúng tôi không chỉ là những học trò của đạo sư Ấn Độ mà cũng là những học trò hoàn toàn đáng tin cậy. Lý do? Từ hàng nghìn năm trước, truyền thống Na Lan Đà đã thăng trầm biết bao lần ở ngay trên quê hương của nó. Trong những thời điểm đó, chúng tôi - những học trò của quý vị - vẫn giữ truyền thống này nguyên vẹn. Thế nên, điều đó cho thấy rằng chúng tôi hoàn toàn đáng tin cậy, như những học trò. Vì vậy trong cách nào đi nữa, ở trình độ của học trò và sứ giả, tôi hoàn toàn năng động trong việc thúc đẩy những thứ này. Bây giờ đạo sư của tôi - vị thụ hộ của tôi - phải tiến bộ, và nên năng động hơn đối với việc thúc đẩy bất bạo động và hòa hợp tôn giáo. Một cách đặc biệt trong các trường đại học, mỗi sinh viên nên có một quan điểm rõ ràng về những thứ này, một nhận thức rõ ràng về báu vật hàng nghìn năm của chính quý vị. Rồi thì Ấn Độ sẽ trở thành một xứ sở dân chủ - dân số - thông tuệ vĩ đại nhất, và cũng do bởi sự ổn định của nó.

Tôi nghĩ trong những thời kỳ ban đầu, Thánh Gandhi và những chiến sĩ đấu tranh tự do cuối cùng đã phổ biến từ ngữ về bất bạo động đến thế giới bên ngoài. Martin Luther King đã đi theo con đường của Thánh Gandhi, đã chiến đấu và đạt được những quyền lợi dân sự ở Hoa Kỳ. Ngày nay (2011), ngay cả tổng thống của quốc gia ấy cũng là người da đen. Đây là những thay đổi lớn thật sự. Vợ của Luther King một lần đã nói với tôi rằng Martin Luther King bị hấp dẫn với lối sống của Thánh Gandhi rất nhiều đến nỗi ông muốn ăn mặc như Thánh Gandhi. Như vậy là hơi quá xa, tôi nghĩ. (Cười) Và như quý vị có thể thấy, Nelson

Mandela vị tổng thống đầu tiên của Nam Phi sau khi đạt được dân chủ - cũng bị thu hút với những nguyên lý bất bạo động của Thánh Gandhi.

Với bất bạo động và hòa hợp tôn giáo, tôi nghĩ, những người Ấn Độ nên cho cả thế giới thấy rằng những truyền thống tôn giáo khác nhau có thể chung sống một cách hòa bình, học hỏi lẫn nhau, với sự tôn trọng hỗ tương và trao đổi tuệ trí. Tôi nghĩ Ấn Độ có thể biểu lộ điều này đến toàn thế giới. Tuy nhiên, ở Ấn Độ, đôi khi những khác biệt và rắc rối cũng đã bị tạo ra nhân danh tôn giáo, cả trong lịch sử và trong thời đại ngày nay. Do vậy, quý vị - như vị thủ hộ của tôi, đạo sư của tôi - nên đảm nhận một vai trò năng động hơn trong những lãnh vực này.

Cùng lúc đó, trong xứ sở này, sự đối xử phân biệt cũng được tạo ra bởi hệ thống đẳng cấp và hệ thống hồi môn. Sự đối xử phân biệt giữa đàn ông và đàn bà và sự phân biệt đẳng cấp cũng là một bộ phận của truyền thống quý vị, nhưng những thứ này là lỗi thời. Quý vị phải thay đổi những thứ này. Cho nên mọi người - lớp trẻ - của xứ sở này, bây giờ quý vị phải sáng tạo hơn. Hãy thay đổi những thứ lạc hậu này. Quý vị phải năng động - điều đó tôi nghĩ là rất, rất quan trọng. Cuối cùng, đôi khi hãy tiếp nhận một sự phê bình xây dựng nho nhỏ từ học trò của quý vị. Đôi khi quý vị hơi lười biếng. Vì thế quý vị nên cần mẫn hơn - quý vị phải hoàn toàn tự tin và siêng năng hơn. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với quý vị. Cho nên, cảm ơn. Bây giờ tôi sẽ trả lời một vài câu hỏi.

(còn tiếp một kỳ)

*(Trích từ quyển
The Big Book of Happiness)*



VỀ GIÀ LAM *

*Mười năm rồi về lại chốn Già Lam
Mười năm đi như sương khói mơ màng
Mười năm như những bài Kinh Phạn bản
Nói nổi đời huyền khúc tụng diệu dàng*

*Về Già Lam
Tìm bóng chim mang chiều đi thoi thóp
Mang chiều đi vào muôn kiếp lai sinh
Mười năm tôi xa như đã từng ở lại
Ngắm chùa mình đôi mắt mở phù vân
Thầy vẫn như xưa gầy áo phai vàng
Nhu đỉnh Thái Sơn lớp lớp mây ngàn
Nhu cội tùng hoa, tán xanh lá rợp
Tôi dập đầu đánh lễ cõi thênh thang
Mười năm rồi về lại chốn Già Lam
Tìm tiếng chuông đuổi vội lá thu vàng
Lá thu tàn là nụ hôn lòng đất
Tôi dập đầu đánh lễ những cưu mang
Về Già Lam như mây giăng trời bạc
Mượn Càn Khôn ta mặc võng đong đưa
Về Già Lam hương lòng không đủ thấp
Tiễn người về an trú tạng nghiêm xưa.*

PHÁP HIỀN CƯ SỸ

(kỷ niệm mười năm về học tại Già Lam)

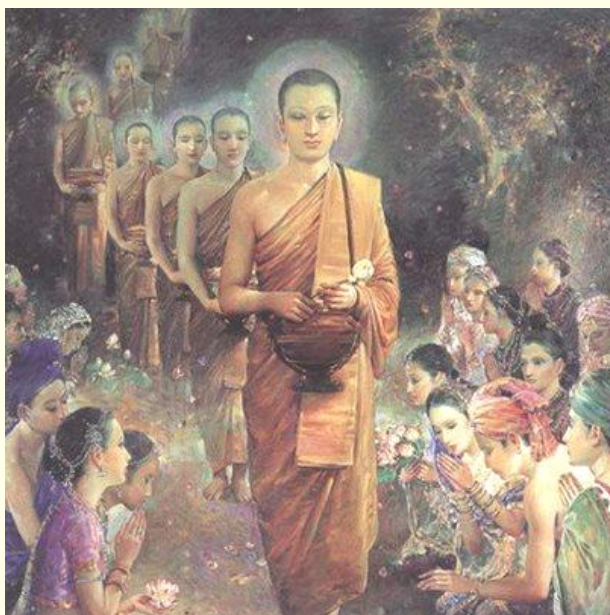
* Già Lam: Phiên âm tắt từ Phạn ngữ Saṃghārāma - Tăng-già-lam, nơi ở của tăng chúng, chùa, tự viện - Luận Tập chú thích.

KHI PHẬT TRẢI TÒA

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

So sánh cách mở đầu các bộ kinh Đại thừa khác như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Địa Tạng, thì cách mở đầu (duyên khởi) kinh Kim Cương thật đặc biệt. Thứ nhất, không có những hội chúng đông đảo siêu phàm như ở hội Hoa Nghiêm gồm đủ loại trời, rồng, quỷ thần tập hợp. Không có những điềm lạ như trời mưa hoa, đất rung chuyển, Phật phóng hào quang soi khắp bốn phương tám hướng trước khi nói pháp như ở hội Pháp Hoa. Lại nữa kinh này không phải như Kinh Địa Tạng được thuyết ở một



nơi bí hiểm (với chúng ta) như cung trời Đao Lợi, nơi ngài lên thăm mẫu hậu Ma Gia phu nhân. Mở đầu kinh Kim Cương, ngược lại, đức Phật xuất hiện hoàn toàn bình dị như một CON NGƯỜI, một vị Tỷ kheo ôm bát vào thành Xá Vệ xin ăn, nghĩa là ngài xuất hiện giữa thành phố loài người, giữa chúng ta: cảm động và thân thiết biết bao!

Hình ảnh đơn giản và hùng hồn ấy nói lên sức mạnh tuyệt đối của tâm linh, không cần những nghi thức rầm rộ như kèn trống, cờ long, tùy tùng. Oai mà cần phải "làm oai" thì chưa phải là oai thật. Sức mạnh tâm linh của Phật không cần một hình thức biểu dương lực lượng nào cả, mà Ngài vẫn ngự trị trong lòng mọi người Phật tử ngót 25 thế kỷ và vẫn còn ngự trị. Sự sống bình dị của Ngài trở thành tấm gương sáng chói muôn đời: từ bỏ ngôi vua, lầu son gác tía, cắt đứt tình thân, ra đi làm một khất sĩ lang thang không nhà, hành đạo và chết giữa đất trời, dưới những gốc cây. Cả cuộc đời ngài là một bài thuyết pháp hùng hồn nhất không cần phải nói thêm gì nữa. Qua

vậy, Ngài đã dạy: "Trong 49 năm thuyết pháp, Như Lai chưa từng nói một lời." Và ngay trong kinh Kim Cương cũng nói: "Như Lai không có nói gì cả." (Như Lai vô sở thuyết). Bởi vì Ngài đã nói bằng hành động, bằng sự sống của Ngài. Qua cuộc đời cao cả đó, chúng ta thấy rõ sự trống rỗng, nguy hiểm giả tạm của danh vọng (cả đến danh vọng tốt bậc như ngôi vua), tài sản (dù là sở hữu cả một quốc gia), hạnh phúc (dù là vợ đẹp, trình thuận và môn đăng hộ đối như công chúa Gia Du Đà La). Tất

cả những thứ đó, qua thái độ từ bỏ dứt khoát của thái tử Siddhartha, trở thành rơm rác, thành số không thâm hại, mặc dù Ngài không thốt lên một lời chê bai chỉ trích. Thái độ này rõ ràng có nghĩa những thứ ấy thực "không đáng nói tới." Lặng lẽ mà ra đi, còn thái độ nào cao cả hơn? Còn phê bình, chỉ trích, chê bai là còn có cái âm ức của kẻ "muốn mà không được": muốn danh vọng hơn, muốn nhiều tài sản hơn, muốn nhiều hạnh phúc hơn. Đẳng này, Thái tử không nói gì, không chê bai gì vì Ngài coi thường tất cả danh vọng, tất cả tài sản vật chất, tất cả sắc đẹp, hạnh phúc nhỏ mọn mà chúng sanh ôm ấp không nở rời.

Bỏ tất cả để ra đi, nhưng không thể nói là Ngài đã chán đời hay trốn đời. Nếu chán đời thì Ngài đã tự tử. Bằng sự ra đi, Ngài mở cho ta một con đường, một lối nhìn khác đối với cuộc đời: cuộc đời không phải chỉ có chùng ấy, nghĩa là danh lợi, tài sắc, hạnh phúc gia đình, v.v... đúng hơn đó là những cái lồng sơn son, những dây xích mạ vàng để giam nhốt trí buộ chúng ta, khiến chúng ta không nhìn thấy được bầu



trời cao rộng. Sự ra đi của Thái tử chính nói lên rằng có một sinh lộ cho ngộ bí mà chúng ta vẫn quanh quẩn không thoát được: tài, danh, tình ái. Chúng ta cứ tưởng rằng không mê được những thứ này thì chỉ còn nước tự sát, vì hiểu lầm cuộc đời chỉ có chừng ấy chuyện. Và ai thoát ly những thứ ấy để ẩn tu nơi thâm sơn cùng cốc thì thiên hạ cho là "trốn đời". Nhưng cuộc đời là chính con người thì làm sao trốn đời được khi ta vẫn còn sống? Đúng hơn, người ẩn sĩ mang cuộc đời lên rừng núi để có thể "thấy" rõ mặt thật của nó, như một nhà bác học rút vào phòng thí nghiệm để nghiên cứu kỹ hơn về cái mà ông muốn biết. Đức Phật của chúng ta cũng vậy. Ngài đã lên rừng, và sau nhiều năm tu hành, cuối cùng đắc quả, giác ngộ chân tướng của cuộc đời, thế giới và chúng sinh.

Trở lại hình ảnh Đức Phật xuất hiện giữa chúng ta trong đoạn mở đầu kinh Kim Cương: Ngài xuất hiện như một vị tỳ kheo ôm bát vào thành, xin ăn từng nhà, rồi trở về dùng gạo, ăn xong rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi. Thật là giản dị mà hùng hồn xiết bao, bài thuyết pháp không lời ấy, khiến cho Tôn giả Tu Bồ Đề phải sụp lạy, khi Phật chưa mở miệng nói lời nào. Bởi vì tôn giả đã lãnh hội được diệu chỉ trong bấy nhiêu hành vi tầm thường ấy: ôm bát xin ăn, trở về rửa chân, ngồi. Đây là sự giáo hóa bằng chính sự sống của Ngài cho chúng xuất gia và tại gia đời mật pháp. Ta có thể tóm tắt ý nghĩa sự giáo hóa ấy như sau:

1. Hãy nhớ mình là Kẻ xin ăn: Tất cả đều nên nhớ như vậy, dù tại gia hay xuất gia, giàu hay nghèo. Bởi vì không có gì thực sự là của ta, do công sức của ta 100%, dù ta có lao tâm lao lực suốt ngày để sống, dù ta có khả năng tự tạo được mọi thứ cần dùng cho mình như Robinson Crusoe. Mọi người, vật trong thế giới tương quan với nhau một cách mật thiết, không một ai có thể sống biệt lập hoàn toàn không nhờ cậy ai. Tất cả chúng ta đều xin lẫn nhau và đều là khách sĩ. Khi nhận thức rõ như vậy, ta sẽ giảm trừ được nhiều thói xấu. Thứ nhất là thói kiêu căng ngã mạn, cậy tiền, cậy tài, cậy thế lực. Thứ hai là vô ơn, khi tự hào: "Ta đây không cần ai, ta tự làm ăn để nuôi sống," con người sẽ quên rằng mình nhờ ơn rất

nhiều, nhờ ơn tất cả mới sống được. Thứ ba là xa hoa phung phí: khi cậy mình có của tiền, con người dễ dàng phung phí của cải, đi vào đường đọa lạc. Thứ tư là tham cầu không chán: cậy mình có tiền thì tham ăn ngon mặc đẹp. Người xin ăn trái lại không thể chọn lựa, nên bớt được sự ăn tham.

2. Nhớ trở về: Đức Phật ngay sau khi khất thực vừa đủ, liền trở về tịnh xá để độ ngộ nghi ngờ. Chúng ta, những người tại gia xuất gia đời mật pháp cũng nên làm như Ngài, là phải biết đủ để quay về. Thông thường con người không biết đủ, khi đã chạy theo sự mưu sinh thì suốt cả ngày, cả đời không còn nhớ tới chuyện dừng nghỉ. Mãi mãi theo đuổi dục vọng leo thang, con người biến sự sống thành một cảnh quay cuồng thác loạn, không còn có thể gọi là sống, mà chỉ gọi là hiện hữu như một cái xác chưa chôn hay một cái cây biết chạy. Sự sống mất hết thi vị, an lạc là do cuộc chạy đua này giữa cái thầy còn cục cựa không bao giờ ngồi lại nghỉ một cái mà cứ lẳng xăng suốt buổi, suốt đời. Hình ảnh đức Phật Khất sĩ thật bình dị an lạc xiết bao: xin vừa đủ bữa thì trở về ăn, ăn xong rửa chân, trải tọa cụ mà ngồi.

3. Đạo ở ngay trong đời sống thường nhật, không phải là cái gì siêu phàm: ăn cơm, mặc áo, rửa chân v.v... những việc Phật làm ở đầu kinh Kim Cương đều là đạo. Đời không có gì đáng ưa hay đáng chán, chỉ có dục vọng tham lam kèm theo cuộc đời ấy mới đáng chán, đáng loại bỏ: cứ ăn uống làm việc ngủ nghỉ như thường, chỉ cốt đừng chạy theo dục vọng hay vọng tưởng là được. Nghĩa là hãy nhớ ngồi lại. Ngồi của Phật chính là ngồi thiền, cũng như tất cả động tác ăn mặc đi đứng nói im của Ngài đều là thiền định.

Mà chỗ ngồi của Phật là "Hết thầy Pháp đều không" như Kinh Pháp Hoa nói: "Như Lai tòa giả, nhất thiết pháp không thị." Cho nên khi Phật đã ngồi xuống thì thật không còn gì để nói nữa: tất cả yếu chỉ của Kim Cương kinh đã được trình bày trong đoạn mở đầu. Đoạn mở đầu như vậy cũng có thể vừa là đoạn kết thúc. Những lời đối đáp của Phật và Tu Bồ Đề từ đó trở về sau đều để dành cho những kẻ chậm hiểu ưa dài dòng văn tự như chúng ta ngày nay, nên Xuyên thiên sư đã hạ bút: "Đất bằng nổi sóng" và Thạch Liêm hòa thượng trong Kim Cương trực số đã bàn về điều này bằng câu lấy tích từ Tây Sương Ký:

*Tặng hô Tiểu Ngọc nguyên vô sự
Chỉ yếu đẳng lang bạn đắc thanh*

Ý nói Phật và Tu Bồ Đề đối qua đáp lại chỉ cốt để cho chúng sinh đời sau nghe, chứ giữa hai thầy trò Ngài không có chuyện gì để nói cả. Cũng như cô gái trong cổng kín tường cao cứ chốc chốc gọi con hầu "Tiểu Ngọc" là chỉ cốt để cho anh bồ ở ngoài nghe tiếng biết tin mà thôi, kỳ thực cô không có chuyện gì để nói với con hầu.

GÁNH NẶNG ĐÃ ĐẶT XUỐNG

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Kinh điển Phật giáo có ảnh dụ nổi tiếng là qua sông rồi thì hãy bỏ bè. Nếu đã qua sông mà còn cố gánh chiếc bè, không dám buông bỏ thì chẳng phải người trí. Còn chưa qua sông mà toan bỏ bè thì ắt hẳn trôi sông, không tránh được họa chìm ngấm. Thành ra, chiếc bè chỉ là phương tiện để qua sông. Khi đã qua sông sinh tử, sang bờ kia (đáo bỉ ngạn) rồi thì buông bè; không xả thì bè trở nên chướng ngại.

Cũng vậy, nỗ lực công phu kệ kinh, tọa thiền nhằm tích công bồi đức để đoạn trừ phiền não chỉ là giai đoạn dụng công tu, lúc chưa dự phần Thánh quả. Khi chứng đắc giải thoát rồi (bậc A-la-hán), phiền não đã diệt sạch rồi thì "việc nên làm, đã làm," "gánh nặng đã đặt xuống." Bấy giờ thì bậc Thánh buông hết mọi thứ, thuận với tự nhiên "đói ăn mệt ngủ," thong dong tự tại. Với tâm giải thoát và tuệ giải thoát thường trực, các ngài tùy duyên giáo hóa, làm hết các thiện pháp mà như không làm. Kể cả việc chính yếu đọc kinh, tọa thiền cũng buông, tự do tự tại, tùy duyên vô ngại.

"Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, nghỉ lại trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán. Sau khi chứng quả rồi, không còn siêng tụng kinh, giảng thuyết nữa. Khi ấy có vị Thiên thần đang ở trong rừng đó, nói kệ:

*Tỳ-kheo! Ngài trước kia
Ngày đêm siêng tụng tập
Luôn vì các Tỳ-kheo
Cùng luận nghĩa quyết định.
Nay, ngài đổi Pháp cú
Im lặng không mở lời*



*Không vì các Tỳ-kheo
Cùng luận nghĩa quyết định.
Lúc ấy, Tỳ-kheo kia nói kệ đáp:*

*Xưa, vì chưa lìa dục
Tâm thường ưa Pháp cú
Nay, vì đã lìa dục
Việc tụng thuyết đã xong.*

*Trước, biết đạo đã đủ
Thấy, nghe đạo làm gì?*

*Các thầy, nghe thể gian
Bằng chánh trí buông hết.*

*Sau khi Thiên thần nghe những gì Tỳ-kheo nói, hoan hỷ, tùy hỷ, liền biến mất."
(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 1337)*

Đạo quả giải thoát vô cùng cao xa, bật hết dấu tích, đến nỗi Thiên thần cũng không lần ra. Với con mắt phàm tình, chúng ta vô cùng kính ngưỡng các bậc phạm hạnh chân tu, chăm chỉ học pháp, tinh tấn công phu, miệt mài thiền tập. Những người có tâm và hạnh như vậy là hạt giống chắc, đáng tôn kính trong hàng ngũ đệ tử của Thế Tôn. Tuy vậy, chư vị này chỉ đang ở giai đoạn "việc nên làm, đang làm."

Đến khi bước sang địa hạt "việc nên làm, đã làm" thì khác hẳn, "gánh nặng đã đặt xuống" nghỉ ngơi hoàn toàn mà làm hết thảy Phật sự, không làm gì cả mà lợi ích chúng sinh vô số hằng sa. Giáo hóa chúng sinh một cách thong dong nhưng hiệu quả vô cùng một đúng là hành đạo. Còn chúng ta hầu hết đều gắng sức hành đạo nên lắm khi bị đạo hành. Phụng đạo theo cách này cũng quý nhưng phải thường xuyên dè chừng, bị đạo hành rồi chướng ngại đường tu cũng chưa phải là điều hay.

Thế nên chúng ta cẩn trọng khi phán xét người tu hành, nhất là về phương diện tinh tấn, nỗ lực. Khi ta thấy một hành giả không tận lực dụng công nữa, sống tùy duyên, cũng có thể họ quá mệt mỏi và rơi vào giải đãi nhưng cũng có thể họ đã làm xong phận sự của mình. Chỉ cần tinh ý, sống gần và lâu với vị ấy một thời gian, nếu thấy các phẩm chất giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến流露 ra thì đích thị đó là bậc Hiền Thánh, cần tuyệt đối kính ngưỡng và thân cận những bậc ấy đến suốt đời.

The House that Built Me

NGUYỄN DUY NHIÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tình cờ tôi được nghe một bài hát có tựa rất lạ "The house that built me", Ngôi nhà đã tạo dựng nên tôi, do cô ca sĩ Miranda Lambert trình bày.

Bài hát kể cô ta về tìm lại căn nhà thời ấu thơ của mình. Cô bước xuống xe, đứng yên trước căn nhà, gõ cửa và xin người chủ nhà cho cô được vào thăm. Cô đưa cho bà ta xem một tấm hình cũ của cô, khi còn bé, chụp với ngôi nhà ấy. Người chủ bằng lòng. Cô bước vào, đứng nhìn chiếc cầu thang dẫn lên lầu, căn phòng nhỏ nằm ở cuối hành lang có chiếc bàn cô vẫn thường ngồi học bài, tập đánh đàn, những dấu tay nhỏ in trên bậc thang trước nhà là của cô, bên ngoài cửa sổ cây sồi phủ bóng mát trước sân

nhà... Cô muốn được sờ chạm lại những kỷ niệm ấy.

Cuộc sống đã lấy mất đi ở nơi cô rất nhiều, cô cảm thấy như mình trở thành một người xa lạ. Cô nghĩ, nếu như mình được về lại căn nhà xưa, được sờ vào những kỷ niệm của tuổi thơ ấy, mọi rạn vỡ sẽ lại được lành lặn... Cô muốn một lần được tìm lại mình, nơi căn nhà mà đã tạo dựng nên cô. The house that built me.

Bài hát làm tôi nhớ đến mỗi khi trở về quê nhà, tôi thường đi về lại con phố có ngôi nhà cũ của mình. Nơi tôi đã lớn lên. Căn nhà ấy, chắc cũng đã qua bao nhiêu người chủ mới. Tôi về nơi con phố nhỏ, đứng bên kia đường nhìn lại căn nhà thời thơ ấu ấy của mình. Mỗi năm tôi thấy có nhiều những đổi thay.

Tôi vẫn ước mong một ngày như tác giả của bài hát ấy, dám đến gõ cửa, xin người chủ nhà cho mình bước vào trong. Và được thăm lại những kỷ niệm thời ấu thơ. Nơi góc này tôi thường ngồi học bài, phía trên kia là khung trời nhỏ tôi vẫn thường nhìn lên mộng mơ, chiếc giường ngủ của tôi đặt nơi này, chiếc máy hát cassette nhỏ nơi góc tủ, tiếng học trò ê a của trường hàng xóm, có những trưa trốn ngủ tôi trốn ra ngoài ban công chơi, nhớ nhất là chiếc cầu thang...

Được một lần như vậy thật tuyệt vời. Và như cô Lambert, tôi hứa rằng "If I could just come in I swear I'll leave. Won't take nothing but a memory. From the house that built me..."



TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỲNH TẤN LÊ biên soạn



PHÁP LÝ / HÀNH CHÍNH

BÀI THỨ 20, THÁNG 8.2019

Trong bài hôm nay chúng tôi xin đề cập đến một số vấn đề cần biết về luật lệ Di Trú hiện hành và một số yếu tố cần thiết phải có về CHỨNG MINH TÀI CHÁNH khi xin I-360 để đổi từ Nonimmigrant Religious Worker sang Special Immigrant Religious Worker.

Xin xác nhận danh từ nhà truyền giáo (Minister, tu sĩ), chúng ta đang làm việc với USCIS tức cơ quan Di Trú Hoa Kỳ mà xứ này xem tôn giáo căn bản là Catholic. Họ định nghĩa nhà truyền giáo là người tốt nghiệp từ một trường thần học và được thụ phong linh mục. Từ đó chúng ta định nghĩa trên quan điểm Phật giáo: nhà truyền giáo là người tốt nghiệp từ một trường Phật học và được thọ giới tỳ kheo.

Trước hết, hiện nay tháng 8/2019, luật lệ về Di Trú không có gì thay đổi ngoại trừ vấn đề lệ phí nộp đơn và mẫu đơn. Tất cả vẫn y như cũ nghĩa là từ năm 2008 đến hiện nay, điều kiện để một nhà truyền giáo (Minister, tu sĩ) được cấp Visa tôn giáo đi vào Hoa Kỳ làm việc vẫn không có gì thay đổi. Tuy nhiên vấn đề xét đơn thì chặt chẽ hơn và khó khăn hơn.

Trước đây họ không cần điều tra tại Việt Nam nhưng hiện nay họ phải làm việc đó, có thể vì lý do an ninh hay vì có những trường hợp giả mạo đã khám phá khiến cho họ phải cẩn thận hơn.

Tài liệu đầu tiên họ đang dùng để đối chiếu là mẫu đơn DS-160 của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ mà các Văn Phòng Dịch Vụ tại VN phải điền để nộp Tòa Lãnh Sự xin phỏng vấn. Tài liệu thứ hai họ dùng để đối chiếu về thời gian làm việc của mình là Giấy Chứng Nhận của chùa mà người tu sĩ đã và đang làm việc ở Việt Nam. Nếu người tu sĩ đi du học ở Ấn độ, Tích lan, Thái Lan... đã tốt nghiệp và về Việt Nam trên hai năm, khai đúng và giống nhau trên hai văn kiện này thì Sở Di Trú Hoa Kỳ không có gì thắc mắc vì hội đủ điều kiện 2 năm làm việc liên tục của một nhà truyền giáo kể từ ngày họ nhận đơn. Dĩ nhiên việc xét đơn mỗi ngày mỗi khó hơn, kỹ hơn thì không biết tương lai họ sẽ dùng những phương tiện nào. Một yếu tố quan trọng là sự thành thật bao giờ cũng thành công.

YẾU TỐ TÀI CHÁNH TRONG ĐƠN I-360

Nhiều chùa đã và đang trả lương cho quý Tăng Ni như một nhân viên làm việc trong các hãng xưởng, có báo cáo mỗi quý (3 tháng) và báo cáo tổng kết mỗi năm. Việc này hoàn toàn thích hợp với đòi hỏi của Sở Di Trú hiện nay, những chùa này không bị một vấn đề gì hết và đơn I-360 được chấp thuận ngay. Những trường hợp khác cần làm những việc sau đây:

Tăng Ni xin sổ An Sinh Xã Hội và xin Identification Card hay bằng lái xe.

Mở một Trương Mục Ngân hàng và địa chỉ ghi trong đó phải là địa chỉ của chùa mình đang ở.

Hàng tháng chùa ký chi phiếu từ \$400 đến \$600 cho vị Tăng Ni đó. Đối với Sở Di Trú đây là tiền lương nhưng đối với chùa đây chỉ là tiền mà Phật tử cúng dường bằng chi phiếu cho Tăng Ni đã trả cho chùa và chùa ký trả lại cho Tăng Ni. Nếu Tăng Ni dư tiền mặt cũng có thể deposit thêm tiền mặt vào trương mục này.

Theo truyền thống của Phật giáo là sau mỗi thời giảng của Tăng Ni, Phật tử tham dự đều đóng góp để cúng dường cho những vị đã ban thời pháp đó. Nếu nhiều hơn một vị thì họ thường chia đều cho số Tăng Ni tham dự. Nếu người Phật tử nào cần trừ thuế và ký chi phiếu cúng dường thì chùa sẽ nhận và ký check trả lại cho Tăng Ni.

Nhớ copy tất cả chứng từ như chi phiếu của chùa, deposit receipt, bank statement.

Cuối năm Tăng Ni vẫn đi khai thuế với số tiền mình đã lãnh bằng các chi phiếu mà không phải đóng thuế gì cả nếu số tiền dưới \$12,000.

Khi nộp I-360 và nộp I-485 đều phải có các chứng từ tài chánh nói trên. Mặc dù vậy, Tăng Ni vẫn khai là mình được chùa lo cho mọi thứ như nhà ở, ăn uống, thuốc men, phương tiện di chuyển, sách vở học hành và tiền tiêu vặt...

Kính chúc quý Thầy, Cô may mắn và hẹn gặp lại trong bài viết kỳ tới..

Mọi sự phê bình, bổ túc, cần hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soan Báo Chánh Pháp hay điện thư về drlehuynh@gmail.com hay gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo 1612 N. Spurgeon St., Santa Ana, CA 92701 (nhớ thư không cần ký nhận).

Cõi ta bà

*1 mình trong cõi ta bà
lêu bêu phó xá hàng hoa cũng đành
1 mình trong cõi vô minh
5 chìm bầy nổi lênh đênh lỗ lòi
toà sen đức Phật còn ngồi
hoa sen loá rạng thêm chồi an vui
mây lành bay tới bay lui
1 ngày sáng tới 1 thời vàng thau
ôi thời ngó tới ngàn sau?*

Thu

*trận gió thu, phong nhuộm núi ngàn
đất trời đỏ ối buổi thu sang,
lá trôi lơ lững trong trời biếc
ngập cả đồi non rặt lá vàng*

Còn mất

*sóng cứ lùa trên cát
gió vì vút cành thông
ta nhìn ta trên nước
có đó dường như không*

Ngoài

*ngồi bên ngoài thạch động
lâm nhâm có hoặc không
thạch nhũ buông từng giọt
khiến núi lở non mòn
quanh năm nghe gió thổi
bình minh lại hoàng hôn
có đó rồi không đó
vì vạn sự vô thường*

Ta

*ta từ đâu? tới đó
đến đó rồi đi đâu?
vừa lèo lên trong trí
tóc bạc hết từ lâu
ta nhìn con thác đổ
mãi miết tuôn vực sâu
thân ta là hạt bụi
quay mãi theo địa cầu
chênh chênh vòng nhật nguyệt
thiên hà sao lẫn sao*

thơ

CHU VƯƠNG MIỆN



THỜI GIAN LÀ VỐN QUÝ

Nguyễn Minh Tiến

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chúng ta thường cảm thấy mình thiếu thốn về món này, món khác... nhưng rất ít khi cảm thấy mình thiếu thốn thời gian. Nói một cách chính xác hơn, sự quan tâm đến tính chất hạn chế của thời gian thật ra chỉ là vì chúng ta cảm thấy không có đủ để cho chúng ta làm được điều này điều nọ... Chúng ta rất hiếm khi hoặc không bao giờ thấy tiếc nuối thời gian chỉ vì đó là thời gian, là vốn liếng quý báu rất hạn chế mà cuộc đời ta có được.

Khi ta sinh ra, điều chắc chắn duy nhất mà ta có thể biết được về tương lai của mình đó là ta sẽ chết. Dù là yếu mạng ở tuổi đôi mươi, hay sống thọ đến khi trăm tuổi như mong ước của nhiều người, thì cuối cùng chúng ta đều phải chết. Và mỗi ngày chúng ta trải qua trong cuộc sống, có thể hiểu một cách hoàn toàn chính xác là mỗi một bước tiến gần hơn về điểm cuối cuộc đời.

Chúng ta không hề bi quan khi thừa nhận điều này, vì đó là sự thật! Chính thái độ tránh né không đề cập đến sự thật này mới là thái độ hèn nhát, bi quan. Chúng ta thừa nhận sự thật này để thấy rõ một điều thực tế: thời gian được sống trên cõi đời này là đáng quý biết bao!

Chúng ta sẽ càng ý thức rõ hơn sự quý giá này khi nhớ rằng chúng ta không hề được đảm bảo là mình sẽ còn sống được bao lâu nữa. Tôi đã có lần chia tay với một người bạn thân, để rồi chỉ vài hôm sau nghe tin anh ta không còn nữa. Thật vậy, mạng sống quý giá này của ta có thể chấm dứt bất kỳ lúc nào. Nhưng điều kỳ lạ là hầu hết chúng ta đều không thường xuyên nhớ đến điều đó!

Sự quý giá của thời gian không phải là để giúp chúng ta có thể làm được những điều này, điều nọ... Có quá nhiều những điều này nọ như thế đủ để cho chúng ta quay cuồng trong suốt một đời, nhưng cuối cùng rồi chúng ta sẽ không mang theo được gì cả! Vấn đề là chúng ta phải biết sống như thế nào để xứng đáng với giá trị thời gian ấy. Chúng ta lao động như một phương tiện để nuôi sống, nhưng bản thân sự lao động sáng tạo cũng chính là cuộc sống của chúng ta. Ngược lại, những giá trị vật chất được tạo ra luôn luôn có những giới hạn tạm bợ của nó, và rõ ràng không thể là mục đích cuối cùng để chúng ta nhắm đến. Những giá trị vật chất ấy có thể giúp cho ta có cuộc sống thoải mái

hơn, nhưng nếu chúng ta chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào chúng, chúng ta sẽ phải trả giá đắt. Nghệ thuật sống chân chính là ý thức được giá trị quý báu của đời sống trong từng khoảnh khắc tươi đẹp của cuộc đời.

Con người sinh ra trần trụi và chết đi cũng không mang theo được gì. Tất cả những giá trị chân thật mà chúng ta có thể có được luôn nằm ngay trong cách mà chúng ta sử dụng thời gian của đời mình. Chúng ta còn được bao nhiêu thời gian trong cuộc sống? Đó là một câu hỏi không ai có thể trả lời được. Có thể là mười năm, hai mươi năm, có thể là một năm, có thể là vài ba tháng... nhưng cũng có thể chỉ là trong chốc lát nữa thôi.

Nhiều người cho rằng nhờ sức lao động điên cuồng trong những xã hội công nghiệp mà loài người chúng ta mới có được ngày hôm nay, với những chiếc xe gắn máy hiện đại, máy điều hòa không khí, máy giặt quần áo... và cho rằng những thành tựu vật chất ấy là có ý nghĩa to lớn nhất. Tôi không hoàn toàn phủ nhận điều ấy, nhưng nếu đánh đổi sự quý giá của thời gian trong một đời người chỉ để vật lộn trong các nhà máy nhằm tạo ra các tiện nghi vật chất ấy thì tôi cho là không đáng. Thật tội nghiệp cho những người có suy nghĩ như thế, và tội sẵn sàng chấp nhận một cuộc sống đơn sơ để có được thời gian cho một cuộc sống ý nghĩa hơn.

Chúng ta điên cuồng lao động quên ngày giờ để làm ra của cải vật chất, nhưng cũng chỉ vì không biết nghệ thuật sống, chúng ta sẵn sàng thiêu hủy những thành tựu vật chất ấy chỉ trong chốc lát. Một quả tên lửa mà quân đội viễn chinh Mỹ bắn vào thủ đô Irak trị giá đến một triệu hai trăm ngàn đô-la, và sức tàn phá của nó hẳn cũng hủy diệt đi một giá trị vật chất tương tự hoặc nhiều lần hơn thế nữa.

Con người sinh ra trần trụi và chết đi cũng không mang theo được gì. Tất cả những giá trị chân thật mà chúng ta có thể có được luôn nằm ngay trong cách mà chúng ta sử dụng thời gian của đời mình. Chúng ta còn được bao nhiêu thời gian trong cuộc sống? Đó là một câu hỏi không ai có thể trả lời được. Có thể là mười năm, hai mươi năm, có thể là một năm, có thể là vài ba tháng... nhưng cũng có thể chỉ là trong chốc lát nữa thôi. Vấn đề này sẽ bộc lộ hoàn toàn ý nghĩa thiết thực của nó

khi chúng ta thử hình dung mình mắc phải một chứng bệnh nan y nào đó, ung thư chẳng hạn. Và phán quyết của bác sĩ cho chúng ta là một hoặc hai tháng nữa sẽ từ bỏ cuộc đời này. Thật kinh hoàng biết bao! Và khi ấy, chúng ta mới thấy tiếc nuối cuộc sống này biết bao! Thế nhưng, một thực tế là có biết bao người không hề mắc bệnh ung thư, cũng không hề được ai dự báo trước, vẫn có thể đột ngột từ bỏ cõi đời này mà không theo một quy luật nào cả. Làm sao dám chắc rằng chúng ta lại không là một trong số đó? Nếu chúng ta có đủ can đảm chấp nhận sự thật ấy, chúng ta mới có thể sống thật trọn vẹn những giây phút hiện đang có được trong cuộc sống tươi đẹp này.

Thời gian cần phải được trân trọng trong từng khoảnh khắc. Khi chúng ta ý thức được rằng giá trị của cuộc sống nằm ở chỗ là chúng ta đang sống, chúng ta sẽ thấy tất cả những điều khác đều trở nên nhỏ nhặt, vụn vặt không đáng kể. Đời sống của ta quý giá, và đời sống của mọi người quanh ta cũng quý giá không thể lấy gì đánh đổi được.

Mỗi buổi sáng thức dậy, chúng ta nhìn lên bầu trời trong xanh có ánh nắng ban mai ửng hồng, hoặc một chồi non vừa nhú còn ướt đẫm sương đêm... Mỗi một thực thể xinh đẹp ấy đều nhắc nhở ta biết là đời sống của ta đang tồn tại, và ta tự nhủ với mình sẽ không bỏ phí một phút giây nào được tồn tại trong cuộc sống nhiệm mầu này. Ta sẽ sống như thế nào để bản thân có được niềm vui hạnh phúc, và mang niềm vui, hạnh phúc đến cho mọi người quanh mình.

Cuộc sống luôn diễn ra quanh ta, nhưng rất nhiều khi ta quên đi điều ấy. Chúng ta lo toan chuyện này chuyện khác, chúng ta vất vả để có được món này món nọ... Những thứ ấy không phải là không quan trọng, nhưng chúng đều là những gì thuộc về tương lai, mà tương lai thì không thể cảm nhận được một cách cụ thể, chắc thật như giây phút hiện tại mà ta đang sống.

Khi hiểu được như vậy, chúng ta vẫn làm việc không kém phần tích cực cho những mục tiêu mà mình nhắm đến, nhưng trên cả những điều ấy là chúng ta luôn ý thức được giây phút sống hiện tại của mình.

Chúng ta đào một cái hố trong vườn để đặt cây xoài con. Mục tiêu của chúng ta là tiếp tục vun bón để một ngày mai sẽ có quả xoài thơm ngọt cho chính chúng ta hoặc con cháu của chúng ta. Nhưng quả xoài hãy còn trong tương lai. Niềm vui thật sự của chúng ta không nằm ở tương lai mà là ngay trong giây phút hiện tại này, trong từng nhát cuốc chúng ta đào, trong việc bón phân lót và đặt cây xoài con, trong việc tưới nước và che mát cho cây con... Chúng ta cần phải biết tận hưởng được niềm vui trong đó. Nếu chúng ta nghĩ đến một ngày mai con cháu chúng ta sẽ có những quả xoài thơm ngọt để ăn, thì thật ra động lực mang lại niềm vui cho chúng ta là tình thương ta dành cho con cháu, không phải bản thân

việc có được quả xoài. Khi chúng ta hiểu được như thế, thì dù nhiều năm sau đó cây xoài không sống được để cho trái – và điều này hoàn toàn có khả năng xảy ra – chúng ta sẽ không đau khổ. Chúng ta đã tận hưởng niềm vui ngay trong hiện tại và không có gì phải phụ thuộc vào một kết quả trong tương lai. Chúng ta đã làm hết sức mình để có những giây phút đẹp trong đời sống, và vì thế chúng ta không có gì phải tiếc nuối hay đau khổ vì những hoàn cảnh không mong muốn.

Chúng ta cũng có thể tận hưởng niềm vui cuộc sống ngay trong khi đi bộ đến trạm xe buýt hay khi đang chờ xe... Mỗi một khung cảnh mà ta được nhìn thấy quanh ta đều là những quà tặng vô giá của cuộc sống mà rất có thể ta sẽ không còn có dịp để nhìn thấy nữa. Khi tôi còn nhỏ, tôi rất mê nghe nhạc cổ điển. Nhưng máy hát đĩa trong nhà là thuộc quyền sử dụng của anh tôi, vì tôi vẫn còn quá nhỏ. Anh tôi lại rất ít khi nghe nhạc cổ điển, vì anh thích các ca khúc tiền chiến hơn. Như vậy là, cứ mỗi dịp hiếm hoi mà anh mở đĩa nhạc cổ điển, tôi liền tập trung hết cả tâm hồn mình để chú ý lắng nghe, vì tôi biết là sẽ rất hiếm khi lại được nghe lần nữa. Những lúc như thế, tôi thấy những nốt nhạc không chỉ còn là âm nhạc, mà chúng như một dòng suối tuôn chảy niềm vui về cho tôi. Quả thật là khi nghe nhạc theo cách ấy, tôi đã tận hưởng được tất cả những nét đẹp kỳ diệu trong âm nhạc.

Chúng ta cũng sẽ không phung phí thời gian để mơ mộng về tương lai hay nuối tiếc quá khứ. Từng giây phút ta đang sống trong bầu không khí trong lành quanh ta đều quý giá. Từng con người mà ta có may mắn được tiếp xúc cũng đều quý giá. Ta không thể ngồi cạnh một con người mà tâm hồn để mãi tận đâu đâu. Khi ấy, ta không cảm nhận được sự hiện hữu của người ấy, mà người ấy cũng sẽ không hề cảm thấy thật sự có ta. Niềm vui của ta chỉ có được trong một sự tiếp xúc thật lòng mà không nằm trong những mơ mộng viễn vông. Đến một bông hoa, một cành lá... chúng ta cũng cần phải tiếp xúc thật lòng như vậy mới có thể cảm nhận được sự hiện hữu và vẻ đẹp của chúng.

Thời gian quý giá vẫn liên tục trôi qua không dừng nghỉ. Hãy sống như thế nào để thời gian trở thành một dòng sông, một dòng suối mát cuộn tràn niềm vui và hạnh phúc đến với ta trong dòng chảy không ngừng của nó. Chỉ như thế chúng ta mới không bỏ phí đi giá trị của thời gian, và mới nhận ra được hạnh phúc là một điều hoàn toàn có thật.

NGUYỄN MINH TIẾN

(Nguồn: Hạnh Phúc là Điều Có Thật. Trích từ Rộng mở tâm hồn: <http://rongmotamhon.net>)

TRĂNG XANH

Chớm thu xanh một vầng trăng
Rừng sao xuyên mặc áo vàng gấm hoa
Tôi ngoài muôn dặm hải hà
Nhớ thương em hồi ai là tri âm?

QUỲNH NỞ ĐÊM TRUNG THU

Tuyệt trần em đến đêm nay
Nồn nà trinh bạch cho say lòng người
Đẹp sao sắc nước hương trời
Phút giây vô tận cho đời ngắn ngủi

TUYỆT TÌNH MỘNG

Tôi từ kiếp nọ về đây
Gặp người thanh vận mà say lỡ làng
Ngẩn ngơ giữa cõi địa đàng
Tuyệt tình mộng vẫn chưa tàn cơn mơ

MÂY MÙA

Yêu em đã trải mấy mùa
Nhìn em mây bận mà chưa ngỏ lời
Một hôm em bước theo người
Chiều thơ thần dạo một trời trắng mây.

HOA VÀNG THIÊN THU

Này em một cõi Sa Bà
Rong chơi bất tận... đến tà dương huy
Một trăm con bướm xuân thì
Ta rời cố quận có gì nhớ nhau
Giang hà một cõi xanh dâu
Tình còn đồng vọng dằng sầu dở dang
Từ ta du tử hoang đàng
Trái tim nặng trĩu hai bàn tay không
Thân trong phó hội bụi hồng
Tâm ngoài lữ thứ theo dòng nước xuôi
Tình nào chất chứa buồn vui
Trăm năm một cuộc khóc cười vu vơ
Thương từ kiếp nọ đến giờ
Ruổi rong mây độ có ngờ gì chẳng
Phỉ phong tình vẫn vĩnh hằng
Say hồ điệp khúc hoa vàng thiên thu
Sắc- không mình vụng công phu...

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Hai chiếc lồng đèn

BÙI THANH XUÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Khi trăng lên
Hãy vút vào giấc mơ những chiếc lồng
đèn
Lũ đom đóm đưa bạn vào cổ tích
Đám trẻ con bạc tóc chân trần góp nhặt
Hát dưới trăng

1.

Hai đứa trẻ dắt tay nhau đi ra con hẻm
ngoằn ngoèo, hun hút. Chúng băng qua đại lộ,
hớn hờ tung tăng trên vỉa hè lát gạch

Tiếng trống tùng tùng quyền rũ, thúc dục
hai đứa trẻ bước nhanh

Thằng em nói:

- Đầu lân đẹp quá chị!

- Ừ, em nhìn ông địa leo cột tài chưa...

- Mẹ hứa mua lồng đèn cho em mà mẹ
không về.

Con chị an ủi:

- Mẹ còn làm việc, khuya về có cho em
mà.

Chúng nó chui dưới chân người lớn, luồn
lách giữa đám đông.

Thằng em không còn nhớ lời hứa của mẹ.
Con chị nắm chặt tay em cho khỏi lạc, đẩy em
ra trước mặt nó, gần sát đội lân đang múa. Hai
khuôn mặt sáng ngời khi con lân nhẩy múa
trên giàn sắt.

Hồi trống kết thúc, con chị lại nắm tay em
lôi đi, lang thang trên nhiều con đường. Chưa
bao giờ chúng đi xa đến vậy.

Khi ngang qua cửa hàng bán lồng đèn,
thằng em chùng chình rồi dừng lại. Nó chăm
chăm nhìn vào những màu sắc lung linh treo lơ
lửng.



Con chị cũng như thằng em, say sưa,
thèm thuồng. Nó kéo tay em, lại băng qua cửa
hàng bánh trung thu. Thằng em không dừng lại
nhưng cặp mắt vẫn hướng về những cái bánh
màu vàng nâu hấp dẫn, mùi bơ sữa ngọt ngào
khiến đôi chân nó tê dai. Con chị nuốt nước bọt
nhưng cương quyết không nhìn vào đó lần nữa,
kéo tay em đi thật nhanh.

- Thôi về em! Có khi mẹ mua lồng đèn rồi
đó, mình chơi múa lân nghe em.

Thằng em mặt bí xị:

- Có lân mô chơi?

...

Câu nói của đứa em cứa vào trái tim con
bé. Khi ba nó còn sống, thường đến trung thu
hay tự làm đầu lân bằng những hộp carton
nhặt được. Ba nó múa lân còn nó làm ông địa.

Một năm rồi, mãi mãi Ba nó không về
nữa. Chiếc tàu cá chìm đáy biển sau cơn bão
năm ngoái.

Trong con hẻm nhếch nhác vài chục ngôi
nhà lụp xụp của người lao động nghèo. Bọn trẻ
con đang tụ tập rông rảnh rước đèn trung thu,
những lồng đèn bằng tre và giấy báo, những
ngọn đèn cây lắc lư. Bọn trẻ hát hò nhẩy múa.
Thỉnh thoảng có đốm lửa bùng cháy, tiếng
khóc, tiếng la mắng bắt đền.

Cô bé không thể tự làm cho em chiếc lồng
đèn như bọn trẻ nên không được tham gia trò
chơi. Hai chị em lui thủ về nhà.

Trăng lên khá cao, cậu bé ngồi ở thềm
nhà chờ cô chị mang cơm ra ăn, đợi mẹ mang
lồng đèn về.

2.

Người phu quét đường đi thụt lùi, tiếng
chổi tre xoèn xoẹt từ trái qua phải. Đoạn đường
phải dọn dẹp còn gần cây số nữa. Chị tranh thủ
quét hơn nửa đoạn đường rồi sẽ thấy đi mua
cho hai con lồng đèn trung thu. Tối nay người
ta ra phố nhiều, người ta lại vút rác xuống
đoạn đường chị đã dọn sạch.

Mười giờ đêm, chị thấy đói. Cà mèn cơm
lúc chiều đem theo vẫn còn treo bên hông chiếc
xe đẩy. Chị ngồi xuống bên trụ điện vừa ăn,
vừa nghĩ đến hai đứa con chờ đem lồng đèn về
mà thương. Gần nửa đêm, có lẽ bọn chúng đã
lên giường ngủ rồi. Tội nghiệp, mồ hôi cha, nhà
nghèo nên trung thu chẳng có gì.

Chiếc xe du lịch bóng loáng dừng lại bên

chiếc xe rác. Người phụ nữ trong xe hạ cửa kính, vứt vật gì đó. Mắt người phụ quét đường sáng lên. Hình như đó là một chiếc lồng đèn, chị nghĩ vậy. Bên trong xe có tiếng la hét của mấy đứa trẻ. À, chắc chúng được mẹ chở đi dự lễ trung thu ở đâu đó trở về. Chị đứng dậy, bước đến nhìn vào chiếc xe đầy. Không phải một mà đến hai cái. Chị nhặt lên, lồng đèn hình con đom đóm màu xanh, còn mới nhưng rách một vài chỗ. Không sao, chị sẽ lấy giấy báo dán lại.

3.

Con đom đóm lập loè lượn trên ngọn cây trướng cá rồi sà xuống gần sát đất. Nó bay trong sân, lúc thấp, lúc cao, lúc lướt trên đầu, lúc chấp chờn trước mặt hai đứa trẻ. Đom đóm bay ra hàng rào, đậu trên cây dâm bụt hồi lâu.

Đom đóm lại bay vào, lướt lần nữa trên đầu hai đứa trẻ rồi vút lên cao, mắt hút dưới ánh trăng. Con bé nhìn theo thàng thốt:

- Ba! Ba! Ba ơi!

Nước mắt nó ràn rụa trên đầu cậu bé.

- Ba về hả chị?

- Ừ, Ba đem lồng đèn về thả sáng cho mình.

Hai chị em ôm nhau ngồi khóc.

Thằng em ngủ gật trên cánh tay chị. Cô bé đưa bàn tay nhỏ nhắn đuổi muỗi cho em, chờ hai con đom đóm quay lại.

Chờ mãi cho đến khi trăng lên đỉnh đầu mà mẹ vẫn chưa về, nó nằm xuống bên cạnh em, thiếp vào những cơn mơ.

Nó mơ ba đưa nó đến trường, mơ những đêm trung thu ba cõng trên vai đi dạo phố, mơ ba ngồi dán chiếc lồng đèn bánh ú. Nó hỏi sao không làm lồng đèn ông sao, ba nó xoa đầu mỉm cười "Ba không... biết làm ngôi sao."

Nó mơ đứng đằng sau xe đạp, trên chiếc yên bằng sắt, ôm chặt cổ ba, miệng liếng thoảng, ríu rít như chim.

Nó mơ lững thững sau ba mẹ bước vào cửa hàng bánh trung thu. Em thích cái hình vuông còn nó chọn cái tròn tròn bên trong chiếc hộp có nắp bằng nhựa trong suốt.

Nó mơ hai con đom đóm bay về cổng chị



em nó đi. Một con là mẹ, một con là ba. Mẹ cõng em còn ba thì cõng nó bay trên những ngọn cây, những toà nhà cao ngất, lượn lờ quanh những chiếc ghe trên sông rồi vút lên cao, cao mãi. Gió mát lướt qua mắt. Nó cảm thấy lạnh lạnh. Hình như trời đang mưa. Những hạt mưa cao hơn nó đang rơi xuống. Bàn tay ba vuốt ve trên má nó âm ấm. Nó nghe tiếng thốn thớt từ đâu đó xa lắm. Những hạt mưa cứ rơi.

Nó mỉm cười trong mơ hạnh phúc. Nó mơ, mơ mãi, chìm sâu giấc ngủ bên cạnh đứa em trai, dưới mái hiên đầy ánh trăng và những hạt sương khuya.

4.

Người phụ nữ trở về nhà đã hơn một giờ sáng. Chị nhẹ nhàng mở cánh cổng, dắt xe đạp vào bên trong. Dưới ánh trăng mờ mờ, chị nhận ra hai hình hài nhỏ bé thân yêu đang ôm chặt lấy nhau ngủ ngon lành dưới mái hiên. Người phụ nữ đặt hai chiếc lồng đèn đom đóm bên cạnh rồi ngồi xuống ôm cả hai con vào lòng. Chị bật khóc không thành tiếng. Tiếng nấc nuốt vào trong nhưng những giọt nước mắt thì không giấu được. Từng giọt nhỏ xuống trên khuôn mặt hai đứa bé.

Chị ẵm từng đứa đặt vào giường rồi ngồi dán lại hai lồng đèn đom đóm. Xong chị cẩn thận treo bên cạnh hai con mới đi tắm rửa.

Trước khi đi nằm, chị đến bên bàn thờ thắp cho chồng nén nhang. Ba ngày trước giáp năm chồng, hoa trên bàn thờ vẫn còn tươi. Chị nhủ lòng, sáng mai sẽ đưa hai con ra bờ biển thả nhang trên mộ gió của chồng.

Chị thiếp đi bên cạnh con với những giấc mơ hạnh phúc của mình.

Trong mơ, chị dẫn hai con đi vào cửa hàng bán lồng đèn.

Chị thích lồng đèn con cá màu đỏ nhưng chúng nó chọn màu xanh, hình con đom đóm.

Trong mơ, chị mỉm cười.

Bùi Thanh Xuân



GIỮ CỬA

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Khi ta còn phàm phu thì tai, mắt, mũi, lưỡi, thân và ý là sáu cửa để cho giặc phiền não tấn công, nhiều hại thân tâm.

Thân nghiệp nổ thì lục tặc không chỗ tác dụng. Thất tình không có chỗ phát khởi. Do đó Phật tánh ngày càng tiến bộ.

Xác thân là huyền.

Dục lạc là vọng

Theo huyền theo vọng là theo giặc, bỏ nhà suốt đời đắm trong biển khổ sanh tử, không thoát ra được.

Đừng thấy thần thông phù chú huyền thuật của ngoại đạo mà ham. Tất cả mọi hiện tượng siêu việt đều có sẵn trong ta chỉ vì mê si mà không phát khởi được. Vọng ngoại là bỏ ngõ cho giặc dọn sạch kho tàng vô giá trong mình, là bán linh hồn cho quỷ là làm việc rồ dại.

Trong kinh Bách Dụ có câu chuyện:

Ngày xưa có một người gặp việc gấp cần phải đi xa trước khi đi ông ta gọi người lão bộc dặn:

- Người ở nhà coi chừng cửa nẻo cho cẩn thận, xem lại dây buộc con lừa có chắc chắn không? Đừng để nó sút dây chạy mất.

Sau khi người chủ đi rồi, ngày đó xóm lân cận có đàn ca hát xướng rất vui tai, người lão bộc thấy lòng rạo rục muốn đi xem hát. Sau một hồi suy nghĩ về lời chủ dặn, ông ta quyết định tháo cửa buộc trên lưng lừa, dắt lừa đi xem hát. Sau khi người lão bộc đi rồi, kẻ trộm chui vào nhà vợ vét sạch tiền của đồ đạc

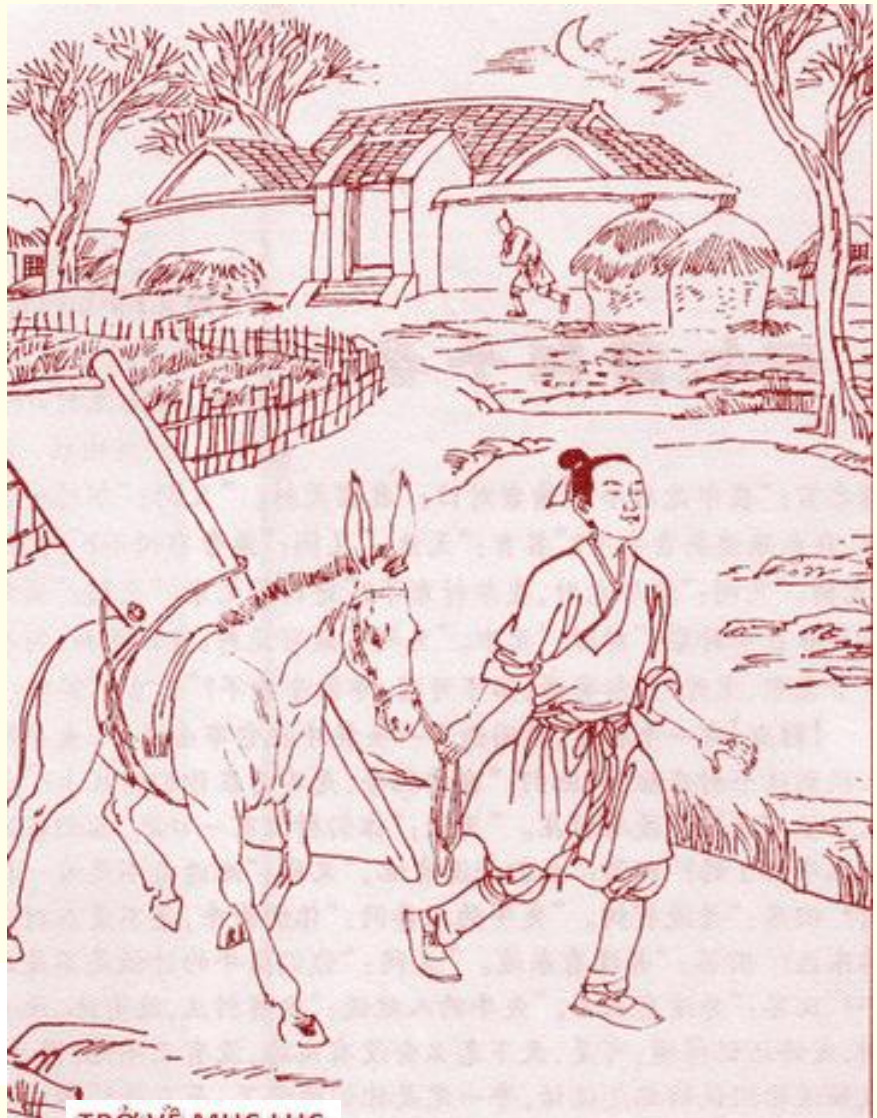
không còn một mống. Hôm sau người chủ trở về thấy cơ sự như thế bèn hỏi tại sao lại có chuyện lạ đời như vậy. Người lão bộc thưa:

- Ông chủ bảo tôi giữ cửa, xem chừng dây buộc con lừa, giờ đây ba món ấy đều còn đủ không sót mất, ngoài ra tất cả tôi đều không biết.

Ông không biết được giữ cửa chính là giữ tài vật trong nhà.

Ngày nay biết bao người thờ Phật mà không giữ gìn đạo lý của Phật, không hành hạnh Phật ngược lại còn tin đồng bóng cầu đảo, thật không khác kẻ nô bộc đã mở cửa để cho giặc cướp xông vào lấy sạch thật đáng thương thay.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—
Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



TRỞ VỀ MỤC LỤC



MƯỜI ĐIỀU THIỆN

(*Phật Pháp Thứ Năm — tài liệu tu học của GDPTVN*)

I. Định Nghĩa:

Mười điều thiện là mười việc lành gồm trong các phần. Về thân (thân nghiệp), về lời nói (khẩu nghiệp), về ý nghĩ (ý nghiệp), có tánh cách lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai. Mười điều thiện này là căn bản làm người, và nấc thang đầu tiên để tiến đến Phật quả.

II. Mười điều thiện bao gồm 3 phần chính:

1. Thân Nghiệp: Những hành động liên quan về thân: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

2. Khẩu Nghiệp: Những lời nói tốt lành có 4 cách: Không nói lời dối trá, không nói lời thêm ác, không nói lời thêm bớt, không nói đâm thọc.

3. Ý Nghiệp: Những ý nghĩ sáng suốt gồm có: Không tham lam, không sân hận, không si mê.

III. Sự lợi ích tu mười điều thiện:

Nếu tu mười điều thiện sẽ được lợi ích như sau: Thân không tật bệnh, sống được lâu dài, không bị ác mộng, tiêu diệt những oán thù ngày trước, sau khi chết sanh lên cõi trời, hưởng các sự vui, được mọi người thương mến, không bị ai lường gạt, ở chỗ đông người không sanh lòng sợ hãi, tâm luôn luôn thanh tịnh, người đời kính phục, lời nói không bị sai lầm, trí huệ sáng suốt, bà con sum vầy, người dữ không hại, gặp nhiều bạn tốt, nói ra được nhiều người hưởng ứng, đầy đủ các vật quý báu, muốn gì đều được như ý, không bị người dèm chê, tướng tốt đẹp, không bị các tai họa, gặp lý tưởng chân chánh. Nếu đem công đức tu mười điều hồi hướng về đạo Bồ đề thì được thành tựu Phật quả.

IV. Sức mạnh mười điều thiện:

1. Sửa đổi bản thân: Tánh tình và trí thức của con người đều do nghiệp nhân chi phối. Sự thực hành mười điều thiện sẽ hoàn cải hoàn toàn tâm tánh, trí thức và sắc thân của mình.

Ví dụ như không sát sanh mà lại phóng sanh thì tánh tình sẽ thành tử bi và trí tuệ sẽ sáng suốt.

2. Thay đổi hoàn cảnh: Mười điều thiện này sẽ hoàn cải mọi hoàn cảnh, ví dụ một người không bao giờ sân hận lại tu hành nhẫn nhục thì hoàn cảnh không có một sự oán thù chiến tranh giết hại nào, mà chỉ toàn là thiết cảnh hoan hỷ, tương thân tương ái, vui vẻ thật sự và đùm bọc thương yêu.

3. Sanh vào cõi trời: Nếu thực hành mười điều thiện này thì mới sanh lên các cõi trời an vui, đẹp đẽ hơn hẳn cõi người. Nếu lên các cõi trời thì phước đức rất đầy đủ, sống thanh tịnh, sống lâu v.v...

4. Những điều căn bản để chứng Phật quả: Mười phương ba đời các vị hiền thánh thoát khỏi

sanh tử, chứng quả vô thượng đều lấy mười điều thiện làm căn bản, vì mười điều thiện này có công năng ngăn chặn các hành vi độc ác, đối trị các điều không lành và làm ba nghiệp thanh tịnh. Khi ba nghiệp được thanh tịnh thì khỏi sanh tử, chứng quả niết bàn, và đem mười điều thiện này hồi hướng cho toàn thể chúng sanh, tức thành tựu được Phật quả.

V. Kết Luận:

Mười điều thiện cho chúng ta biết những việc làm rõ ràng thiết thực để chúng ta theo đó mà thi hành.

Mười điều thiện này nêu rõ chỉ có việc làm mới có giá trị, chứ nói suông không có lợi ích gì. Mười điều thiện giúp chúng ta cải thiện đời sống của chúng ta và của mọi loài, làm cho xã hội trở thành thiện mỹ và nhất là hướng dẫn chúng ta đến Phật quả hoàn toàn.

Chúng ta cần phải thực hành, cần phải bắt tay vào việc làm và nhất là theo đúng mười điều thiện mà hành động. Có vậy chúng ta mới xứng đáng là một Phật tử chân chính và thấy tất cả sự lợi ích thiết thực của đạo Phật.



NGÀY THU

*Thưa Chúa tể, giờ đã điêm, mùa hạ vô cùng lớn.
Hãy trải bóng Người lên những chiếc đồng hồ mặt trời,
Và trên cánh đồng trơ rạ hãy thả những cơn gió được tự do.
Lệnh truyền cho quả cuối mùa chín tới;
Ban phát cho chúng thêm đôi ngày nắng ấm phương Nam,
Đồn thịt da chúng trở nên căng mọng hoàn toàn
Rôi ép lấy vị ngọt cuối cùng vào rượu nồng sóng sánh.
Ai giờ không nhà cửa, sẽ không cần xây cất.
Ai cô đơn, sẽ còn mãi cô đơn,
Sẽ thức giãc, đọc, viết những bức thư dài
Và trên những con đường làng bôn chôn rào bước
Khi những chiếc lá vàng rơi xuống tự trên cao.*

PHÁP HOAN

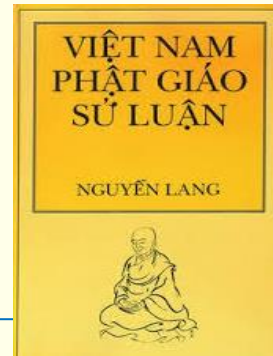
(dịch từ nguyên tác tiếng Đức, *Herbstta*
trong *Rainer Maria Rilke Die schönsten Gedichte*)

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO TỪ 1930 ĐẾN 1945

(Chương XXVI, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU



(tiếp theo kỳ trước)

CÁC HỘI PHẬT GIÁO THỰC HIỆN ĐƯỢC NHỮNG GÌ TRONG THỜI GIẠN 1930-1945

Tuy ra đời sớm nhất nhưng hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học không đóng được vai trò tiên phong bởi vì sự có mặt trong ban trị sự của hội một nhân vật quan liêu đó là ông Trần Nguyễn Chấn. Khi mới thành lập, Hội nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt của cả hai giới tăng già và cư sĩ ở Nam Kỳ. Hội đã cất được một thư viện Phật học gọi là Pháp Bảo Thường, thỉnh được Tục Tạng Kinh và Đại Tạng Kinh cho thư viện này. Hội cũng đã cất được một Phật học đường, gồm có sáu gian nhà ngói có trang bị đầy đủ để nhận học tăng nội trú. Nhưng ông "phó nhì hội trưởng" không chịu nghe lời các thiện sư Khánh Hòa và Huệ Quang, cho nên những cơ sở đó vốn được xây cất trên đất riêng của ông Chấn trở thành vô dụng. Phật học đường không bao giờ được khai giảng và công việc hoằng pháp bị đình trệ. Sự kiện này đã là nguyên nhân phát sinh ra hai hội Phật giáo khác, một hội tên là Lương Xuyên Phật Học Hội tại Trà Vinh và một hội lấy tên là Phật Học Kiêm Tế Hội ở Rạch Giá. Lương Xuyên Phật Học Hội được Khánh Hòa và Huệ Quang điều khiển, có đường lối tương tự với Hội An Nam Phật Học. Phật Học Kiêm Tế Hội do Thích Trí Thiện sáng lập với sự cộng tác của Thích Thiện Chiếu. Nếu hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học được xem như là một hội thuộc cánh cực hữu thì hội Phật Học Kiêm Tế được xem là một hội thuộc phe cực tả. Hội này kêu gọi Phật giáo đi theo đường lối xã hội chủ nghĩa.

Hội An Nam Phật Học là hội đã tạo nên tiếng vang lớn nhất cho phong trào Chấn Hưng Phật Học. Lễ Phật Đản mà hội tổ chức tại đất thần kinh năm 1935 là một cơ hội phô diễn lực

lượng quần chúng đầu tiên của Phật giáo trong thế kỷ này. Báo chí trong nước đã nói đến ngày lễ này trong nhiều số liên tiếp và những bài viết để chống đối Phật giáo đăng trên các báo cũng là những phản ứng gây nên do cuộc phô diễn lực lượng đầu tiên ấy của giới Phật tử.

Lễ Phật Đản do hội tổ chức, nhưng được sự tham dự của tất cả các bậc tôn túc ở thần kinh. Các vị hòa thượng và tăng cương các chùa Thiên Mục, Từ Hiếu, Bảo Quốc, Trúc Lâm, Túy Ba, Tây Thiên, Linh Quang, Tường Vân, Vạn Phước, Từ Quang và Quốc Ân đều đến tham dự. Tổng thư ký của Sơn Môn là Thích Mật Khế đã triệu tập một ủy ban tăng ni yểm trợ cho cuộc lễ gồm có các vị trụ trì chùa Diệu Đế, Quan Công, các vị Mật Nguyên, Đôn Hậu, Diệu Hương và Diệu Viên để huy động tăng đồ và tín đồ đến dự lễ.

Lễ Phật Đản được tổ chức ngày 10.5.1935. Trước đó hội trưởng Nguyễn Khoa Tân và các vị tôn túc đã vận động được vua Bảo Đại và Tam Tôn Cung nhận chức hội chủ vinh dự của hội, và Ngự Tiền văn phòng cho biết tin này bằng văn thư 97.BE ngày 20.4.1935. Vua cúng dường 150 đồng và Khôn Nghi Xương Đức thái thượng hoàng thái hậu cúng dường 100 đồng.

Chiều mồng bảy tháng Tư âm lịch, hội tổ chức rước Phật ở Bảo Quốc. Một ban đồng ấu Phật tử đầu đội mũ, áo mã tiền, trên vai có cắm lồng đèn hoa sen, vừa đi vừa bát bài "Vui mừng gặp ngày nay mồng tám tháng Tư." Đây là một cảnh chưa từng thấy (18). Hai bên đường quần chúng đổ ra xem đông đảo và hàng ngàn người đi theo sau đám rước để về chùa Diệu Đế. Đám rước tới chùa Diệu Đế vào lúc chín giờ rưỡi, và quần chúng quy tụ đầy đặc tử trong sân chùa ra tới ngoài đường. Thích Giác Nhiên lên diễn đàn giảng Bát Nhã Tâm

kinh trước máy vi âm. Đây là lần đầu tiên có máy vi âm trong một buổi giảng kinh, quần chúng trong chùa, ngoài đường nghe rõ mồn một, và tỏ ra rất thích thú. Máy vi âm này hội đã mượn được của nhà thuốc Võ Văn Vận tận Thủ Dầu Một.

Sáng mồng tám ni sư Diệu Hương giảng kinh Di Đà và tiếp theo ni cô Diệu Viên (còn là Sa Di Ni) lên giảng về đề tài "Phật học đối với phụ nữ." Lúc ấy người của hoàng gia, theo lệnh của Tam Tôn Cung, mang đến cúng dường một ngàn chiếc đèn lồng thắp ở chung quanh khuôn viên chùa Diệu Đế. Ni cô Diệu Viên giảng xong thì bác sĩ Lê Đình Thâm đứng đàn nói về lễ Phật Đản. Đúng chín giờ, xa giá của vua Bảo Đại tới và nghi lễ bắt đầu. Cùng đi với vua có Tôn Cung và các cơ mật đại thần, Viên khâm sứ Pháp cũng có đến dự.

Sau khi cử hành lễ Phật Đản, ban Đồng Ấu đã hát những điệu Phú Lục, Long Ngâm, Đăng Đàn Cung, Lưu thủy, Kim Tiên và Ngũ Đối Thượng. Sau đó Ban Đồng Ấu được Hoàng Thái Hậu tặng 50 đồng...

Ngày hôm sau, các báo trong nước đều có tường thuật về buổi lễ. Riêng báo Trạng An tại Huế đã ra một số đặc biệt để nói về lễ này.

Chính tiếng vang của ngày lễ đã thúc đẩy sự thành lập hội Phật Giáo Bắc Kỳ và khơi nguồn cho những bài đàm luận nên hay không nên chấn hưng Phật học.

Phương pháp phổ diễn lực lượng quần chúng sau này sẽ được áp dụng nhiều lần bởi các hội Phật giáo ba miền.

Từ khi hội Phật giáo đầu tiên được thành lập tại Nam kỳ (1931) đến Cách Mạng Tháng Tám (1945), phong trào chấn hưng Phật học có tới mười bốn năm trời để hoạt động. Phong trào đã thực hiện được những gì trong thời gian ấy?

Đứng về phương diện Phật Học ta có thể nói rằng phong trào đã đạt được nhiều kết quả. Sự có mặt của các tạp chí bằng quốc ngữ (Viên Âm, Đuốc Tuệ, Từ Bi Âm, Pháp Âm, Quan Âm, Tam Bảo, Tiếng Chuông Sớm, Duy Tâm, Tiến Hóa) và một số kinh sách phổ thông về Phật học (Phật giáo Sơ Học, Phật Giáo Vấn Đáp, Phật Giáo Giáo Khoa Thư v.v... và những kinh bản bằng quốc ngữ như Kim Cương, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm v.v...) đã làm cho sự học Phật trở nên dễ dàng đối với đại chúng. Thêm vào đó những buổi giảng diễn Phật pháp (không những tại trụ sở trung ương của các hội mà còn tại trụ



Hòa thượng THÍCH KHÁNH HÒA
1877 - 1947

sở của những chi hội ở các tỉnh nữa) đã tạo cơ hội cho nhiều người làm quen với Phật pháp. Ngày xưa, khi chữ Nho còn là học thừa của Phật học, chỉ có những người thông hiểu Hán học mới có thể đọc được kinh sách Phật giáo. Tuy vậy, không phải ai biết chữ Nho cũng đều đọc được sách Phật, bởi vì ngôn ngữ Phật học rất khác với ngôn ngữ Nho học. Thời xưa, kinh điển rất hiếm; muốn đọc kinh phải lên chùa mượn và số lượng kinh điển của các chùa cũng rất ít. Mỗi thứ chỉ có một bản. Bây giờ, các kinh sách bằng quốc ngữ có thể mua được tại các chùa thuộc hội Phật giáo, và các tạp chí Phật học được gửi bằng đường "giấy thép" tới tận nhà. Các ông cụ bà cụ không biết đọc quốc ngữ cũng có thể nhờ con cháu mình đọc lên cho mà nghe;

mà vì đây là sách báo quốc âm cho nên nghe tới đâu là các cụ hiểu ngay tới đó. Ngày xưa, các cụ đi chùa chỉ để lễ bái tụng kinh, học ăn chay và làm việc phúc thiện; bây giờ các cụ có thể hiểu thế nào là Phật Pháp Tăng, thế nào là Tam Bảo, thế nào là Tam Quy, Ngũ Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên. Sự thành công của các tạp chí Phật học cũng là sự thành công của quốc ngữ vậy.

Các hội Phật học lại đã quy tụ được những nhà học giả và nhà văn tha thiết đến nền quốc học và gây hứng thú học Phật cho họ. Tại hội Phật Giáo Bắc Kỳ, nhiều nhân sĩ đã tham dự vào ban Khảo Cứu Phật Học; trong số đó ta có thể kể các vị Nguyễn Văn Tố, Trần Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến, Bùi Kỳ, Lê Toại, Lê Dư, Vũ Như Trác, Nguyễn Văn Vĩnh v.v... Tại tòa soạn Tiếng Chuông Sớm ở chùa Linh Quang (Bà Đá), ta thấy cả Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Trịnh Đình Rự, Mai Đăng Đệ, Nguyễn Mạnh Bổng và Nguyễn Tiến Lãng. Cơ hội học Phật đã khiến cho những người như Trần Trọng Kim và Phan Văn Hùm đạt được những kiến thức Phật học khá vững chãi. Tác phẩm Phật Giáo của Trần Trọng Kim (19) và những bài khảo luận của Bùi Kỳ trên Đuốc Tuệ chẳng hạn đã chứng tỏ được điều ấy.

Đứng về phương diện đào tạo tăng tài, thành quả chỉ có thể được gọi là khiêm nhường. Ngoài Bắc, hội Phật giáo Bắc Kỳ tổ chức hai lớp tiểu học cho tăng ni sinh, một tại chùa Cao Phong ở Phúc Yên, một tại chùa Côn Sơn ở hải Dương. Một lớp trung học được khai giảng tại chùa Quán Sứ, và một lớp đại học được duy trì tại chùa Sở ở Hà Đông. Tổng số các học tăng

nội trú của bốn lớp là 69 vị (20). Ngoài ra còn nhiều học tăng và học ni từ các chùa tới học, có vị chính thức, có vị dự thính. Các tổ đình như Hồng Phúc, Linh Quang v.v... không mở Phật học đường mà chỉ triệu tập chư tăng các chùa về học Phật trong những tháng kết hạ. Những tổ đình ấy mỗi mùa an cư có thể quy tụ được khoảng trên dưới một trăm vị tăng sĩ.

Tại miền Trung, hội Phật học mở trường An Nam Phật học tại các chùa Trúc Lâm vào năm 1934 và thu nhận 50 học tăng nội trú. Trường này sau được dời về chùa Báo Quốc. Chín năm sau (sau khi học xong sáu năm tiểu học và ba năm trung học), lớp này thi lên đại học. Lớp này đã đào tạo được khoảng mười vị tăng sĩ xuất sắc trong số đó có thiền sư Trí Quang, Thiện Siêu, Trí Thuyên và Thiện Minh. Về phía sơn môn thì từ năm 1929, Thích Giác Tiên đã rước thiền sư Phước Huệ chùa Thập Tháp Bình Định về chùa Trúc Lâm Huế để mở trường Sơn Môn Phật Học. Lớp học tăng này đã có căn bản Phật học rồi nên mở được xem như một lớp đại học. Trong số các học tăng, ta thấy những vị như Mật Thể, Trí Thủ, Quảng Huệ, Mật Hiển, Chánh Thống, Thiện Trí, Mật Khế. Bốn năm sau, thiền sư Mật Khế, đệ tử của thiền sư Giác Tiên lại mở một lớp tiểu học ở chùa Vạn Phước. Một lớp tiểu học khác lại được mở tại chùa Tường Vân, quy tụ được bốn mươi học tăng và một lớp khác nữa tại chùa Từ Đàm quy tụ được hai mươi vị học ni.

Tại Bình Định, một trường Trung Đẳng Phật Học được khai giảng tại chùa Long Khánh năm 1937. Phan Rang cũng mở một trường tiểu học tại chùa Tây Thiên. Tại Đà Nẵng, Phật học đường của Đà Thành Phật Học Hội gồm có hai cấp tiểu học và trung học cũng được khai giảng đầu năm 1937.

Trong Nam, sau khi thúc đẩy mãi mà ông Trần Nguyên Chấn không chịu khai giảng Phật học đường, hai thiền sư Khánh Hòa và Huệ Quang liền bỏ về Trà Vinh và lập Liên Đoàn Phật Học Xã (1933). Đây là một Phật học đường lưu động, cứ ba tháng lại thay đổi nơi cư trú. Lý do của sự lưu động này là kinh tế, bởi vì một chùa không thể có đủ khả năng nuôi dưỡng giáo sư và học tăng quá ba tháng. Khóa học đầu được tổ chức tại chùa Long Hòa ở Tiểu Cần, khóa thứ hai được tổ chức tại chùa Thiên Phước ở Trà Ôn. Nhưng sau khóa thứ ba tại chùa Viên Giác ở Bến Tre, Phật học đường lưu động này bị tan rã, vì không có chùa nào đủ sức chứa mang một số tăng sĩ lớn lao trong vòng 3 tháng nữa. Cuối cùng các vị Khánh Hòa, Huệ Quang, Khánh Anh và Pháp Hải, hợp tác với một số cư sĩ tại Trà Vinh, thành lập hội Lương Xuyên Phật Học để làm phương tiện bảo trợ Phật học đường. Năm 1934 Phật Học Đường Lương Xuyên được khai giảng. Phật học đường này đã đào tạo được một số tăng tài trong đó ta thấy có các thiền sư Thiện Hòa, Thiện Hoa, Hành Trụ, Chí Quang, Hiển Thụy và Chánh Quang. Tuy vậy, đến năm 1939 trường bị đóng

THẬP SÁNG ĐƯỜNG ĐI

*Thập sáng đường đi cõi Ta Bà
Xoá mờ ngăn cách đẹp tình ta
Bình bát muôn nhà tâm rộng mở
Y vàng giải thoát cảnh phồn hoa
Nét đẹp trang nghiêm đời Tăng Lữ
Giáo pháp truyền trao khắp mọi nhà
Nghĩa Đạo tình Đồi chung một mối
Nắng vàng soi sáng bước đường qua.*

thơ TÁNH THIÊN

Dallas Texas, 8-8-2019

cửa vì thiếu tài chính và một số học tăng được gửi ra học tại trường Sơn Môn Phật Học Huế. Một số khác đi các tỉnh để mở những lớp tiểu học cho tăng ni: Giác Tâm ở Sa Đéc, Chí Thiện tại Phú Nhuận và Bửu Ngọc tại Kế Sách.

So với số lượng tăng sĩ thất học lớn lao trong xứ, số tăng sĩ được đào tạo tại ba miền không thấm vào đâu. Số lượng tăng ni được trực tiếp đào tạo không vượt quá số năm trăm vị, trong số đó chỉ có khoảng một phần mười gọi là xuất sắc. Tuy vậy trong khoảng 1945-1975, thiếu số này đã tạo nên được sóng gió trong sinh hoạt văn hóa và chính trị quốc gia.

Đứng về phương diện văn hóa ta có thể nói là phong trào Phật giáo đã góp phần đáng kể trong việc xác định rằng yếu tố Phật giáo là một trong những yếu tố căn bản làm nền tảng cho văn hóa Việt Nam. Phạm Quỳnh, trong dịp viếng thăm hai Phật học đường Báo Quốc và Tường Vân ngày 29.5.1937, đã nói với học tăng những lời sau đây: "Cái tinh thần Việt Nam của chúng ta đây tất phải nhờ các học thuyết tạo thành, mà xét về đức dục thì một phần lớn là do công nghiệp của Phật học. Phật học đã có ảnh hưởng về luân lý đạo đức trong dân tộc ta như vậy, thì ai là người muốn bảo tồn tinh thần dân tộc Việt Nam tất phải tán thành cho Phật học" (21). Phạm Quỳnh là một trong số những học giả tha thiết nhất về vấn đề quốc học. Hồi ấy ông làm thượng thư bộ Quốc gia giáo dục của chính phủ Nam Triều. Báo Nam Phong của ông trước đó cũng đã đăng nhiều bài khảo cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam như bài Phật Giáo Nam Lai Khảo. Tạp chí Đuốc Tuệ có thể nói là tờ tạp chí đóng góp nhiều bài vở nhất về lịch sử các cao tăng Việt Nam thời cổ, về những đóng góp của họ trong sự lập nước và giữ nước: báo

cũng đăng tải bản dịch của các tác phẩm Phật giáo Việt Nam cổ điển như *Khóa Hư Lục* và những áng văn Nôm do các thiền sư xưa sáng tác. Đuốc Tuệ và Viên Âm ưa đăng những bài nêu rõ tinh thần tự do, bình đẳng và vô úy của Phật giáo để chứng tỏ cho thế hệ ham chuộng tân học thấy rằng những hình thức cầu nguyện, cúng lạy lâu nay họ thấy chỉ là một hình thức của đạo Phật bình dân, rằng chân tinh thần của Phật giáo rất hợp với tinh thần thực nghiệm và khám phá khách quan của khoa học, và đạo Phật của tuổi trẻ là một đạo Phật không mê tín, không ỷ lại thần quyền, không chán đời, không nhu nhược yếu đuối. Mong ước thầm kín của tác giả những bài này là sự phối hợp khoa học Tây phương với đạo học Phật giáo sẽ tạo được cho quốc gia Việt Nam một nền văn hóa mới còn giữ được nguyên vẹn cá tính Việt. Các tạp chí Phật học cũng rất ưa đăng những bài nói về Phật giáo với khoa học, cho rằng trong các tôn giáo chỉ có đạo Phật là đạo "khoa học" hơn cả. Cố nhiên những bài này hướng về phía thanh niên tân học.

Vào khoảng 1940, các hội Phật giáo chú trọng đặc biệt đến giáo dục thanh thiếu niên, nhất là ở Trung Kỳ. Hội An nam Phật Học mở một lớp đặc biệt dạy về Phật học, Lão học và Khổng học cho thanh niên tân học. Sau đó đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục được thành lập. Dưới sự hướng dẫn của bác sĩ Lê Đình Thám, vừa có tân học, vừa vững chãi về Phật học, đoàn thanh niên này tiến bộ rất mau chóng. Đến đầu năm 1942 báo Viên Âm được giao lại cho đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục biên tập. Thế tài Viên Âm biến đổi hẳn và Viên Âm trở thành một tạp san gần như của giới tuổi trẻ tân học.

Đoàn Phật Học Đức Dục lập tức tổ chức Phật Học từng thư, xuất bản sách cho tuổi trẻ đọc. Những tác phẩm Phật Giáo sơ Học (đoàn Phật Học Đức Dục soạn), Phật Giáo và Đức Dục (Đình Văn Vinh), Đời Vui (Ngọc Thừa), Nghĩa Chữ Cho (Nguyễn Hữu Quán), Thanh Niên Đức Dục (Đình Văn Nam), Phật Giáo và Thanh Niên Đức Dục (Phạm Hữu Bình), Đời Sống Vui (Trần Đỗ Cung) v.v... được xuất bản liên tiếp. Đồng thời những lớp thiếu niên nữ Phật tử gọi là (Đồng Ấu) được thành lập dưới sự hướng dẫn của đoàn. Vào năm 1942, đã có 12 đoàn Đồng Ấu được thành lập, mỗi đoàn vào khoảng 40 em. Đại hội Thanh Thiếu Niên Phật Tử ngày



Hòa thượng THÍCH THIÊN HOA
1918 - 1973

Phật Đản năm 1943 quy tụ trên bốn trăm đoàn sinh tại đồi Quảng Tế gần chùa Từ Hiếu đánh dấu sự phát động phong trào thanh niên Phật tử tại đất Việt (22).

Đưa tuổi trẻ vào đạo Phật, đây có thể gọi là một trong những thành công của phong trào phục hưng Phật giáo vậy.

Đứng về phương diện chính trị và xã hội, phong trào Phật giáo 1931-1945 đã làm được gì? Năm 1935, Phan Khôi nói ông bức mình vì "các hội Phật giáo xử ta cứ im im mà chẳng làm gì hết." Ông đã nói được sự thật: phong trào Phật giáo không trực tiếp vận động chính trị. Không những Phan Khôi, một người ngoài Phật giáo đã nói như vậy mà nhiều người trong giới Phật giáo cũng nóng ruột nói như vậy. Họ cho rằng các hội Phật giáo đi chậm như rùa; nội một việc thống nhất các hội thành

một tổng hội mà cũng không làm được, nói gì đến can thiệp vào tình hình chính trị và kinh tế. Báo Pháp Âm, cơ quan của hội Tịnh Độ Cư Sĩ, xuất bản tại Nam Kỳ (23) đã nhiều lần nói lên sự nóng ruột đó: Ký giả Quốc Trí của báo này viết: "Các ngài định chấn hưng Phật học để cải tạo nền tảng ở nước ta, gây thành một thế lực mà ứng phó với thời cơ, hay là định liên lạc các phần tử Phật gia lại làm một cái đại đoàn để duy trì lấy cái thế lực cho một bọn người quen nghề buôn thần bán Phật? Các ngài định chấn hưng Phật học để rồi đào chú cho nước Nam một bọn người có đức hy sinh, xả kỷ, nhẫn nại, mạo hiểm như Đức Phật Thích Ca, hay sẽ tạo thành cho nước Nam về sau một bọn tín đồ Phật giáo như ở các nước Miên Lào?" (24). Ký giả Đông Giao trong một bài nhan đề *Chấn Hưng Phật Giáo Phải Thực Hành Thế Nào Mới Thấy Kết Quả* nhắc đến tai nạn chiến tranh dây dưa trên thế giới, đến những cảnh nghèo đói, bệnh hoạn, dốt nát trong xứ, đến gần mười năm chấn hưng Phật giáo, rồi kết luận là cuộc chấn hưng không có kết quả vì lý do các hàng lãnh đạo Phật giáo chỉ lo tương lai mà không lo hiện tại, chỉ trọng tinh thần mà bỏ quên thực tế, không đề ra được những chương trình và phương pháp thực hành cụ thể. Ông viết: "Cuộc chấn hưng Phật giáo không có ảnh hưởng, không có kết quả, bởi vì không thiết thực với xã hội nhân sinh, chỉ nói suông trong báo chí sách vở mà thôi chứ không có thực hành" (25). Trong lúc đó tạp chí Tiến Hóa của hội Phật Học Kiêm Tế ở Rạch Giá kêu gọi cải cách Phật giáo một cách triệt để, nghĩa là phải

hủy bỏ hình thức đầu tròn áo vuông của tăng sĩ, thiết lập tân tăng như ở Nhật Bản, tham dự vào cách mạng xã hội. Ký giả Giác Tha không muốn đạo Phật mang hình thức một tôn giáo nữa, mà phải xuất hiện ra như một đường lối sống. Ông viết: "Phật giáo muốn khỏi {sự} vào vòng tội ác của tôn giáo, muốn vĩnh viễn tồn tại cứu khổ cho thế gian, thì Phật giáo phải hoàn toàn cải cách... Hiện nay nhân loại ham chuộng khoa học và triết lý mới: họ yêu cầu thực hiện thể giới hòa bình hạnh phúc, là phải thời cho Phật giáo cởi bỏ cái lột tôn giáo cũ đặng lời cái mặt thật của mình" (26).

Nhìn hoàn cảnh đất nước thời đó, ta có thể thông cảm được dễ dàng cho sự nóng ruột của những người như Phan Khôi, Quốc Tri, Đông Giao và Giác Tha, và ta cũng cảm thấy các hội Phật giáo đi chậm quá. Ở đây, ta hãy xét những lý do đã khiến cho phong trào Phật giáo không đi nhanh được như những người kia mong muốn.

Trước hết là sự có mặt của những phần tử hữu khuynh trong các hội. Đây là một sự thực, thời nào cũng có. Những phần tử này xem một chức vị như hội trưởng hay phó hội trưởng của một cái hội là một thể đứng trong xã hội và họ không bao giờ chấp nhận sự đương đầu với những thể lực chính trị kinh tế thống trị. Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học với ông phó hội trưởng Trần Nguyên Chấn là một ví dụ cụ thể.

Lý do thứ hai là một số người lãnh đạo các hội cho rằng thà đi chậm hơn là để cho hội phải bị giải tán hoặc tan rã. Quan niệm này cũng hàm chứa chút ít sự thực, nhưng cũng phản chiếu sự lo âu thái quá về sự tồn vong của một tổ chức. Một cái hội lập nên là để có phương tiện thực hiện một ước vọng nào đó, nhưng khi đã có hội rồi thì người ta lại lo lắng cho sự tồn vong của hội, thành ra hội càng ngày càng trở nên một cứu cánh hơn là một phương tiện.

Lý do thứ ba là có những người "chấn hưng Phật giáo là vì Phật giáo chứ không phải vì nhân sinh" như Ngô Không đã lên án trong bài viết về Phật Giáo Và Xã Hội trong tạp chí Pháp Âm (27).

Pháp Âm, cũng như Tiến Hóa, phản chiếu thao thức muốn xem đạo Phật làm cách mạng xã hội. Hai tạp chí này có thể gọi là tả khuynh trong phong trào Phật giáo. Tiếc thay, gốc rễ Phật giáo của họ không được vững chãi, và thể liên hợp của họ đối với các lực lượng quần chúng Phật tử thời đó còn quá mong manh. Pháp Âm chỉ xuất bản được từ đầu năm 1937 đến giữa năm 1938 là đóng cửa. Tiến Hóa cũng chỉ xuất hiện được từ đầu năm 1938 đến giữa năm 1939 rồi bị đóng cửa. Hội Phật Học Kiêm Tế chứng minh đường lối nhập thế của mình bằng cách tổ chức phát thuốc, chẩn tế, nuôi dưỡng cô nhi. Nhưng hội cũng ngấm ngấm tổ chức kháng chiến bạo động. Chùa Tam Bảo ở Rạch Giá bị nhân viên mật thám Pháp vây bắt,

lục soát. Họ tìm ra được nhiều tạc đạn nội hóa và truyền đơn cách mạng. Hòa thượng Trí Thiên, hội trưởng của hội cùng nhiều cộng sự bị bắt bớ, tra tấn, và cuối cùng bị đẩy ra Côn Đảo. Ảnh hưởng của Hội Phật Học Kiêm Tế, vì vậy, cũng không được sâu rộng và lâu dài. Nếu chấp nhận một đường lối tranh đấu bất bạo động để củng cố cơ sở quần chúng và gây ý thức sâu rộng trong quốc dân, chắc chắn hội đã đạt được những thành công lớn lao hơn. Hội Phật Học Kiêm Tế có thể gọi là không "im im" như Phan Khôi nói, nhưng có lẽ cũng không làm được việc gì mà ông Phan mong đợi.

(18) Ban Đồng Ấu Phật tử này gồm có 52 em vừa nam vừa nữ, huấn luyện tại chùa Phước Điền. Nhạc sĩ Bửu Bác phụ trách dạy nhạc cho các em. Bài *Hải Triều Âm* do Bửu Bác sáng tác là bản nhạc lễ Phật giáo đầu tiên viết bằng phép ký âm Tây phương. Bài này sau được Gia đình Phật hóa Phổ giản lược hóa và trở thành bài *Trầm Hương Đốt*. Tuy Trầm Hương Đốt dễ hát hơn Hải Triều Âm nhưng tính chất lễ nhạc dân tộc và Phật giáo trong bài Trầm Hương Đốt bị hy sinh đến quá nửa. Thật là một điều đáng tiếc. Lời của Hải Triều Âm như sau:

*Trầm hương đốt, xông ngát mười phương
Vân vân khói kết mây lành cúng dường
Cầu cầu xin lên kim đài quang minh
Ngồi đèn Tuệ soi sáng cùng quần sinh
Vội vội đài sen uyển chuyển hào quang
Quy tâm quỳ dưới kim dung ngọc tướng
huy hoàng
Kính dâng hồng diệp liên hoa muôn cành
Chúng con tâm thành xứng dương vô
lượng hồng danh
Hoàng đạo diệu huyền đã lan truyền nơi
cùng nơi
Đều nhờ chân lý phá vô minh thoát luân
hồi
Nguyện cầu quần sinh ly con đường lầm
mê
Mau mau thành đạo tam muôi tam bồ để
Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mẫu Ni Phật*

(19) Tân Việt, Sài Gòn, 1950
(20) Đuốc Tuệ số 159 (1.7.1941)
(21) Viên Âm số 25 (1.6.1937)
(22) Viên âm số 59 (tháng Tư 1943)
(23) Hội Tịnh Độ Cư Sĩ thành lập năm 1936 đặt trụ sở tại chùa Tân Hưng Long, Chợ Lớn. Tạp chí Pháp Âm, số đầu ra vào tháng Hai 1937, do một số cư sĩ có tân học chủ trương, trong đó có Trần Huỳnh, Phan Hiền Đạo và Phạm Đình Vĩnh.

(24) Pháp Âm số 10 (tháng Mười 1937)
(25) Pháp Âm số 7 (tháng Bảy 1937)
(26) Tiến Hóa số 8 (tháng Tám 1938)
(27) Pháp Âm số 5 (tháng Năm 1937)

HỌA SỸ THAM LAM

Vùng kia có một ông tăng
Giỏi nghề họa sỹ nên thường vẽ thuê
Tiền công tính đắt khỏi chê
Khách hàng trả trước, khó bề thiếu ông
Mọi người vì thế đồng lòng
Đặt ông danh hiệu khắp vùng truyền lan:
"Nghệ nhân bần tiện, tham lam"
Ông nghe nhưng chẳng để tâm muộn phiền.

Một hôm có khách ghé tìm
Cô nàng kỹ nữ bạc tiền giàu sang
Có mời họa sỹ tài năng
Đến nhà cô vẽ, chẳng màng tiền công
Đòi bao nhiêu cũng trả ông
Miễn là thực hiện cho xong tranh này
Vẽ luôn trước mặt nàng đây
Vì cô đãi khách quý ngày hôm nay.
Thuận lòng họa sỹ đến ngay
Nét tranh phượng múa rồng bay tài tình
Vẽ xong đòi trả công mình
Giá tiền tác phẩm hoàn thành thật cao.
Cô nàng nào tiếc tiền đâu
Trả công sòng phẳng rồi sau thốt lời
Mía mai nói với mọi người:
"Nghệ nhân này vốn ham nơi bạc tiền
Tranh tuy phô nét thần tiên
Tâm hồn lại chỉ là miếng tanh hôi
Bùn lầy, như bản mãi thôi
Đáng gì triển lãm cho người ngắm xem!"
Cô nàng khinh bỉ nói thêm:
"Tranh này chỉ đáng vẽ trên mảnh quần!"
Nói xong cô chẳng ngại ngần
Yêu cầu họa sỹ tới gần một bên
Chìa quần ra bảo vẽ lên
Vẽ thêm bức khác ngay trên quần nàng.
Rất thần nhiên, chẳng bề bàng
Ung dung họa sỹ nói rằng: "Được thôi!
Miễn là cô trả cho tôi
Tiền công để vẽ gấp đôi tranh thường!"
Cô nàng chế giễu cười vang:
"Giá nào cũng trả! Chẳng màng tốn hao!"
Vẽ tranh xong, nhận giá cao
Nghệ nhân bình thần cúi chào, ra đi.

Mặc cho quan khách cười chê
Rằng mình tham bạc! Sá chi tiếng đời!

*
Thời gian lặng lẽ dần trôi
Về sau thiên hạ truyền lời mới hay
Tâm hồn họa sỹ đẹp thay
Chứa chan hỷ xả! Đong đầy từ bi!
Bạc tiền ngài kiếm được kia
Nhằm đem thực hiện những gì ước mong:
- Một là nạn đói quanh vùng
Thường gây bao cảnh tang thương tiêu điều
Người giàu chẳng giúp kẻ nghèo
Cho nên ngài phải chứa nhiều lương khô
Dâu nơi kín đáo trong kho
Phòng khi khẩn cấp giúp cho đồng bào.
- Hai là đường sá hư hao
Khó khăn qua lại từ bao lâu rồi
Khách hành hương ở khắp nơi
Viếng chùa, lễ Phật thốt lời than van
Ngài cần tiền để sửa sang
Trợ duyên gieo rắc đạo vàng uyên thâm.
- Ba là ngài ước nguyện thâm
Xây ngôi thiên viện để dâng tặng thầy,
Thầy ngài khuất núi mới đây
Tâm lòng đệ tử thầy hay biết gì,
Nay tuy thầy đã ra đi
Ngài mong tiếp tục mọi bề cho xong.
Ba nguyện ước, một tấm lòng!
Sau khi thấu góp tiền nông đủ rồi
Thực hành ý nguyện êm xuôi
Thầy tu họa sỹ tức thời lìa xa
Chẳng còn phô nét tài hoa
Quẳng đi bút cọ, tìm ra am thiên
Ẩn mình núi thẳm thiên nhiên
Ngát hương giải thoát! Xa miền nhiễm ô!

thơ **TÂM MINH**
NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo The Stingy Artist
trong tập truyện văn xuôi 101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Repts)

BA PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TUỔI TRẺ PHẬT GIÁO

Hãy Gieo Ba Hạt Giống Lành

Tâm Thường Định

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

"Give me a lever long enough and a fulcrum on which to place it, and I shall move the world," Archimedes. Tạm dịch theo quan điểm Phật giáo: **"Hãy cho tôi một điểm tựa tâm linh và đầy đủ phương tiện, tôi sẽ di chuyển thế giới này..."**

Hơn bao giờ hết tuổi trẻ cần được dìu dắt về mọi mặt, nhất là về cuộc sống tâm linh. Vì đó là nền tảng đạo đức, phẩm chất giá trị của con người, và sự phát triển theo chiều hướng tốt của xã hội. Phật giáo là một tôn giáo lớn, đã, đang và sẽ góp phần không nhỏ cho sự hòa bình, hưng thịnh, nhân cách con người, và trái đất mẹ. Trong kinh điển Phật giáo, chúng ta thường được nghe những cụm từ "ba" chữ đi liền với nhau như: Phật-Pháp-Tăng (*Ba Ngôi Báu*); Giới-Định-Tuệ (*Tam Vô Lậu Học*); Tín-Hạnh-Nguyện; Văn-Tư-Tu; Bi-Trí-Dũng; Hoà-Tin-Vui v.v... những con số "3" trong Phật giáo có thể xem như là "sự vận hành"; là phương thức để "hành trì"; công phu để "tu tập"; đó chính là nền tảng "huân tu" trong lãnh vực giáo dục của Phật giáo.

Chúng ta, "nói riêng" có thể tùy nghi chọn bất kỳ một cụm từ nào để làm nền tảng huân tu cho chính bản thân mình, rồi từ đó chúng ta mang "phương pháp thực tiễn này / *this practical way*" vào trong xã hội đương thời. Trong kinh điển của Phật giáo, nền tảng cho sự giáo dục đạo đức con người để đi đến tiến trình giải thoát chính là Giới-Định-Tuệ. Trong bài tham luận của thầy Thích Quang Thanh với chủ đề **"Phật Hóa Gia Đình & Đạo Đức Xã Hội"** tại Hội thảo Hướng dẫn Phật tử Toàn quốc năm 2011 tại Đà Nẵng, Thầy đã nhấn mạnh rằng: "Phương thức Giáo dục Tuổi trẻ Phật Giáo trong thời Hội nhập" sẽ mở ra một chân trời mới, để trợ giúp cho Thanh-Thiếu-Niên luôn có một trái tim đầy nhiệt huyết, thấm đượm được giá trị "Tài-Đức-Trí" của một người hoàn thiện. Sắc thái của bài tham luận này là "Giáo dục Tâm lý" và "Giáo dục Phật giáo," trong đó Thầy khẳng định lấy Giới-Định-Tuệ làm nền tảng cho sự giáo dục trong đạo Phật.

Ở đây, chúng tôi xin nêu ra "ba hạt giống" hay "ba phương thức" chính yếu để làm nền giáo dục tuổi trẻ Phật giáo ngày nay.

I. Build: Lay a solid foundation and practice its core values. (Xây dựng) / Phải đặt một nền tảng Phật giáo vững chắc và thực hành giá trị cốt lõi.

• Hãy chọn bất cứ giá trị nào trong các pháp môn như: Tam Quy-Ngũ Giới; Tứ Vô Lượng Tâm (*Tứ-Bi-Hỷ-Xả*); Bát Chánh Đạo; Tứ Nhiếp Pháp; Lục độ; v.v... mà **"HÀNH TRÌ"**, thì đó mới là nền tảng vững chắc. Sự thánh thiện này sẽ mở cửa cho một nền giáo dục nhân bản, hoàn thiện và thích đáng hơn.

• Hãy tạo một môi trường tốt cho tuổi trẻ. Tuổi trẻ cần có những "sân chơi" hay "điểm đến" lành mạnh. Tổ chức GDPT là một ví dụ. Trong tổ chức GDPT, sự giáo dục được đặt trên nền tảng chúng tử và huân tập. Ngoài ra, Đạo Phật Ứng Dụng (*Engaged Buddhism*) - đã nêu ra phương thức giáo dục và ứng dụng rất hữu hiệu và thực tiễn. Nói chung, nếu chúng ta có một nền tảng bất thối chuyển; một điểm tựa vững chắc; thì chúng ta sẽ có một tương lai rạng ngời, một hướng đi mới, một môi trường sinh hoạt lành mạnh cho giới trẻ. Và cứ thế, chúng ta tiếp tục vận hành sự TU HỌC và HÀNH TRÌ những giá trị cốt lõi đạo đức đó, thì nền tảng giáo dục của Phật giáo cho tuổi trẻ ngày càng thêm vững mạnh.

II. Transform: Metanoia - A shift of Mind (Chuyển hóa) / Thay đổi cái nhìn (perception) của mình. Be innovative!!!

• Trong kinh Pháp Cú có dạy: "Tâm dẫn đầu các pháp, Tâm tạo tác...", ngày nay các nhà nghiên cứu về giáo dục như Peter Senge nhấn mạnh: "Sự phát triển trong việc giáo dục bắt nguồn từ sự chuyển hóa tâm thức" (Senge 2000). Ngài Dalai Lama trong cuốn sách Nghệ Thuật của Hạnh phúc (*The Art of Happiness*) có chia sẻ "chỉ đổi cách nhìn của mình không thôi cũng đủ làm cuộc sống nhẹ nhàng và an vui hơn."

• Tuổi trẻ như một tờ giấy trắng, nên phải

tạo cơ hội và huấn tập tuổi trẻ những cách nhìn đúng đắn nhằm chuyển hóa cách nhìn, cách suy nghĩ và hành động của giới trẻ. Albert Einstein có nói: "Only a life lived for others is a life worthwhile". Cuộc sống vì người khác là cuộc sống xứng đáng nhất. "Mình phải chuyển đổi các em từ lối suy nghĩ vị kỷ đến vị tha, từ cái hẹp hòi, chỉ biết cho chính mình trong cái "tôi, cái của tôi", v.v... thành cái của "chung, cái của chúng ta và của tất cả." Dạy các em phải nhận thức rằng, tự lợi lợi tha, tự giác và giác tha để cuối cùng được giác hạnh viên mãn." (trích trong tập Tâm Bút của Trần Trung Đạo, trang 11).

• Thêm vào đó, trong thuyết Đầy tớ Lãnh đạo (Servant Leadership), phục vụ nhân sinh là nền tảng của lãnh đạo (Greenleaf, 1977). Trong Phật giáo đức Phật dạy: "Phụng sự chúng sanh là cội đường Chư Phật" tạm dịch "service to all sentient beings is honoring to the Buddhas." Chư Tổ lại dạy: "Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực" nghĩa là "Một ngày không làm, một ngày không ăn." Vì thế, ai trong chúng ta cũng phải tự chuyển hóa chính mình trước qua tư tưởng, suy nghĩ, lời nói và hành động của chính mình. Có thể là những việc làm thiết thực trong việc phục vụ nhân sinh và xã hội như giúp đỡ những người bệnh tật, giúp giảm các nạn nghèo đói, làm giảm đi bất công xã hội, giảm bớt ô nhiễm môi sinh, chăm lo người già, hướng dẫn thiếu nhi học tập đạo đức v.v... đó là sắc thái của sự lãnh đạo và giáo dục thực tiễn có hiệu quả.

III. Act: Put the ideas into practices. (Hành động) / Đặt ý tưởng vào hành động.

• Ai trong chúng ta, từ cá nhân đến tổ chức, cũng đều có những ý tưởng, ý kiến hay và đẹp. Những ý kiến này cần được dung hòa, khai triển, rồi đưa vào thực tập. Sự thí nghiệm nào cũng là bước đầu cho sự tiến bộ của nhân loại nên đạo Phật của chúng ta có phương thức "tùy duyên, bất biến" là vậy! Ví dụ: khi thấy những nơi khác có tổ chức các khóa tu học, hội thảo, khóa niệm Phật, thiền hành, v.v... được thành công, thì mình cũng nên học hỏi và mang về thử nghiệm, hòa nhập ở bối cảnh địa phương của mình nếu cho phép. Chắc hẳn, sau vài lần tổ chức, những kinh nghiệm đó sẽ được cải tiến và giàu mạnh thêm. Các nhà sinh vật học gọi đó là adaptation or evolution. Nói một cách khác là: Performance, Feedback, and Revision (Thực hiện, nhận hiệu suất/chỉ trích, và sửa đổi cho tốt hơn).

Hai ví dụ dưới đây là điển hình:

• **Về phần tu học cho tuổi trẻ:** Ở trong nước, có những buổi Hội Trại Tuổi Trẻ và Cuộc Sống do thầy Thích Nhật Từ đề xướng được rất nhiều lợi lạc và thành công. Những buổi hội thảo và những trại vui chơi, huấn luyện như vậy rất cần thiết để tạo một nền tảng đạo đức và huấn tập những đức tính tốt cho tuổi

trẻ. Ở Hải ngoại, sự tiên phong tổ chức trại Tu Học của GDPT Miền Tịnh Khiết ở Tu viện Mộc Lan, Mississippi năm 2011 là một thành công lớn cho tuổi trẻ GDPT.

• **Tu học đại chúng:** Ở trong nước, có những khóa học ở chùa Hoằng Pháp, Tu viện Viên Chiếu, Tu viện Trúc Lâm, v.v... rất thành công cho đại chúng. Ở Hải ngoại, GHPGVNTN HK thấy sự thành công từ các khóa Tu học tại Âu Châu và Úc Đại Lợi, nên đã phối hợp cùng Canada tổ chức khóa Tu học lần đầu tiên tại Bắc Mỹ năm 2011 và đạt được nhiều thành quả tốt đẹp. Mặc dù địa dư và bối cảnh ở Bắc Mỹ rất khác so với Úc hoặc Âu Châu, nhưng chắc chắn sau vài lần tổ chức Giáo hội sẽ được thành công mỹ mãn. Nếu chúng ta đều có bản lĩnh tốt để thực hiện những ý tưởng đó, không sớm thì muộn cũng sẽ được đơm hoa kết trái.

Tóm lại, tuổi trẻ là tuổi đầy nhiệt huyết và cần sự nâng đỡ của người lớn, hầu góp phần phát triển nhân cách và đạo đức. Ba hạt giống đó là: (1) **Xây dựng** - Phải đặt một nền tảng giáo dục Phật giáo vững chắc và thực hành những giá trị cốt lõi. (2) **Chuyển hoá** - Thay đổi nhận thức của mình để hướng thiện và (3) **Thực hành** - Đặt ý tưởng vào hành động thực tiễn là những phương pháp cụ thể để triển khai những giá trị giáo dục trong Phật giáo. Bằng những giá trị cốt lõi của Phật giáo như: Bi Trí Dũng, Tam Vô Lậu Học hay phương diện Văn Tự Tu, Tài Đức Trí, v.v... chúng ta có thể gieo hạt giống lành cho tuổi trẻ Phật giáo, hầu chuyển hóa và nâng đỡ tuổi trẻ có một hướng đi thánh thiện, thành đạt và có giá trị xứng đáng trong cuộc sống để giúp mình, giúp đời và nối tiếp con đường của Phật tổ.

Tham Khảo

1. Peter M. Senge. "Give Me A Lever Long Enough.... And Single-handed I Can Move the World." (Page 13-25.) The Jossey-Bass Reader on Educational Leadership, Jossey-Bass, San Francisco, 2000

2. Shields, C. M., Edwards, M. M., & Sanyani, A. (Editors). INSPIRING PRACTICE: Spirituality and Educational Leadership, Pro>Active Publications, Lancaster, PA., 2005.

3. Thích Quang Thạnh. Phương Thức Giáo Dục Tuổi Trẻ Phật Giáo trong Thời Hội Nhập. Tài xuống từ trang nhà daophatngaynay.com, ngày 7 tháng 1, 2012. <http://www.daophatngaynay.com/vn/giao-duc/9444-Phuong-thuc-giao-duc-tuoi-tre-Phat-giao-trong-thoi-ky-hoi-nhap.html>

4. Trần Trung Đạo, Tâm Bút Trần Trung Đạo, Tác giả xuất bản, 2005.

TÂM TỪ: ĐỌC TRONG MÙA VU LAN

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

KHÔNG NẪM GIỮ KIẾN NÀO

Câu hỏi là, tại sao khi nhìn các pháp, lại cần có cái nhìn Như Thị?

Trả lời: Bởi vì *Như Lai không nắm giữ bất kỳ kiến nào* (ý này đã nói trong Metta Sutta).

Chữ kiến đây, có nghĩa là kiến (lập trường) về có/không, một/nhiều, hữu biên/vô biên, chơn/vọng, vân vân.

Đức Phật dạy rằng ngài không hề có một kiến nào như thế, mọi chuyện nắm giữ kiến nào sẽ chỉ là tà kiến.

Trong Kinh MN 72 - Aggi-vacchagotta Sutta, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết:

"Này Vaccha, tà kiến đã được Như Lai đoạn trừ. Nhưng này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: 'Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt...' Tương tự với thọ, tưởng, hành, thức.

Nghĩa là, Đức Phật dạy cái nhìn: *như thị sắc, như thị sắc tập, như thị sắc diệt...*

Bản Anh dịch của nhà sư Thanissaro viết về câu vấn đáp này như sau:

"Does Master Gotama have any position at all?"

"A 'position,' Vaccha, is something that a Tathagata has done away with. What a Tathagata sees is this: 'Such is form, such its origination, such its disappearance; such is feeling, such its origination, such its disappearance...' (7)

DỊCH:

"Hỏi: Ngài Gotama có bất kỳ quan kiến (lập trường) nào không?"

"Đáp: Vaccha, quan kiến là cái Như Lai đã xóa sổ rồi. Cái một bậc Như Lai nhìn thấy là thế này: Như thị sắc, như thị sắc khởi, như thị sắc diệt; như thị thọ, như thị thọ khởi, như thị thọ diệt..."

THẤY MỘT, LÀ THẤY TẤT CẢ

Trong cái thấy như thế, thời gian biến mất.

Bởi vì, tiến trình "sanh, trụ, di, diệt" (sinh khởi, an trụ, biến chuyển, tịch diệt) tức khắc chỉ còn là "sanh/diệt" – nghĩa là, trong cái sanh đã tức khắc là cái diệt.

Thấy như thế, lập tức khi thấy Khổ Đế hiện ra, là tức thì nhận ra Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Và tương tự với bất kỳ đế nào. Tứ Thánh Đế đồng thời hiển lộ trong cái nhìn Như Thị. Cái nhìn này cũng là pháp tu của Thiên Tông. Đây là pháp khó tin, khó hiểu, khó vào.

Trong Kinh SN 56.30 -- Gavampati Sutta, Đức Phật dạy rằng thấy một diệu đế, là thấy tức khắc bốn diệu đế.

Bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết rằng Tôn giả Govampati lập lại lời Đức Phật dạy:

"Này các Tỷ-kheo, ai thấy Khổ, người ấy cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ tập, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ diệt, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt. Ai thấy Con Đường đưa đến Khổ diệt, người ấy cũng thấy Khổ, cũng thấy Khổ tập, cũng thấy Khổ diệt."

Bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi:

"Bhikkhus, one who sees suffering also sees the origin of suffering, also sees the cessation of suffering, also sees the way leading to the cessation of suffering. One who sees the origin of suffering also sees suffering, also sees the cessation of suffering, also sees the way leading to the cessation of suffering. One who sees the cessation of suffering also sees suffering, also sees the origin of suffering, also sees the way leading to the cessation of suffering. One who sees the way leading to the cessation of suffering also sees suffering, also sees the origin of suffering, also sees the cessation of suffering." (8)

Như thế nghĩa là gì? Làm sao thấy một Diệu đế, là tức khắc thành tựu cả Tứ Diệu Đế.

Câu trả lời rằng, như thế, Đức Phật tuyên thuyết rằng vạn pháp chỉ là thức. Hay, muôn pháp chỉ là tâm. Và do vậy, tiến trình thấy một mà thành tựu cả bốn, nói theo Thiền Tông, xảy ra ngay trong một niệm. Ngoài một niệm ra, không thể ai thấy một sự thật vi diệu mà nhận ra cả bốn sự thật vi diệu như thế. Nghĩa là, chỉ trong thế giới Duy Thức mới hiển lộ như thế.

VẠN PHÁP LÀ THỨC

Phương pháp lý luận trong nhiều kinh, Đức Phật đã dạy rằng, thế giới không là thân tâm này mà hiện hữu, và đi tận cùng thế giới cũng không ra khỏi khối sắc-thọ-tướng-hành-thức này. Trong Kinh SN 12.44 - Loka Sutta, Đức Phật dạy rằng thế giới tập khởi và tịch diệt cũng là từ mắt, tai, mũi, thân và ý - tức là từ 6 căn, hiển lộ 6 trần, sinh 6 thức. Duyên khởi như thế, thế giới đã tập khởi và đoạn diệt

Bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết, trích:

"Do duyên con mắt và các sắc, nhãn thức khởi lên. Do ba cái tụ họp, nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do duyên ái nên có thủ. Do duyên thủ nên có hữu. Do duyên hữu nên có sanh. Do duyên sanh, nên có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Đây là thế giới tập khởi..." (9)

Tương tự với tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Có nghĩa là, thế giới chỉ là thức. Nếu không nhìn như thế, sẽ không giải thích được Khổ đế, và sẽ không nhận ra Đạo đế. Như thế, các luận sư đời sau trong phái Duy Thức của Bắc Tông chỉ là khai triển thêm.

Hỏi thêm: Cái gì làm nên thân, tâm và thế giới? Câu trả lời đơn giản là nghiệp. Để giải thoát ra khỏi nghiệp sẽ là trí tuệ. Và trí tuệ giải thoát đó sẽ không phải là pháp sanh diệt, vì nếu là pháp hữu vi, tất nhiên sẽ biến mất, không gọi là giải thoát. Do vậy, giải thoát phải là từ pháp vô vi, pháp là sanh diệt. Và đó phải là một thức xa lìa đất, nước, gió, lửa...

Đức Phật giải thích trong Kinh MN 49 - Kinh Phạm Thiên Câu Thịnh về một thức xa lìa tất cả kinh nghiệm.

Bản dịch của HT Thích Minh Châu, khi Đức Phật nói với Phạm Thiên rằng nếu không nhận ra thức này thì mọi chuyện trở thành vô ích, trích:

"—Này Tôn giả, đối với tất cả, nếu Tôn giả không lãnh thọ nhất thiết tánh, thì đối với Tôn giả, trở thành trống không, trống rỗng, Thức là phi sở kiến, không biên tế, chói sáng tất cả, nếu không thể lãnh thọ địa đại ngang qua địa tánh, không thể lãnh thọ thủy đại ngang qua thủy tánh, không thể lãnh thọ hỏa đại ngang qua hỏa tánh, không thể lãnh thọ phong đại ngang qua phong tánh, không thể lãnh thọ chúng sanh ngang qua chúng sanh tánh, không thể lãnh thọ chư Thiên ngang qua chư

Thiên tánh..." (ngưng trích)

Bản dịch của Bhikkhu Thanissaro, trích:

"If, good sir, you have directly known the extent of what has not been experienced through the allness of the all, may it not turn out to be actually vain and void for you."

"Consciousness without surface, endless, radiant all around, has not been experienced through the earthness of earth ... the liquidity of liquid ... the fieriness of fire ... the windiness of wind ... the allness of the all." (ngưng trích)

DỊCH:

[Đức Phật dạy]: Tôn giả, nếu ông không biết trực tiếp những gì không được kinh nghiệm xuyên qua cái tất cả của tất cả, hy vọng [hiểu biết về thức này] sẽ không vô ích cho người.

"Thức không hiện tướng, [thức] vô tận, [thức] chiếu sáng khắp cõi, [thức] không được kinh nghiệm xuyên qua tánh đất của đất... tánh chảy của nước... tánh lung linh của lửa... tánh gió của gió... cái tất cả của tất cả."

Tương tự, bản Anh dịch của Sujato:

"Well, good sir, if you have directly known that which is not within the scope of experience based on all, may your words not turn out to be void and hollow!

Consciousness that is invisible, infinite, radiant all round—that's what is not within the scope of experience based on earth, water, fire, air, creatures, gods, the Creator, Brahmā, the gods of streaming radiance, the gods replete with glory, the gods of abundant fruit, the Overlord, and the all." (10)

Làm cách nào nương vào thức để xa lìa tham sân si, để danh-sắc tịch diệt?

Trong Kinh DN 11 -- Kevaṭṭa Sutta, bản dịch của HT Thích Minh Châu các câu áp chót ghi lời Đức Phật dạy về giải thoát, khi danh-sắc tịch diệt, trích:

"Này Tỳ-kheo, câu hỏi phải nói như sau: "Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng? Chỗ nào cả danh và



sắc tiêu diệt hoàn toàn?" và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ. Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây mọi thứ đều diệt tận." (11)

Như thế, trong các mắc xích Duyên khởi, cắt đứt mắc xích nào cũng đều giải thoát.

Ly ái dục cũng giải thoát. Xa lìa thủ (vô sở trụ) cũng giải thoát. Xa lìa hành (không khởi tâm làm một pháp nào hết) cũng giải thoát.

Trong Kinh SN 12.38 - Cetana Sutta, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu dịch:

"*Này các Tỷ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có tầm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng, nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai, nên sanh, già chết, sầu, bi, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.*" (12)

Như thế, một thức xa lìa đất nước gió lửa như thế, một thức chiếu sáng và rỗng rang bao trùm khắp như thế... quý luận sư Bắc Tông còn gọi là Phật Tánh, vì y hết bông sen, trong ao đầy bùn vẫn không hề dính bùn.

Trong Kinh SN 12.64 - Atthiraga Sutta, có thể tóm tắt trong một câu là:

"Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không có danh sắc sanh..."

Trong kinh, Đức Phật giải thích chi tiết, rằng chúng sinh có 4 loại thức ăn, hễ khi thọ dụng 4 loại thức ăn mà khởi tâm tham là thức sẽ an trú và tăng trưởng, và thế là danh sắc sanh, tức là luân hồi sinh tử. Phân biệt 4 loại thức ăn này là:

-- đoàn thực, bản dịch Bodhi là nutriment edible food. Thí dụ, cơm, bánh mì, rau quả...

-- xúc thực, là nutriment contact. Thí dụ, chạm xúc, mắt thấy cảnh đẹp, tai nghe nhạc hay, mũi cảm thớm mùi thơm...

-- tư niệm thực (tâm hành), nutriment mental volition. Thí dụ, ước muốn chiến đấu hay chinh phục, ước muốn sáng tạo hay phát minh, ước muốn xây dựng hay hủy diệt...

-- thức thực, nutriment consciousness. Đức Phật so sánh chúng sanh như một tù nhân, bị mũi giáo nhọn là thức thực đâm cho bị thương; mỗi ngày tù nhân này ba lần bị đâm, mỗi lần 300 mũi giáo của thức thực.

Đức Phật dạy trong Kinh SN 12.64 rằng:

"...[Đối với 4 loại thức ăn đó] không có tham, không có hỷ, không có ái, **thời không có thức an trú, tăng trưởng. Chỗ nào không có thức an trú, tăng trưởng, chỗ ấy không**

có danh sắc sanh. Chỗ nào không có danh sắc sanh, chỗ ấy không có các hành tăng trưởng. Chỗ nào không có các hành tăng trưởng, chỗ ấy không có hữu tái sanh trong tương lai. Chỗ nào không có hữu tái sanh trong tương lai, chỗ ấy không có sanh, già chết trong tương lai. Ta nói rằng chỗ ấy không có sầu, không có khổ, không có não." (13)

Làm sao để thức không an trú? Kinh này nói rằng thức y hết như tia nắng chiếu vào căn nhà, mà nhà này không có bức tường nào dù ở hướng đông, tây, nam, bắc, và thức này chiếu vào chỗ không có đất, không có nước... thì thức này không an trú vào đâu cả. Thế là, giải thoát.

Bởi vì, bản tâm là chói sáng, và bụi là từ ngoài vào.

Kinh AN 1.51-60, bản Việt dịch của HT Thích Minh Châu viết:

"*Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào... Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói. Và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào...*" (14)

Tới đây, câu hỏi là, làm sao thấy các pháp đều từ tâm mà ra?

Trước tiên, nên thấy Đức Phật dạy rằng thế giới cõi này chỉ là 12 xứ, gồm 6 nội xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và 6 ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Khi tính tới tương tác, thế giới này chỉ là 18 giới - bao gồm 12 xứ vừa nói, cộng thêm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Như thế, khi vũ trụ tương tác để sinh khởi và tịch diệt, theo giải thích này, chỉ là thế giới vũ trụ của thức.

Như thế, pháp ấn vô thường nằm trong luật Duyên khởi, vì cái này có cho nên cái kia có.

Như thế, tất cả thế giới chỉ là hợp thể, và không có gì đứng riêng để gọi là tự ngã, thí dụ như cỗ xe gồm bánh xe, mui xe, cang xe... ráp lại, chứ không có gì gọi là xe.

Ngay cả khi nghiền cả thế giới cho thành vi trần, các hạt vi trần cũng theo luật duyên khởi vì không thể đứng riêng mà thành, vì phải tựa vào hạt khác ở đồng tây nam bắc...

Ngay cả những gì tưởng là kiên cố, như ngọn núi, cũng thực sự là rỗng rang không tự thể, vì là các khối đá và các bụi cây hợp lại.

Ngọn núi cũng có thể được nhìn theo phương pháp Đức Phật dạy, rằng chớ xem núi là núi, mà hãy thấy rằng cái gọi là núi đó chỉ là cái được thấy, trong đó có màu xanh của rừng được thấy và nhiều màu nâu dị biệt của đá và đất... Nghĩa là, khi núi được nhìn như "cái được thấy," tức khắc thế giới với chúng tách là thế giới Duy Thức. Đó cũng là khi chư tổ nói rằng không ngờ tâm này bao trùm khắp núi non sông hồ... Và như thế, là Tứ Diệu Đế thành tựu chỉ trong một sát na, trong một khoảnh khắc.

THU KHUYA TỈNH MỊCH



Đọc xuôi:

*U nhàn, cảnh tịch, gọi nhàn thêm,
Lặng tiếng hươu nai, vắng bóng thềm.
Mùa núi lạnh, gió lay khóm trúc,
Mặt trăng mờ, mây phủ sương đêm.
Ru lời thật, vọng âm thanh dịu,
Tụng kệ chân, ngân điệu ngữ mềm.
Thù đoạn, tâm trong, ân nghĩa kết,
Thu sang sóng vỗ nhịp đêm êm.*

Đọc ngược:

*Êm đêm nhịp vỗ sóng sang thu,
Kết nghĩa, ân trong, tâm đoạn thù.
Mềm ngữ điệu, ngân chân kệ tụng,
Dịu thanh âm, vọng thật lời ru.
Đêm sương phủ, mây mờ, trăng mặt,
Trúc khóm lay, gió lạnh, núi mù.
Thêm bóng vắng, nai hươu tiếng lặng,
Thêm nhàn, gọi tịch, cảnh nhàn u...!*

thơ **CHỨC HIỀN** cảm đề

Đó là lý do, chư tổ Thiền Tông nói, vạn pháp chỉ là nhất tâm, trong khi thế giới là duy thức sở biến. Giữ mãi cái nhìn này, sẽ nhận ra lý Duyên Khởi, sẽ nhận ra pháp ấn vô ngã và pháp ấn vô thường... Tới đây, là trở lại lời dạy "**suy tư, nhận ra, vững trú trong cái thấy vô thường**" trong 11 pháp môn đã nói ở trên. Và trong 11 pháp môn đó, Tâm Từ là một cửa giải thoát.

Khi đã thấy tất cả các pháp chỉ là duy thức sở biến, cũng là thấy ngay trước mắt và bên tai rằng thế gianhằng như mộng, y hệt như hoa đốm trên không.

Đó là những dòng khởi đầu một bài kệ trong Kinh Lăng Già, một kinh về duy thức:

*Thể gian ly sanh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm...*

Cõi này như thể vốn xa lìa sanh diệt, y hệt như hoa đốm trên không, trí không đắc cả hữu lẫn vô, mà hưng khởi đại bi tâm.

Và lúc đó là Từ Bi vô lượng khởi dụng từ Trí Tuệ xa lìa sanh diệt.

GHI CHÚ:

(7) Kinh MN 72, bản Việt dịch của HT Minh Châu: <https://suttacentral.net/mn72/vi/minhchau>

Bản Anh dịch của Thanissaro: <https://suttacentral.net/mn72/en/thanissaro>

(8) Kinh SN 56.30, bản của HT Thích Minh Châu: <https://suttacentral.net/sn56.30/vi/minhchau>

Bản dịch của Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/sn56.30/en/bodhi>

(9) Kinh SN 12.44, bản Việt dịch: <https://suttacentral.net/sn12.44/vi/minhchau>

(10) Kinh MN 49. Bản của HT Thích Minh Châu: <https://suttacentral.net/mn49/vi/minhchau>

Bản của Thanissaro: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/mn/mn.049.than.html>

Bản của Sujato: <https://suttacentral.net/mn49/en/sujato>

(11) Kinh DN 11: <https://suttacentral.net/dn11/vi/minhchau>

(12) Kinh SN 12.38: <https://suttacentral.net/sn12.38/vi/minhchau>

(13) Kinh SN 12.64: <https://suttacentral.net/sn12.64/vi/minhchau>

(14) Kinh AN 1.51-60. Bản Việt dịch của HT Minh Châu: <https://suttacentral.net/an1.51-60/vi/minhchau>

Bản Anh dịch của Sujato: "This mind, mendicants, is radiant. But it's corrupted by passing corruptions... This mind, mendicants, is radiant. And it is freed from passing corruptions." - <https://suttacentral.net/an1.41-50/en/sujato>

Bản Anh dịch của Thanissaro: "Luminous, monks, is the mind. And it is defiled by incoming defilements... Luminous, monks, is the mind. And it is freed from incoming defilements." - <https://suttacentral.net/an1.41-50/en/thanissaro>

Hạt sen khô (*)

THANH THỊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Từ rất sớm, khi mặt trời còn đang ngái ngủ sau rặng tre, lão nhà báo đã chèo chiếc thuyền con ra giữa hồ, hái những đóa sen chớm hé, khế khàng đặt lên lòng thuyền; được đâu chừng mười bông, lão lại ngược mạn thuyền, chèo vào bờ. Neο đậu thuyền xong, lão nhẹ nhàng ôm bó hoa vừa hái đặt vào chiếc bình gốm trên bàn ở căn gác lửng, nơi người phụ nữ còn đang mê man sau một đêm vật vã với cơn đau nhức khắp thân. Nhưng dường như hương sen dịu dịu lan tỏa khắp căn gác nhỏ lại đánh thức người phụ nữ trung niên dậy. Cô kéo nhẹ chiếc áo khoác mỏng mà lão nhà báo để sẵn nơi thành ghế cạnh giường, mặc vào và đi đến bên cửa sổ, từ góc đứng này có thể nhìn thấy những giọt sáng li ti ánh lên từ những giọt sương đọng trên lá ở hồ sen. Bấy giờ, người đàn ông vừa kịp đun nước, pha một ấm trà con, ra ngồi trên chiếc cầu nhỏ bắc ra một phần góc hồ, soạn sẵn hai chiếc tọa cụ, một cho mình và một cho người phụ nữ của đời mình. Người phụ nữ bước từng bước cẩn thận xuống mấy bậc thang rồi đi đến nơi người đàn ông đang ngồi. Họ không nói với nhau một lời, chỉ nhìn nhau cười rồi cùng nhau đón bình minh trong thinh lặng của việc theo dõi hơi thở.

Cách đây chừng 2 năm, trong một lần đi khám sức khỏe định kỳ, bác sĩ chẩn đoán người phụ nữ bị ung thư cổ tử cung. Sau những ngày bàng hoàng vì kết quả, người đàn ông đã đồng hành cùng với vợ mình chiến đấu lại căn bệnh K. Nhưng cuộc đời, vốn dĩ khô khốc, cạn kiệt như chính chữ "cuộc" trong một chữ "đời" ấy; người phụ nữ lại phát hiện K còn di căn ở ngực mình. Cô khóc cạn nước mắt. Vợ chồng họ từng trải qua những tháng ngày gian khổ nhất, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu đủ thứ; đến khi kinh tế chừng khá giả đôi chút, có thể hưởng thụ những sở thích bình thường nhất thì lại phát hiện mình đã mắc bệnh ung thư. Bằng tất cả mối quan hệ mà vợ chồng họ có được, những bác sĩ giỏi nhất họ đã tìm đến, nhưng, thuốc hay chẳng cứu được người tận số, vậy là cô đành chấp nhận và chờ cái chết đến.

Những tháng ngày đợi chờ thần chết gọi quá là không dễ chút nào. Dầu rằng, ai rồi cũng đến lúc phải chết, nhưng một tờ giấy chỉ định chúng tử một ngày không xa, mông lung,

bất định dễ khiến nỗi lo âu, sợ hãi bào mòn sức khỏe và tâm trí. Cho đến một ngày trong sợ hãi tột độ, cô đọc được trong một bài viết của ai đó nói rằng: Mỗi người chúng ta vốn dĩ vẫn chết trong mỗi thời khắc, cứ mỗi giây/phút/giờ/ngày trôi qua, chúng ta đang tiến dần về phía cái chết, chỉ là chúng ta quên mất không nhận ra điều đó; vậy nếu chỉ còn một ngày để sống bạn và tôi sẽ làm gì? Một sự diễn giải về cái chết và câu hỏi gợi mở đã vô tình giải thoát cô ra khỏi sợi dây trói buộc của lo lắng.

Cô bắt đầu dọn về ở trong ngôi nhà ngoại ô thành phố. Chồng cô – một nhà báo có thâm niên và địa vị cũng xin từ chức, kề cận bên cô những tháng ngày hiếm hơi còn lại. Họ cùng nhau bắt đầu quan tâm đến việc nuôi dưỡng hơi thở, quán chiếu những nỗi đau trong thân, cảm nhận sâu sắc nhất sự đến/đi, ra/vào của hơi thở trên cơ thể mình, cái mà bấy lâu nay, hơn năm mươi năm qua họ đã lãng quên.

Bờ hồ buổi sáng khi những giọt sương còn đọng trên lá sen; những con chim trú ngụ nơi rặng tre, cây dừa; loài cá lóc trong ao; con gà cục tác; cây chanh cô tự ươm hạt này mầm này đã quá đầu gối,... tất cả sinh vật hiện hữu đều từng ngày chứng kiến hành trình quay về chú tâm hơi thở của cô. Chứng kiến cả cảnh người chồng dành cho cô sự quan tâm, chăm sóc dù





dàng nhất khi cơn đau ập đến khiến đầu óc cô mù mịt. Người đàn ông lặng lẽ đi cùng người phụ nữ những ngày cuối đời. Giờ đây, lão nhà báo chẳng còn dùng lý lẽ cứng cỏi, ngôn từ sắc bén để tả lại những chuyện đời; ông chỉ chuyên chú mỗi việc, dùng hành động viết lại những gì thân thương, gần gũi, ân cần nhất vào tâm thức người phụ nữ đã đồng hành cùng mình hơn nửa đời người.

Mùa hạ đi qua, trời chớm thu se lạnh. Những cơn đau thường xuyên hơn khiến người phụ nữ gầy rộc, xanh xao. Hồ sen độ này bắt đầu rụi dần. Không còn hoa sen sớm cắm vào bình, thay vào đó là vài lá sen thật đẹp được đặt trên bàn ắp chứa gương sen. Trên mặt hồ lác đác lá sen đốm vàng, khô nhanh. Những đóa sen nở bung không được hái, sau khi cánh hồng rụng xuống mặt nước, trở ra gương màu vàng tươi, rồi dần chuyển sang màu xanh nhạt, xanh đậm. Trên mỗi gương sen xanh thắm, lốm đốm những đầu hạt sen như hạt đậu. Gương sen dần to đến cực điểm, trên đầu gương bắt đầu xám lại đồng đều mở ra khoảng cách với hạt sen hơi nâu, sự nặng trĩu bởi hạt khiến đầu gương sen cúi xuống. Gương không được hái, khô dần, chẻ những đường nứt từ vòng tròn bao quanh hạt, hạt sen rơi ra, rớt xuống mặt hồ, lặn sâu vào lòng bùn, chờ ngày khai phát một cây sen mới**.

Cây cau sát nhà rụng xuống đôi bẹ, để lại ngọn cau chút trơ trọi trong gió hiu hiu của trời thu. Hôm ấy, đàn quạ ngang nhà, cất tiếng kêu thê lương thảm thiết, tiếng trống dồn dập báo tin người vừa từ bỏ cuộc trần thế mộng. Ngày đưa tang, có rất nhiều người đến tiễn đoạn đường, vì lẽ, người phụ nữ mắc bệnh K ấy cũng từng là nhà báo văn nghệ, mối quan hệ xã hội của cả hai vợ chồng khá nhiều. Người đàn ông ôm di ảnh vợ, thất thểu bước đi, không ai biết ông đang nghĩ gì, sẽ phải mất bao lâu để vượt qua nỗi đau quá lớn này. Dầu cho bên cạnh ông vẫn còn hai người con và đứa cháu nội mới tròn một tuổi là niềm an ủi lớn cho ông; nhưng làm sao sánh được với người phụ nữ đã đi cùng ông qua những thăng trầm gần nửa thế kỷ, dù vinh hoa hay tủi nhục vẫn chưa từng rời bỏ;

và, luôn bao dung, tha thứ cho ông những lỗi lầm lớn bé, đôi khi vụng dại hơn cả đứa trẻ thơ.

Trong trang nhật ký những ngày cuối đời, người phụ nữ viết rằng: Những ngày này, mình nhận ra hơn năm mươi năm qua, mình đã sống không phí hoài. Mình đã trả hiếu cho bố mẹ hai bên, đã lo cho hai con ăn học tới nơi tới chốn, chứng kiến chúng nó đến với người chúng nó yêu và tin tưởng trao gửi thân phận cả đời. Nhưng điều làm mình tiếc nuối nhất có lẽ là mình đã quên đi sự mầu nhiệm của hơi thở. Chỉ đến khi quá đau đớn và tìm một giải pháp trị liệu cho thuyên giảm cơn đau, mình mới tìm về hơi thở và tập quán chiếu một cách tường tận. Nhưng có lẽ, sự tìm kiếm trong vô vọng của cơn đau thể xác, hơi thở như phao nổi cứu mình khi rơi xuống biển, cho mình đi qua những ngày đau đớn nhất một cách bình thản nhất. Để nói một điều gì đó về bản thân, ngâm lại, tự nhận thấy giờ đây, mình như một hạt sen trong gương sen ngã màu nâu bùn, sắp rơi xuống mặt nước; hạt sen đã được nuôi dưỡng bằng hơi thở của trời đất, và sẽ có một ngày không xa, hạt sen sẽ trở lại với một hình hài khác, để tiếp tục làm tươi đẹp cho người, cho đời.

Lời người viết: Bài viết này khởi điểm từ câu chuyện có thật của hai vợ chồng nhà báo ngụ tại một tỉnh miền Trung, Việt Nam. Thiết nghĩ, tựa hồ như một hạt sen khô, đã rũ mình, nứt ra từ gương sen, rơi xuống lòng hồ, tiếp tục chờ ngày tái hiện bằng cách này nọ, vươn lên khỏi mặt hồ, trở hoa sen thơm, làm tươi mát cho đời; mỗi người hãy nuôi dưỡng đời sống bằng ý thức quay về nương tựa hơi thở của chính mình, như hành trình hạt sen tiếp nhận hơi thở của đất trời, diễn tiến theo tuần tự, chấp nhận diễn tiến sinh trong diệt, diệt trong sinh, để nếu còn trong vòng luân chuyển, thì có thể hữu ích cho tự thân và tha nhân.

07/7/2019
Thanh Thị

* Tựa đề bài viết được đặt từ ý tưởng cuốn sách "Mây hạt sen khô" của Thầy H.T., viết về chút kỷ niệm trong khoảng thời gian làm thị giả 'Hòa thượng Vạn Đức,' mà có lẽ sẽ còn rất lâu nữa cuốn sách mới có thể đến tay người đọc vì lý do kinh phí in ấn.

** Diễn ý từ đoạn trao đổi với một "ông thầy núi" có cảm nghiệm thăng trầm trong đời sống, lần sự thấu triệt vô thường sinh-diệt qua hình tượng về 'sen'.



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

TÌNH VÀ TƯỜNG

Vốn là hai bạn thân, sau khi chết kẻ làm chim người làm cá. Một hôm nhân duyên hội ngộ, cá thương bạn:

- Trên không xác bặc xang bang, lại giống tổ, bầy dò... nguy hiểm quá. Bạn xuống biển cùng tôi!

Chim lao xuống, chỉ phút chốc là ngoi lên:

- Dưới nước ngập quá, tôi không sống được! Dưới ấy lưới bủa bốn bề, câu móc tùm lum... Bạn lên không trung với tớ đi!

Cá phóng lên không, nhưng chỉ giây lát là xuống nước lại.

Không trung có tiếng thì thầm:

- Tình nhiều đọa làm cá, tưởng nhiều bay lên làm chim. Người nào nghiệp nấy, phúc ai nấy hưởng, họa ai nấy chịu, có thương ra rít cũng đành thôi!

NGHIỆP AI NẤY CHỊU

Nhìn đứa con oằn oại đau rón rên la, bệnh ung thư kỳ cuối, bà mẹ như đứt ruột từng khúc, bán cả gia tài chạy chữa cho con, thậm chí khẩn nguyện:

- Bồ Tát gia hộ cho con của con hết bệnh, còn nguyện chết thay!

Bệnh vẫn không hết và đứa con chết. Bà mẹ đau đớn quần trí:

- Bồ Tát không linh hiển, chẳng chứng cho lòng thành của ta.

Họ hàng thương tình khuyên giải:

- Vì nhơn duyên, vì ơn oán mà sanh trong một nhà để hưởng phước và chịu họa với nhau, nhưng nghiệp ai nấy chịu. Giả dụ có người đi đường bị xe đụng, người ấy tan xương nát thịt. Người ngồi ở nhà có thương mấy cũng không sao thay thế cho được!

BÀ TƯ

Hãng có mấy trăm người, Việt, Miên, Mễ, da màu... đôi lúc cũng có va chạm vì sự khác biệt về văn hoá, lối sống... Tụi Mỹ trắng phàn nàn:

- Chúng mày ồn ào to tiếng, thức ăn nặng mùi quá!

Anh Việt cự tụi Mễ:

- Tụi bay ý cơ bắp, làm nhiều để chú ý!

Mấy anh Mễ cãi:

- Bọn tao siêng năng, làm đâu phải để lấy lòng chủ!

Bà Tư tức khí:

- Đừng có kỳ thị nha! Văn hoá tụi tao là vậy, cà chớn tao kiện! Còn bọn Mễ tụi bay đừng nghĩ mạnh mà lấn sân. Có ngon đưa xem, ai thắng sẽ biết!

TỶ PHÚ TÂY, TỶ PHÚ TA

Truyện thông loan tin: Tỷ phú A của xứ Tây làm di chúc hiến phần lớn tài sản cho từ thiện, chỉ chia cho con một tỷ lệ rất nhỏ bé. Nhiều lời bàn tán vào ra, phóng viên phỏng vấn thì ông ấy bảo:

- Chỉ cho đủ để chúng làm những việc cần mà sống, chứ không phải đủ để sống mà không cần phải làm gì!

Lúc ấy bên ta cũng có tỷ phú di chúc lại toàn bộ tài sản cho con, y còn tuyên bố:

- Tài sản ta di chúc cho con đủ để nó ăn ba đời mà không cần phải làm gì!

CHỐNG NGẬP BẰNG LU

Thành đô vốn là nơi hội tụ của bốn phương, người tứ xứ kéo về làm ăn nên phát triển lắm. Ngày trước thành đô vốn được phong là "Minh Châu Đông Phương," nhưng kể từ khi chủ mới về thì nó bại hoại nặng nề. Phố phường bát nháo, giang hồ lộng hành, quan lại nhũng nhiễu... Đặc biệt cứ mỗi lần mưa là nước ngập trắng phố phường. Quan và triều đình tìm cách chống nhưng không xong, bạc chi cả đống nhưng ngập vẫn hoàn ngập. Ngày kia có một bà lớn đăng đàn:

- Thành đô muốn hết ngập thì mỗi nhà sắm một cái lu.

Thiên hạ bỗ ngựa, dân mạng chửi vuốt mặt không kịp, đầu đường xó chợ ai ai cũng gọi bà "tiển sĩ lu." Người ta còn viết lên tường rằng:

*Lu to chống ngập buồn
thay quan thiếu trí thừa tiền*

*Lo tu tích đức vẫn mong
dân thức tỉnh thêm tinh*

NGÔN NGỮ THỜI ĐẠI

Thưở ấy ngôn ngữ trong sáng, đơn giản và rõ nghĩa lắm. Người có học hay giới bình dân ai ai cũng nói và viết rất rành rõi, dễ hiểu. Người đi học có nhà trường, người bệnh có nhà thương, người tu hành có nhà chùa, kẻ phạm tội có nhà tù,

thậm chí người chết có nhà đờn...
Nhưng từ khi thay ngôi đổi chủ,
mọi thứ hư hỏng thì ngôn ngữ cũng
bị va lay. Giờ nhiều câu chữ rất ngô
nghê, vô nghĩa, thế mà ai ai cũng
cứ nói và viết. Họ còn bảo là: Ngôn
ngữ thời đại. Có ông tướng chia
ghế, phong chức tràn lan cho phe
cánh và đàn em của mình. Truyền
thông cất vắn thì y bảo:

- Phải thẳng chức chứ không
thì anh em tâm tư lắm!

Có người vặn:

- Tâm tư gì, Tâm tư thế nào?

Câu què tối nghĩa!

Đã thế còn: hoành tráng,
phương tiện, an yên, vãi, sư thầy...
chỉ cần một em chân dài hay một
ông quan nào đó nói là cả xã hội
lập lại như nhân bản vậy.

TỂ TƯỚNG XỨ CÀ RI NỊ

Đông Hồng giáo chủ đánh với
người em, người em bại trận phải
bỏ xứ chạy ra đảo mà nấu thân. Y
lập tức xua quân lên tuyết sơn,
cướp đất, cướp của, giết người,
triệt hạ chùa viện, hủy hoại văn
hoá của người ta. Phật sống xứ ấy
cùng một số dân chúng, tăng sĩ
phải vượt tuyết sơn, sang xứ cà ri
nị mà tỵ nạn. Hồng giáo chủ vẫn
chưa buông tha, y ngông cuồng
ngạo mạn viết thư:

- Không được chứa chấp quân
phản loạn!

Y không ngờ rằng, tể tướng xứ
cà ri nị vốn hào sảng, khảng khái.
Dân xứ ấy lại có tinh thần nhân vị
và dân chủ cao. Tể tướng phúc đáp
bằng một câu nói mà sau này trở
thành danh ngôn của thế giới:

- Sống và để kẻ khác sống!

STEVEN N
Georgia, 8/2019

THÌ THÂM VỚI CÔI VÔ THƯỜNG

*Thì thâm với lá vàng rơi
Lìa cành rồi biết cuộc đời về đâu
Trời bày chi chuyện bể dâu
Lá xanh mấy chốc vàng mau thu tàn*

*Thì thâm với mảnh trăng vàng
Một vàng sáng bạc hồng hoang bao đời
Tròn rồi lại khuyết chơi vơi
Hẹn thề in đậm trong đời chờ ai*

*Thì thâm với giọt sương mai
Long anh dáng ngọc đời dài là bao
Đành thôi nào trách trời cao
Nhẹ đưa cơn gió đã vào xa xưa*

*Thì thâm với những hạt mưa
Hạt rơi xuống đất hạt bừa trên cây
Trôi theo sông suối nào đây
Tiếc chẳng một thuở là mây bông bành*

*Thì thâm với côi mông mênh
Những vì sao lạc nương mình nơi nao
Nào đêm vắng vặc trên cao
Giờ thì cát bụi trở vào u minh*

*Thì thâm với trái tim mình
Chữ yêu mang nặng chữ tình vắn vưng
Tình dân tình nước đoạn trường
Còn đâu dư lệ để thương thân mình*

*Chiến tranh bầm nát tuổi xanh
Tha hương hồn lạc đã đành muôn phương
Giật mình chợt thấy vô thường
Đời là ảo mộng miên trường côi không*

thơ HUỲNH SƠN



NHÌN DA ĐOÁN BỆNH

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

1- Da đau nhói nhói kèm theo ban đỏ ở một bên mặt hoặc thân mình.

Đây là dấu hiệu của bệnh Zona thần kinh Shingles mà người mình thường gọi là bệnh "giời leo" do loại virus của bệnh Thủy đậu mà ta mắc phải trước đây.

Virus nằm tiềm ẩn ở rễ dây thần kinh cảm giác quanh cột sống chờ khi nào cơ thể suy yếu vì stress, nhiễm trùng, tuổi già là tái xuất giang hồ, gây ra bệnh shingles với các mụn đầy mủ, rất đau trên da kéo dài có khi cả năm.

Trong trường hợp này, cần đi bác sĩ ngay để điều trị tới nơi tới chốn.

Người trên 60 tuổi cũng nên hỏi bác sĩ về việc chích ngừa shingles.

2- Những vết màu nâu ở mặt trước cẳng chân

Đó là dấu hiệu ngoài da của người mắc bệnh tiểu đường, trong đó các vi huyết quản nơi chân dễ bị tổn thương do va chạm nhẹ, máu thoát ra ngoài, tạo thành các vết bầm màu nâu gỗ ghè như có vậy.

Ngoài ra, bệnh tiểu đường cũng gây tổn thương cho các dây thần kinh ngoại vi ở bàn chân. Bệnh nhân mất các cảm giác đau, nóng, lạnh cho nên bị thương bị phỏng mà không biết, ngón chân bị nhiễm trùng loét lở, đôi khi bị hủy hoại teo chết (hoại thư), phải cắt bỏ.

3- Ung thư

Ung thư nội tạng có thể có các dấu hiệu trên da như vết đậm nhiều chất màu, vàng da và mắt, nổi ban đỏ trên da, một vùng da rất ngứa mọc lông... Các dấu hiệu này có thể xuất hiện trước, đồng thời hoặc sau khi đã tìm ra bệnh ung thư. Ở người mà ung thư đã thuyên giảm, các thay đổi trên da báo hiệu sự tái phát của bệnh.

4- Vàng da lòng tay bàn chân

Đây là dấu hiệu của tiêu thụ quá nhiều cà rốt, khoai lang ngọt hoặc dấu hiệu của bệnh nhược tuyến giáp vì quá nhiều chất beta-caroten trong máu.

Trong bệnh nhược tuyến giáp, tuyến

không chuyển hóa được beta-caroten và chất này tích tụ trên da. Người bệnh thấy mệt mỏi, bái hoải, da khô lạnh và cần được điều trị.

Da vàng vì ăn nhiều cà rốt sẽ hết khi ngưng tiêu thụ rau củ này.

5- Vàng da toàn thân và mắt là dấu hiệu của suy gan kinh niên.

6- Màng vàng nhạt chung quanh mi mắt, gần mũi ở trẻ em và thiếu niên thường thường báo hiệu cho biết là lượng cholesterol trong máu lên cao.

7- Da toàn thân đậm màu

Trong bệnh suy nang thượng thận Addison, người bệnh có nước da sậm màu nhất là ở các vùng phơi ra ánh sáng, nhưng cũng có ở lòng bàn tay, bàn chân, núm vú, nách, vùng cơ quan sinh dục. Bệnh do nang thượng thận tiết ra rất ít kích thích tố steroids nhưng có thể điều trị bằng cách bổ sung kích thích tố thiếu.

8- Các chấm màu đỏ tía trên da

Trong bệnh ban xuất huyết purpura, trên da của bệnh nhân có những vết ban mới đầu đỏ rồi chuyển sang đỏ tía trước khi mờ đi hoặc thành nâu nhạt. Đó là do các mạch máu dưới da bị suy yếu, dễ bị tổn thương, máu chảy ra ngoài và tạo ra các ban da như vậy.

Các vùng da hay bị đổi màu là cánh tay, cẳng chân, mu bàn tay.

Bệnh thường thấy ở người tuổi cao, ngoài 65, da mỏng với thời gian dễ bị ánh nắng mặt trời gây tổn thương. Dùng các loại thuốc như aspirin, thuốc loãng máu, vitamin E, rượu, steroid, Gingo Biloba cũng làm bệnh trầm trọng hơn.

Với các dấu hiệu này, cần đi bác sĩ để khám chẩn bệnh rồi điều trị.

9- Ra nắng, quay về nhà thấy nổi ban đỏ cùng mình

Đây là trường hợp xảy ra cho một số người, mỗi khi đi ra ngoài nắng về thì thấy trên da nổi lên những nốt tròn đỏ kích thước thay đổi từ các chấm nhỏ tới từng vùng lớn rộng tới vài phân. Ban đỏ rất ngứa và thường thấy ở vùng phơi nắng như cánh tay, cổ đôi khi

ở mặt, kéo dài cả mấy giờ. Đó là hiện tượng nhạy cảm với tia nắng ở một số người đang dùng một số thuốc như thuốc lợi tiểu thiazide chữa cao huyết áp; thuốc chống dị ứng, thuốc kháng sinh tetracycline, chống trầm cảm, thuốc trị trứng cá tetrinoin... Hóa chất trong các dược phẩm này tạo ra các thay đổi trong cơ thể khiến cho con người trở nên nhạy cảm với tia nắng.

Nên nói với bác sĩ coi lại các dược phẩm đang dùng và đổi thuốc, nếu có thể được.

10- Da mặt nhợt nhạt, móng tay xanh

Nhiều người, đặc biệt là quý vị cao niên thường có lớp da mặt và da lòng bàn tay bì bì nhợt nhạt và lớp mô bào dưới móng tay nhờ nhờ xanh. Họ ở trong tình trạng thiếu máu thường là do thiếu khoáng chất sắt hoặc xuất huyết bao tử. Mỗi miệng, nước răng cũng mất màu hồng thường lệ. Ngoài ra họ cũng bị mau mệ, nhức đầu, chóng mặt, hụt hơi thở.

Nên hỏi ý kiến nhà dinh dưỡng để bổ sung chất sắt cũng như gặp bác sĩ để tìm ra nguyên nhân gây ra các dấu hiệu trên da này rồi điều trị.

11- Bắp chuối nổi gân xanh loảng ngoảng

Đó là những mạch máu ở bắp chuối đã mất tính đàn hồi, giãn mở rộng ra và chứa đầy máu gọi là bệnh căng giãn tĩnh mạch varicose veins.

Bệnh thường thấy ở nữ nhiều hơn nam, cao tuổi nhiều hơn thanh niên. Phụ nữ có thai, người mập phì, người phải làm công việc cần đứng lâu thường hay bị bệnh này.

Tĩnh mạch dẫn máu từ dưới chân về tim. Sức căng của bắp thịt ép vào mạch máu, sức đàn hồi của tĩnh mạch cùng những chiếc van một chiều trong tĩnh mạch giúp máu lưu thông ngược lên trên. Nếu vì lý do gì mà các thành phần hỗ trợ này suy yếu, máu tụ lại trong tĩnh mạch, giãn căng ra. Thế là ta bị varicose veins. Đi lại sẽ khó khăn và đau.

Cần đi bác sĩ để điều trị kéo biến chứng như máu cục, tắc nghẽn lưu thông máu chi dưới có thể xảy ra.

Trong khi chờ đợi, ra tiệm thuốc tây mua đôi vớ đàn hồi, ép tĩnh mạch để tránh ngưng tụ máu ở bắp chuối; tránh nâng nhắc vật nặng, tránh đứng lâu...

12- Da bị tróc

Từng mảng biểu bì bị tróc khỏi da thường xảy ra trong bệnh suy chức năng tuyến cận giáp (hypoparathyroidism), bệnh nấm biểu bì (ringworm), bệnh vẩy nến (psoriasis).

13- Bàn chân bàn tay lạnh giá

Nhiều người than phiền sao bàn tay bàn chân giá lạnh, mất cảm giác, da đổi màu khi thời tiết lạnh hoặc khi tâm thần căng thẳng, thì được bác sĩ giải thích rằng, đây có thể là hiện tượng Raynaud, xảy ra khi máu lưu thông tới các nơi này giảm vì mạch máu co lại hoặc bị tắc nghẽn.

Bệnh thường thấy nhiều hơn ở phụ nữ và người trung niên tuổi từ 15-30 sống nơi thời



tiết lạnh. Da đang màu hồng đột nhiên chuyển sang trắng bệch rồi xanh cộm thêm cảm giác tê tê kéo dài cả nửa giờ. Hiện tượng giá lạnh này cũng xảy ra ở mũi, môi, tai, núm vú.

Nguyên nhân chưa biết rõ, có thể là do lupus ban đỏ, vữa xơ động mạch, thấp khớp, xơ cứng bì (scleroderma).

Cần đi bác sĩ chuyên môn để được điều trị.

Giảm thiểu rủi ro khiến bệnh xảy ra như đừng hút thuốc lá, giảm cà phê, bớt căng thẳng tinh thần, năng vận động cơ thể, không đi chân đất, tránh thương tích cho bàn tay bàn chân; không mang tất quá chặt, tạm thời tháo nhẫn. Khi lên cơn, đặt bàn tay vào nách, xả nước ấm lên bàn chân bàn tay, massage thoa bóp cho máu lưu thông.

Trên đây là mới kể sơ qua mấy biểu hiện trên da của một số bệnh nội tạng. Cho nên, nếu chỉ dành dăm mười phút quan sát da là ta đã tìm ra một vài dấu hiệu bất thường. Nhưng xin chớ tìm cách bôi che tẩy xóa nơi mỹ viện mà nên cho bác sĩ của mình hay. Vì bất thường có thể báo động một bệnh nào đó trong cơ thể.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

Người Xưa Dạy Con: *Học Hạnh Khiêm Cung*

TÂM LƯƠNG ĐÀO MẠNH XUÂN

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Viên Liễu Phàm đã dạy con là Viên Thiên Khải làm sáu điều để tập tính khiêm cung. Trong sách *Làm Chủ Vận Mệnh*, Thầy Thích Minh Quang biên dịch có ghi:

"*Vận mệnh của Viên Thiên Khải con không biết rồi sẽ như thế nào. Song cho dù là vinh hoa, phú quý, con cũng phải giữ tâm như lúc thất chí, nghèo hèn. Cho dù gặp may mắn, tốt đẹp, con cũng phải giữ lòng như lúc trắc trở, khó khăn. Cho dù trước mắt có dư ăn, dư mặc, con cũng phải cần kiệm như lúc thiếu thốn, nghèo hèn. Cho dù được người ta yêu thích, kính trọng, con phải luôn khiêm tốn, cần trọng. Cho dù gia thế có danh vọng đến đâu, con cũng phải thấy mình thấp kém. Cho dù học vấn có cao thâm bao nhiêu, con phải thấy mình còn thô thiển.*

Sáu cách suy tưởng này, là từ phản diện để nhìn vấn đề. Nếu biết khiêm cung như vậy, đạo đức dần dần nâng cao, phước báo cũng tự nhiên tăng trưởng."

Sau khi đọc đoạn trên, chúng tôi thấy lời khuyên hay quá, thiết nghĩ nếu đem áp dụng vào cuộc sống hàng ngày sẽ rất tốt cho sự luyện TÂM. Do đó, dựa vào những lời dạy ấy, chúng tôi đã chuyển qua văn vần để học dễ thuộc, nhớ lâu. Bài thơ chỉ có sáu câu cuối là ý của người viết.



NGƯỜI XƯA DẠY CON: HỌC HẠNH KHIÊM CUNG

*Khiêm cung đạo đức nâng cao,
Phước báo tăng trưởng đôi dào lắm thay.
Vậy nên hành động hằng ngày,
Làm cho đúng, lời dạy bày của Cha.
Cho dù phú quý, vinh hoa
Giữ tâm như thể lúc ta nghèo hèn.
Dư ăn, dư mặc chớ quên,
Cần kiệm tựa lúc trở nên bần cùng.
Được người kính trọng, tôn sùng,
Khiêm tốn, cần trọng là cung cách làm.
Có chí học vấn cao thâm,
Thấy mình thô thiển, giữ tâm khiêm nhường.
Luôn gặp may mắn chớ cương (*),
Giữ lòng như lúc ta thường khó khăn.
Gia thế danh vọng nhớ rằng:
Tự xem hèn kém xóm làng quý ta.*

**Quan trọng nhất: phải thật thà,
Khiêm cung quá đáng sẽ là dãi bôi.
Hành đúng: phước, đức vun bồi,
Tâm lòng rộng mở, cuộc đời đổi thay.
Như sen mọc ở bùn lầy,
Vượt khỏi nước đục, chờ ngày tỏa hương.**

TÂM LƯƠNG ĐÀO MẠNH XUÂN

(*) Cương, nghĩa bóng: huênh hoang, khoe khoang.

BÁNH TRUNG THU ĐẬU XANH

Nguyên liệu:

- Đậu xanh không vỏ 250 gr
- Đường trắng 140 gr
- Nước cốt dừa 300 ml
- Muối $\frac{1}{4}$ muỗng cà phê



Thực hiện:

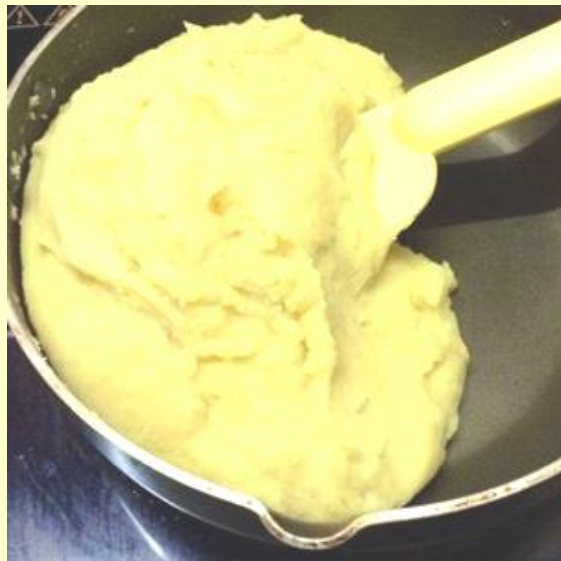
Chuẩn bị tất cả các nguyên liệu. Đậu xanh vo sạch, ngâm nước 1 giờ.

Vớt đậu xanh ra đem hấp chín. Cho đậu xanh còn nóng cùng nước cốt dừa, đường, muối vào máy xay nhuyễn.

Cho đậu xanh đã xay vào chảo (dùng chảo chống dính) sên với lửa nhỏ cho đến khi đậu xanh quện thành một khối không dính chảo thì tắt bếp. Thời gian sên 30 phút.

Khối đậu xanh đã sên xong, để đậu xanh hơi nguội mới đóng bánh. Bánh bảo quản ở tủ lạnh (ngăn mát) được 10 ngày. Bánh dẻo mềm, thơm mùi đậu, ăn không bị ngẹn, ngán.

(Nguồn: Hoàng Thị Tố Hà)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Karuna và tiếng hát của một bà lão ăn xin

HOANG PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Karuna là tiếng Pa-li và tiếng Phạn, kinh sách Hán ngữ gọi là "Từ bi" (慈悲). Qua hình ảnh của người Bồ-tát, Karuna hay Từ bi được xem là lý tưởng của toàn bộ Đại thừa, ngang hàng với Trí tuệ. Bồ-tát Quán Thế Âm là vị Bồ-tát tiêu biểu nhất cho lý tưởng đó. Thế nhưng cũng nên hiểu rằng Karuna không phải chỉ là vốn liếng riêng của Đại thừa mà còn là cốt lõi trong việc tu tập của Phật giáo Theravada. Phép tu tập đó của Phật giáo Theravada được nêu lên trong một khái niệm thật quan trọng gọi là "Bốn phẩm tính vô biên của tâm thức," tiếng Pa-li là *Cattari brahmavihara*, nguyên nghĩa là "Bốn lãnh vực an trú tối thượng," đó là: lòng "Nhân ái" (tiếng Pa-li: *Metta*), lòng "Từ bi" (*Karuna*), niềm "Hân hoan" (*Mudita*) và sự "Thanh thản" (*Upekkha*). Phát huy bốn thể dạng tâm thức trên đây là một phép tu tập "cụ thể," cho thấy một sự "cân bằng" nào đó đối với phép tu tập tập trung vào Trí tuệ, còn gọi là Tu tuệ, mang tính cách trừu tượng và lý thuyết hơn. Nói chung tình thương yêu chúng sinh thể hiện qua bốn thể dạng vô biên của tâm thức trên đây sẽ tạo ra một bầu không gian rộng lớn bao trùm và bàng bạc trong Phật giáo, và tỏa rộng bên trong bầu không gian đó là Trí tuệ.

Bốn phẩm tính của phép tu tập trên đây là: *Lòng nhân ái vô biên* là niềm "ước vọng tất cả chúng sinh đều tìm được hạnh phúc và nhận thấy được cả các nguyên nhân mang lại hạnh phúc cho mình;" *Lòng từ bi vô biên* là niềm "mong ước tất cả chúng sinh đều vượt thoát mọi khổ đau và cả các nguyên nhân mang lại khổ đau cho mình;" *Niềm hân hoan vô biên* là tình thương yêu và vui sướng khi "ước mong tất cả chúng sinh đều đạt được hạnh phúc lâu bền, không còn vướng mắc một thứ khổ đau nào"; và sau hết là *Sự thanh thản vô biên* là "niềm ước vọng tất cả chúng sinh đều được bình đẳng và ngang hàng nhau" (tiếng Anh là equanimity), niềm ước vọng đó sẽ mang lại cho mình sự thanh thản mệnh mông và một niềm an vui tỏa rộng, không còn phân biệt, bám víu hay ghét bỏ bất cứ một thứ gì."

Kinh sách Hán ngữ gọi khái niệm về *Bốn phẩm tính vô biên* trên đây là *Tứ vô lượng tâm*

và bốn phẩm tính vô biên thì gọi là: *Từ, Bi, Hỷ* và *Xả*. Cách dịch sang tiếng Hán này có thể khiến một số người hiểu sai, nhất là đối với hai phẩm tính sau cùng là *hỷ* và *xả*. Chữ *hỷ* đôi khi được ghép với chữ *hoan* và trở thành *hoan hỷ* với ý nghĩa là "vui lòng" hay "sẵn lòng" làm một việc gì đó. Mặt khác hai phẩm tính sau cùng này tức là *hỷ* và *xả* đôi khi cũng được ghép chung với nhau tạo ra một thuật ngữ mới là *hỷ xả* với ý nghĩa là "tha thứ" hay "bỏ qua" một chuyện gì đó mang tính cách tiêu cực. Do vậy các thuật ngữ *hoan hỷ* và *hỷ xả* trên đây chẳng những không liên hệ gì đến khái niệm về *Bốn phẩm tính của tâm thức* mà còn bị lạm dụng và trở thành sáo ngữ.

Tóm lại bốn ước vọng trên đây là một phép thiền định nhằm tinh khiết hóa tâm thức, tức có nghĩa là hóa giải thái độ hẹp hòi, đứng đưng, và ích kỷ phát sinh từ các thứ bản năng của sự sống. Các phẩm tính vô biên mang lại từ bốn ước vọng đó là thức ăn nuôi dưỡng tâm thức mình và cũng là cách làm hiển lộ sự giác ngộ bên trong chính mình. Trong số bốn phẩm tính trên đây của tâm thức thì dường như *Lòng từ bi vô biên* (tiếng Pa-li: *Karuna apparamanna*) là phẩm tính quan trọng hơn cả vì phẩm tính này không những giúp người tu tập cảm nhận được sâu xa hơn thực trạng khổ đau cùng khắp của chúng sinh mà còn ý thức được cả bốn phận mình trước thực trạng đó. Thái tử Tất-đạt-đa sau khi nhận thấy tình trạng khổ đau mệnh mông đó của con người đã từ bỏ gia đình, danh vọng và quyền lực để mưu cầu một giải pháp hầu đương đầu với tình trạng khổ đau mang tính cách hiện sinh đó. Phải chăng *Karuna apparamanna* hay *Lòng từ bi vô biên* chính là động lực sâu xa đã biến thái tử Tất-đạt-đa trở thành một vị Phật? *Bốn phẩm tính vô biên* của tâm thức được Đức Phật trực tiếp thuyết giảng trong một số bài kinh, chẳng hạn như *Brahmavihara-Sutta/Kinh về [bốn] nơi an trú tối thượng* (Anguttara Nikaya/Tăng chi bộ kinh, AN 10.208, AN 4.125, *Metta Sutta/Kinh về Lòng nhân ái* (Samyutta Nikaya/Tương ưng bộ kinh, SN 46.54), và gián tiếp hơn trong một số các kinh khác,

Sau này khi Giáo Huấn của Đức Phật được

điển đạt rộng rãi hơn qua sự phát triển của Đại thừa thì nhiều sáng kiến tu tập về lòng từ bi cũng được đề nghị thêm, chẳng hạn như phương pháp *Tonglen* trong Phật giáo Tây Tạng. Đó là phương pháp “nhận chịu khổ đau của người khác” và “hiển dâng niềm an vui và hạnh phúc của mình cho họ”. Nhận chịu khổ đau của người khác không có nghĩa là mình sẽ cảm thấy đốn đau cụ thể và thật sự như chính họ, hoặc lây nhiễm bệnh tật của họ, mà chỉ là cách mang các thứ ấy vào bên trong chính mình qua hơi thở vào dưới hình thức các xúc cảm từ bi, sau đó là tinh khiết hóa chúng, chuyển chúng trở thành những niềm hạnh phúc và an vui để trao trả lại cho họ. Sự tinh lọc khổ đau đó của người khác thật ra cũng là một cách

loại bỏ cái tôi hay cái ngã của chính mình, tức là các *karma* hay nghiệp tồn lưu bên trong tâm thức của mình. Qua một góc nhìn khác thì những gì mà mình trao trả cho kẻ khác là Phật tính hiển lộ bên trong tâm thức của chính mình. Sự trao trả đó là một cách “hồi hướng” công đức mình cho những kẻ đang phải gánh chịu khổ đau. *Tonglen* là một phương pháp thiền định siêu việt, đòi hỏi một sự luyện tập kiên trì, vậy chúng ta hãy thử tìm một phương pháp giản dị hơn, tuy không sánh bằng thế nhưng biết đâu cũng có thể là để thực hiện hơn chẳng? Trong chiều hướng đó tôi xin mạn phép thuật lại một câu chuyện nhỏ về một đứa bé và bà lão ăn xin dưới đây.

Năm tôi lên mười, nhà cha mẹ tôi ở trong một con hẻm nơi một khu phố đông đúc. Thành thoảng có một bà lão ăn xin mù lòa hát rong đi vào xóm. Bà vừa khua gậy lần từng bước một, vừa ê a “hát” lên các câu chuyện cổ tích, hoặc than vãn thân phận mình nơi làng quê: chiến tranh, nhà cửa cháy rụi, ruộng vườn tan hoang, bà lưu lạc đến đây, mù lòa, không nơi nương tựa... Cứ mỗi lần nghe thấy vắng vắng từ xa tiếng hát của bà thì mẹ tôi liền kéo học bàn đưa cho tôi vài cái để mang cho bà lão.

Một hôm tôi hỏi mẹ: “*Tại sao cứ mỗi lần nghe thấy tiếng hát của bà lão ăn xin thì mẹ lại sai con mang tiền cho bà ấy?*” Mẹ tôi không trả lời mà hỏi lại tôi như thế này: “*Vậy thì con ăn mỗi ngày mấy lần?*” Thuở bấy giờ nào tôi có đủ sức để hiểu hết được ý nghĩa của lời dạy bảo ấy đâu. Các câu chuyện cổ tích của bà lão thì tôi cũng đã từng được nghe, các cuộc chiến tranh thì tôi cũng đã từng được nếm, thế nhưng âm hưởng vang vọng trong tiếng hát hay tiếng

than vãn của bà lão dường như có một chút gì đó thật mê hoặc và đã ám ảnh tâm trí tôi. Lâu lâu không thấy bà lão đi vào xóm thì tôi cảm thấy thiếu vắng một chút gì đó trong lòng mà tôi không hiểu được hết. Sau này lớn lên tôi mới ý thức được phía sau những tiếng hát rong đó của bà lão ẩn chứa cả một niềm đau đớn mênh mông, và một chút gì thiếu vắng trong tôi chính là tình thương của tôi đối với bà lão..

Một hôm, như thường lệ vào lúc ngày sắp tắt, bà đi ngang xóm tôi. Trời chuyển mưa tối sầm. Mẹ tôi đưa cho tôi vài cái, tôi chạy tìm bà lão trong ngõ, vừa trông thấy bà thì trời đổ mưa to, tôi vội bỏ tiền vào chiếc lon trên tay bà và cầm cổ tay kéo bà vào nấp dưới một mái hiên gần đó. Tay kia cầm gậy bà khua trên mặt



đất để tìm bậc thềm trước khi bước lên. Mưa rào rào trên mái tôn, bà lão và tôi nhìn ra trước mặt, thế nhưng dường như chỉ có tôi là trông thấy những dòng nước cuộn cuộn trên mặt đất và những bọt bong bóng trên thềm sân. Tôi lén ngược nhìn gương mặt bà, mờ mờ dưới chiếc nón lá là một mái tóc bạc phơ, da mặt nhăn nheo, miệng móm, đôi mắt mở lớn nhưng trắng đục, không thấy tròng đen đâu cả. Gương mặt bà thật thanh thản, gần như lạnh lùng, không thấy thoáng hiện một chút tình cảm nào cả. Tôi cảm thấy bối rối và xao xuyến trong lòng, và chợt cảm thấy

thương bà lão vô cùng, thế nhưng vào tuổi đó nào tôi có biết gợi chuyện là gì.

Được một lúc lâu thì cơn mưa cũng ngớt, bà lão nói với tôi: “*Trời bớt mưa rồi, thôi ngoại đi nghen con.*” Câu nói thật bất ngờ, chân tình và ấm áp đó khiến tôi bàng hoàng, chẳng biết phải đáp lại như thế nào. Tôi nắm tay bà để cùng bước xuống thềm. Một vài hạt mưa vẫn còn lộp độp trên chiếc nón lá rách và lấm tẩm trên lưng áo bà-bà đen đã bạc màu của bà. Tôi đứng im nhìn theo, bà lão tay khua gậy tiếp tục cất tiếng kể câu chuyện cổ tích Tấm Cám: “*Ngày xưa có một cô gái nhỏ mồ côi mẹ tên là Tấm...*” Bóng bà xa dần trong ngõ tối thế nhưng tiếng kể chuyện của bà vẫn còn vang vọng trong mưa. Tôi giật mình chạy ù về nhà vì đã đến giờ cơm.

Câu chuyện đứa bé và bà lão ăn xin xảy ra cách nay đã 70 năm, thế nhưng nó vẫn còn ám ảnh tôi. Cũng vậy đối với lời dạy bảo của mẹ “*mỗi ngày con ăn mấy lần?*” thì tôi cũng vẫn chưa quên. Từ ngày đó đến nay tôi đã ăn không biết bao nhiêu vạn bát cơm, nhưng nào tôi có trồng được một hạt gạo nào đâu? Ngoài

cơm áo ra, tôi còn được hưởng thuốc men, nhà cửa và mọi thứ tiện nghi khác. Món nợ đó quả là to lớn, thế nhưng còn to lớn hơn thế là món nợ của giáo dục, sự hiểu biết và tình thương yêu của những người chung quanh, và càng mở rộng hơn nữa là cả dưỡng khí và môi sinh của địa cầu này. Lớn lên tôi mới hiểu được sâu sắc hơn những gì phía sau câu hỏi của mẹ cùng sự ăm ắp của tình người bên trong lời giã từ của bà lão ăn xin. Là chúng sinh, mẹ tôi và bà lão đều khổ đau như nhau, thế nhưng *Karuna* hay Từ bi bên trong họ là cả một sức mạnh giúp họ vượt lên trên những khổ đau của mình để nói lên những lời thật chân tình và trù mẫn. Tiếc thay trong thế giới vô thường, dù tôi có muốn thốt lên một lời ngọt ngào với mẹ thì mẹ nào có còn đó để mà nghe, hoặc nói lên một lời thật thân thiết với bà lão ăn xin: "Ngoại à, trời còn mưa, ngoại hãy đứng lại với con thêm một chút nữa đi," thì bóng dáng của bà lão cũng đã khuất mờ trong cơn hém tối.

Thế nhưng Đức Phật cũng dạy rằng tất cả mọi hiện tượng, dù vô hình hay hữu hình, thuộc quá khứ, hiện tại hay tương lai, tất cả đều liên hệ và tương kết với nhau. Đó là nguyên lý *Tương liên, tương kết và tương tạo giữa mọi hiện tượng*, tiếng Phạn là *Pratityasamutpada*, kinh sách Hán ngữ gọi là *Lý duyên khởi*. Qua nguyên lý đó thì dù chỉ là một chiếc lá hay một con côn trùng nhỏ bé, một tiếng kêu đau thương của một con thú hay một thoáng xúc cảm nhỏ nhoi trong tâm thức của một cá thể con người, thì tất cả đều tác động và liên hệ đến toàn thể môi sinh và sự an vui của nhân loại trên hành tinh này. Điều đó giúp tôi hiểu rằng dù không còn một dịp may nào để trả món nợ đối với công ơn dạy dỗ cho mẹ, hồi đáp cái ăm ắp của tình người trong câu giã biệt của bà lão ăn xin, thì tôi cũng có thể trả các món nợ ấy cho từng chiếc lá và từng mỗi chúng sinh trong thế giới này. Sự ý thức đó có thể tạo ra bên trong tâm thức chúng ta một xúc cảm từ bi thật sâu xa và rộng lớn, và phải chăng đó cũng là một trong số *Bốn phẩm tính vô biên* gọi là *Karuna* của một tâm thức giác ngộ?

Bures-Sur-Yvette
Hoang Phong

AN LẠC LẮM

*Họ bảo tôi ăn chay chi cho uống
Sống ở đời hưởng rượu thịt đi thôi
Một chút buồn chợt thấy thật lẻ loi
Khi mình gặp phải những lời chống đối*

*Họ lại nói ăn chay là khờ dại
Loài vật kia là để đãi cho mình
Hãy ăn nhậu cho mặc tình thỏa thích
Có làm sao phải kiêng nhịn thiệt đời*

*Rồi một hôm những người bạn tuyệt vời
Lòng nhân ái phát động và gọi mời
Hãy ăn chay vì môi trường sinh thái
Vì tình thương và vì cả tương lai*

*Này bạn hỡi chớ sanh lòng e ngại
Hoa quả củ rau... dinh dưỡng vốn đủ đây
Các loại hạt có rất nhiều chất đạm
Ăn uống lành khoẻ nhẹ cả thân tâm*

*Vật hay người đều biết yêu sự sống
Biết đờn đau và cảm xúc yêu thương
Nỡ lòng nào mình hưởng thụ thịt xương
Lấy cái chết uống ăn làm sự sướng*

*Bạn có biết ăn chay để làm chi
Sức khoẻ an toàn, tăng trưởng từ bi
Sống không chỉ nhận mà phải cho đi
Thì cuộc đời sẽ vô cùng hoan hỷ*

*Càng buông xả thì càng an lạc lắm
Sống giản đơn phơi phơi cả thân tâm
Mặc cuộc đời mưa nắng với tháng năm
Trái lòng thương đến muôn loài vạn vật.*

thơ ĐỒNG THIỆN

SEN NỞ TRÊN SA MẠC

Tiểu Lục Thân Phong

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đạo Phật ra đời cách đây trên hai mươi lăm thế kỷ, xuất xứ ban đầu chỉ nội trong xứ Ấn Độ nhưng dần dà lan truyền sang các quốc gia khác của Á châu như: Trung hoa, Nhật Bản, Việt Nam, Thái Lan, Lào, Sri Lanka... Phật giáo truyền đến đâu thì hoà hợp với văn hoá, phong tục tập quán ở đấy mà dần dà hình thành những trường phái khác nhau. Đó là tính kế cơ, kế lý của Phật pháp. Đạo Phật cũng như mọi pháp trên thế gian, cũng không thể nằm ngoài quá trình "Thành-trụ-hoại-không" hay "Sinh-trụ-diệt." Phật giáo có thời huy hoàng rực rỡ trên con đường tơ lụa, từng là tôn giáo chính ở những quốc gia vùng Trung Á như: Afghanistan, Pakistan... Trước khi Hồi giáo thống lĩnh những nơi này.

Giáo lý Phật tự trung là giác ngộ con người, chỉ ra lẽ thật của cuộc đời và con đường giải thoát. Như kinh Pháp Hoa đã nói: Phật ra đời cũng vì một đại sự nhân duyên là giúp chúng sanh "Ngộ nhập Phật tri kiến"! Đạo Phật là đạo giải thoát, giải thoát ngũ dục, giải thoát những tri kiến mê lầm, giải thoát mọi ràng buộc mà con người tự buộc mình và ràng buộc lẫn nhau.

Đến khoảng thế kỷ thứ X-XII thì Hồi giáo tấn công và tiêu diệt toàn bộ Phật giáo ở Ấn Độ. Mười ngàn tu sĩ bị giết, đại học NalanDa và toàn bộ chùa viện bị phá hủy. Phật giáo các vùng Trung Á cũng chịu chung số phận như vậy! Riêng Phật giáo ở các nước khác cũng gặp nhiều thăng trầm theo dòng lịch sử. Nếu gặp vua sáng tôi hiền thì Phật giáo phát triển, nếu gặp thời hôn quân thì cũng nhiều lần bị bách hại (thời Hồng Vũ bên Tàu, thời Lê Hy Tông ở Việt, thời hiện đại cũng có giai đoạn phá chùa...)

Ở các xứ Ả Rập, Hồi giáo là quốc giáo. Họ vô cùng độc đoán và khắc nghiệt. Họ không

chấp nhận những gì nói khác với kinh Quran. Khắc nghiệt đến độ: chỉ có thượng đế Allah của họ mới có khuôn mặt người. Họ từng vạt mặt các pho tượng khác tôn giáo với họ. Ấy vậy mà hôm nay ở đây mọc lên một ngôi chùa Phật giáo ở Dubai (UAE). Một điều không thể tưởng, không thể tin... nếu không có một đoạn clip của Khalid Al Amei làm bằng chứng. Quả thật đã có một ngôi chùa Phật giáo do các tu sĩ đến từ Sri Lanka thành lập và hoằng pháp ở đây.



Các tu sĩ Sri Lanka theo dòng Nam truyền này giữ giới tỳ hành rất tinh tấn. Ở ngôi chùa này có một cây Bồ Đề đã cao to (vốn chiết từ cây gốc ở Sri Lanka). Ngôi chùa mang tên: MA-HAMEVNAWA BUDDHIST MONASTERY. Hiện ở UAE (các tiểu vương quốc Arab) có khoảng năm trăm ngàn Phật tử, phần lớn đến từ Sri Lanka. Họ là những chuyên gia, công nhân, người

giúp việc nhà... đến sống là lao động, cũng có một số ít người bản xứ. Khalid Al Ameri đã đến ngôi chùa này làm phóng sự và tìm hiểu về đạo Phật. Anh ta được các vị tu sĩ ở đây cho biết:

- Phần lớn thời gian chúng tôi tu tập và cầu nguyện ở trước tượng Phật Thích Ca Mâu Ni (người khai sáng đạo Phật) chúng tôi tu thiền Minh sát. Dâng cúng hoa, đèn, nước tinh khiết cả cả thức ăn.

Khalid Al Ameri chỉ vào những bức tranh hai bên chánh điện hỏi thì các sư giải thích đó là những đồ đệ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Anh ta lại chỉ vào tủ sách thì được giải thích: ngoài kinh điển còn có các sách dạy về bốn phần của các Phật tử, hoặc cả sách nói về bốn phần người nội trợ (người giúp việc nhà...). Anh Khalid Al Ameri tỏ ra rất thích thú và hoan hỷ lắm. Anh ta nhiều lần nói đến từ khoan dung (tolerance)!

Ngôi chùa vốn là một tòa biệt thự sơn

trắng, thành lập từ năm 1999. Hiện tại có hai vị tu sĩ thường trú ở đây, họ đến từ Sri Lanka. Hai vị tu sĩ giữ giới rất nghiêm túc, ngày ăn một bữa, tụng niệm bằng tiếng Sinhalese (một ngôn ngữ của người Sri Lanka), thường giảng kinh thuyết pháp cho Phật tử. Ngày thường các Phật tử phải đi làm và họ thường đến chùa vào những ngày cuối tuần (có lẽ cũng giống như người Việt hải ngoại, ngôi chùa không chỉ là nơi tu tập mà còn là một mảnh hồn của quê hương cho người xa xứ. Ngôi chùa là nơi để người xa quê tìm về!)

*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông*
(Huyền Không)

Hiện tại ngôi chùa quá nhỏ bé so với số lượng Phật tử đến tu tập. Họ đang xin phép chính quyền sở tại để xây dựng một ngôi chùa khác với quy mô rộng lớn hơn để đủ sức dung chứa lượng Phật tử ngày càng tăng. Tuy số lượng Phật tử đông đảo nhưng mọi việc tu tập, sinh hoạt... đều giữ gìn kín đáo sau hai cánh cổng khép chặt, mọi việc đều hết sức nhẹ nhàng tế nhị (có lẽ để tránh sự xung động, sự "ngứa mắt" của những người bản xứ hay những thành phần cực đoan quá khích).

Khi tôi xem cái phóng sự của Khalid Al Ameri cũng rất ngạc nhiên và thích thú vô cùng! Sa mạc vốn khắc nghiệt, đạo Hồi vốn rất hẹp hòi và bảo thủ... thiên nhiên và xã hội đã tạo nên cái tính cách mãnh liệt đến độ lạnh lùng tàn nhẫn, sẵn sàng tiêu diệt đối thủ không thương tiếc. Người Arab rất bảo thủ và cuồng tín, hễ điều gì mà khác với đức tin của họ, khác với tôn chỉ của Hồi giáo... thì bị triệt hạ ngay lập tức. Xã hội hôm nay dù khoa học kỹ thuật và văn minh phát triển cao độ nhưng họ vẫn giữ nguyên những giáo điều cũ kỹ, lạc hậu và phi lý! Ấy vậy mà một ngôi chùa Phật giáo với hàng trăm ngàn Phật tử đã xuất hiện ở giữa thủ đô Dubai. Thật vô tiền khoáng hậu, xưa nay chưa từng ai dám nghĩ đến! Quả thật điều này là một sự kỳ diệu của hai chữ *khoan dung* mà Khalid Al Ameri đã nói đi nói lại nhiều lần! Hy vọng trí huệ và năng lượng từ bi từ ngôi chùa này sẽ như những giọt cam lộ rơi trên đất sa mạc Arab. Hy vọng làn sóng từ bi sẽ lan tỏa trong đất trời đầy nắng gió khắc nghiệt của vùng Ả rập này! Kính sách thường ví hoa sen trong biển lửa (hỏa diệm hoá hồng liên); hy vọng đóa hoa sen tinh khiết sẽ phát quang tỏa hương để tưới tắm tâm hồn người.

TIỂU LỤC THẦN PHONG



ĐÊM DẠO TRƯỚC SÂN CHÙA

*Ta đi đạo khắp sân chùa
Nghe câu mô Phật gió lùa quanh tai
Bước thiền định bước khoan thai
Bước xua tà niệm bước phai mê làm
Bao phen nắng đốt mưa dầm
Hoa tan tác rụng lá đằm đìa rơi
Nhớ về tiếng hát à ơi
Mẹ đi vào cõi thanh thoi phiêu bồng
Nay con nước cuốn theo dòng
Bên kia bờ vẫn một vòng sân si
Trước chùa niệm khúc từ bi
A di đà Phật bước đi an lành
Đêm giảng sương ngậm đầu cành
Tóc ta vừa ướt xin dành nam mô.*

TA CHẴNG LÀ TA NỮA

*Ta thấy hồn mình như lá úa
Không tìm đâu được chút ngày vui
Dây sậu đâu có ai chăm bón
Mà vẫn bò leo kín cả đời*

*Thôi thì ta chẳng là ta nữa
Đứng ở từ xa ngó lại mình
Một tên hào sĩ ngộ lơ lảo
Giữa cuộc chơi lảm chuyện bất bình.*

HUỲNH DUY HIẾU

The Story of Patacara*

Dhammapada, Verses 288 and 289

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (288) and (289) of this book, with reference to Patacara, the daughter of a rich man from Savatthi.

As Patacara had lost her husband and her two sons, as well as her parents and three brothers almost at the same time, she was driven to near insanity. When she approached the Buddha, he said to her, "Patacara, sons and daughters cannot look after you; so even if they are alive they do not exist for you. The wise man observes morality (sila) and clears (the obstacles to) the Path leading to Nibbana."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 288. Not sons, nor parents, nor close relatives can protect one assailed by Death; indeed, neither kith nor kin can give protection.

Verse 289. Knowing this, the wise man restrained by morality should quickly clear (the obstacles to) the Path leading to Nibbana.

At the end of the discourse Patacara attained Sotapatti Fruition.

LONGING

Sons, children, family cannot provide any refuge nor shelter for anyone being prone to Death. [Even though they live it is as if they exist not. How much less can they provide any protection nor safety against death?]



* This story has been given in Verse 113.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

LỄ TƯỞNG NIỆM HUÝ KÝ

Lần Thứ 11 Đức Đệ Tứ Tăng Thống

Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang

Lễ giỗ Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang lần thứ 11

được tổ chức trang nghiêm tại chùa Quang Thiện

vào sáng chủ nhật ngày 7 tháng 7 năm 2019

THẢO NGUYÊN

TIN TỨC / SỰ KIỆN

Dã 10 lần lễ giỗ của Sư Ông diễn ra tại ngôi chùa Quang Thiện này nhưng đây là lần đầu tiên tôi tham dự lễ Giỗ của Ngài. Miền nam Cali mùa này nắng nóng lắm, cứ sao hôm ấy bầu trời lại giăng mây màu khói và man mác buồn. Từng cơn gió se se lạnh nhẹ thổi qua những tán cây bồ đề, không khí dường như tĩnh mịch hơn như đồng điệu cùng nỗi lòng tưởng nhớ về Sư Ông của các chư tôn và Phật tử tề tựu về chùa thắp hương Sư Ông.

Từ sau ngày Quy y, tôi về chùa Quang Thiện vào sáng Chủ nhật và đây là ngày tôi cảm nhận lòng mình bình yên thanh thản nhất sau một tuần bộn bề công việc. Vừa bước vào cổng chùa Quang Thiện tôi thấy hôm nay chánh điện được chuẩn bị trang nghiêm hơn. Khung ảnh của Sư Ông được đặt trang trọng ngay giữa chánh điện cùng tượng Đức Phật. Còn hai mươi phút nữa mới đến giờ làm lễ, tôi quỳ ở góc chánh điện yên lặng nhìn linh ảnh

của Sư Ông. Thật sự vào lúc đó tôi chưa được biết nhiều về Sư Ông ngoài hàng chữ ghi trên ảnh "Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang." Gương mặt Sư Ông thật hiền và nhân từ. Có lẽ tôi thừa hưởng từ cha tôi, một người thợ chụp ảnh rất có tâm, mỗi khi ngắm nhìn bất cứ tấm ảnh chân dung nào tôi cũng quan sát từ góc độ nghệ thuật của tấm ảnh, nét mặt lẫn hình tướng của người trong ảnh. Sư Ông thật sự rất uy nghi trong vẻ mặt từ bi của người đạo hạnh. Ảnh mặt nhìn của Sư Ông tuy hướng về nơi xa xăm nhưng lại rất gần gũi trong cảm nhận của tôi. Tôi nhìn rất lâu vào nét cười bình thản chất chứa sự bao dung nhân từ của Sư Ông, và tôi lại thấy thấp thoáng đâu đó nét cười của cha tôi. Tôi hiểu rằng không thể có sự so sánh giữa Sư Ông với Cha tôi, một người từ bi đạo hạnh và một người trần thế bình thường; thế nhưng với sự thương yêu nhớ nhung của một người con vừa mất Cha và sự tiếc thương của những tăng sĩ đã mất đi người Thầy tôn kính thì mọi



hình ảnh nhân từ kính yêu trong tâm khảm chúng tôi đều giống nhau.

Đúng 10 giờ sáng các Phật tử cung đón Thầy Trụ trì Hòa Thượng Thích Minh Dung cùng mười hai tăng sĩ của chùa Quang Thiện và các nơi khác cùng về dự lễ tưởng niệm lần thứ 11 của Sư Ông. Tôi có thể cảm nhận được sự xúc động của Thầy trụ trì khi Thầy thoáng nhìn di ảnh của Sư Ông. Tôi đã tình cờ đọc qua bài "Lời từ biệt Thầy" rất cảm động của Hòa Thượng Thích Minh Dung đăng trên trang Quảng Đức cách đây nhiều năm khi tôi muốn tìm hiểu hơn lễ tưởng niệm Sư Ông vào ngày chủ nhật.

Mở đầu buổi lễ Thầy Thích Quảng Thường đến từ chùa Hồng Danh, San Jose, đọc bài Tiểu sử và công hạnh của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang. Bài viết rất hay càng cảm động hơn với giọng đọc pha chút âm Bình Định của Thầy Quảng Thường, cũng là người đến từ miền quê với Sư Ông.

Kế tiếp Thầy Đồng Viên chia sẻ về những kỷ niệm với Sư Ông khi Người còn tại thế. Tôi khá bất ngờ về những điều Thầy Đồng Viên kể ra cho quý Thầy và đại chúng nghe về Sư Ông. Tôi nghĩ sao Thầy Đồng Viên còn trẻ mà đã có cơ duyên được sống và tu học bên cạnh một vị Đại Hòa Thượng đầy huyền thoại và đạo hạnh như thế. Vì sao chừng ấy năm tôi còn ở lại Việt Nam mà không thể có cơ duyên đến viếng tu



viện Nguyên Thiều nói chi đến việc được diện kiến Sư Ông. Được một lần gặp và vái lạy Ngài là một phước đức lớn mà kiếp này tôi đã không có được. Âu cũng là duyên chưa đến với tôi như cách nói của nhà Phật.

Tiếp lời Thầy Đồng Viên là chia sẻ kỷ niệm những năm tu học tại tu viện Nguyên Thiều của Hòa Thượng Trụ trì Thích Minh Dung. Thầy kể rằng Thầy đã theo Sư Ông khi còn rất nhỏ, độ khoảng 12 tuổi. Với cái tuổi "Ăn chưa no, lo chưa tới" đó thì công sự dạy dỗ về đường Đạo lẫn đường Đời của Sư Ông đối với Thầy là một biển tình thương mệnh mông mà Thầy không thể nào kể cho hết.

Bài học đầu tiên Sư Ông dạy cho Thầy là bài học về sự thông cảm và độ lượng của người thầy đối với học trò. Ở cái tuổi "Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò" thì dù ở ngoài đời hay môi trường tu viện các "chú tiểu học trò" cũng rần rặc nghịch phá như nhau, và người làm thầy như Sư Ông vẫn phải dùng sự "nghiêm trang" nhưng không "hà khắc" để dạy dỗ như trách nhiệm của người cha lẫn người sư phụ.

Bài học thứ hai mà Thầy nhớ về Sư Ông là làm bất cứ điều gì từ việc nhỏ đến việc lớn đều phải đặt sự chú tâm vào đó. Đây là điều trong Phật pháp dạy về sự Chánh Niệm. Chánh niệm trong những việc ta làm và cần phải chánh niệm ngay khi ta nhắc nhở người khác. Có





chánh niệm ta sẽ biết lúc nào cần nói và nói như thế nào để lời nhắc nhở không là lời quở trách mà là lời khuyên bảo đến từ tấm lòng từ bi độ lượng.

Thầy chia sẻ rất nhiều những bài học quý báu về nếp sống giản dị, thanh bần, bao dung khoáng đạt cùng trí tuệ mẫn tiệp mà Thầy học được từ Sư Ông. Tinh thần "Tôn sư - Trọng đạo" là điều tôi cảm nhận rõ ràng và mạnh mẽ từ Thầy trụ trì qua lời bộc bạch của Thầy, cũng là trần trở của Sư Ông khi Người còn tại thế: "Làm thế nào để gìn giữ và phát triển Đạo Phật trong lòng người Việt Nam trước những biến cố của chính trị và thời cuộc". Sư Ông đã vì quê hương, quốc gia và dân tộc mà chịu đựng những năm tháng dài đằng đẵng trong chốn lao tù hay sống trong sự quản chế gắt gao của chế độ cộng sản. Ngài luôn vững lòng và kiên trì đấu tranh cho tiền đồ Phật giáo ngay tại quê hương Việt Nam. Suốt cuộc đời Sư Ông không được sống tự do, thế nhưng Ngài đã vượt lên sự giam cầm thể xác và quản thúc tinh thần, Ngài luôn đi vững vàng trên con đường trung đạo mà Đức Phật đã thể hiện trong cuộc đời giáo hóa của Ngài. Đó là: "Giáo Hội phải đứng trên tất cả mọi thể lực của thế gian"

Kính bạch Sư Ông, con tâm nguyện cố gắng góp chút công sức của mình trong việc gìn giữ Phật giáo Việt Nam trên quê hương thứ hai này như Thầy trụ trì của con đã dạy. Con không thể trở về sống trên quê hương chôn nhau cắt rốn được. "Quê hương mỗi người chỉ một" là khái niệm xem chừng không thể dành cho những người Phật tử xa xứ như chúng con.

Nước Mỹ này đã giang rộng vòng tay đón nhận và cứu mang gia đình con. Những ngày tháng còn lại của cuộc đời mình con phải tri ân và làm bổn phận của một người công dân tại đất nước này. Con phát tâm gieo mầm thiện lành của người Phật tử Việt Nam cùng sự dẫn dắt con cháu mình trên con đường Phật pháp ngay trên quê hương thứ hai này.

Thầy trụ trì đã giảng rằng khi quê hương đang đi vào cảnh điêu linh thì nền Phật giáo Việt Nam ngay tại nước nhà cũng khó lòng trụ được vững vàng. Chúng con đã rời quê hương ra đi nhưng trong lòng chúng con giòng máu dân Việt và tinh thần của người Phật tử Việt Nam vẫn luôn chảy trong huyết quản của chúng con. Bằng công sức nhỏ nhoi của mình, con nguyện xin đóng góp cho việc truyền bá, gìn giữ và phát triển Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại như các Hòa Thượng và tăng ni sống xa quê hương đã và đang làm từ bốn mươi năm nay. Điều tâm nguyện về quê hương Việt Nam, con cầu xin đất nước bớt làm than, người dân Việt, nhất là Phật tử tại Việt Nam luôn vững lòng tin vào con đường chánh đạo mà Sư Ông đã giành trọn cuộc đời hy sinh vì chân lý đó. Con thành tâm xin Sư Ông trợ duyên cho con một ngày nào đó con về thăm quê hương Việt Nam con sẽ đến viếng thăm tu viện Nguyên Thiều, xin được cúi đầu đánh lễ Chư Tăng Ni, và thấp nén hương tôn kính của lòng con trước mộ phần của Sư Ông.

A Di Đà Phật

Thảo Nguyên
(2019-07-11)

Hạnh Phúc Tuyệt Vời Chỉ Là Sự Bình Thường

ĐÀO VĂN BÌNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một ngày như mọi ngày, không có gì thay đổi, giống hệt như ngày hôm qua, không có gì vui, không có gì mới, là nỗi kinh hoàng của con người. Căn bệnh buồn nản, chán đời (*depressed*) mà trong nước gọi là trầm cảm đã được ông nhạc sĩ Trịnh Công Sơn khóc than trong bản nhạc "Một ngày như mọi ngày" như sau:

Một ngày như mọi ngày, em trả lại đời tôi

Một ngày như mọi ngày, ta nhận lời tình cuối

Một ngày như mọi ngày, đời nhẹ như mây khói

Một ngày như mọi ngày, mang nặng hồn tả tơi

Một ngày như mọi ngày, nhớ mặt trời đầu môi

Một ngày như mọi ngày, đau nặng từng lời nói

Một ngày như mọi ngày, từng mạch đời trần trối

Một ngày như mọi ngày, đi về một mình tôi

Một ngày như mọi ngày, từng chiều lên hấp hối

Một ngày như mọi ngày, bóng đổ một mình tôi...

Theo thống kê, tại Hoa Kỳ, năm 2014 có 42,773 người tự sát. Năm 2016 có 44,965 người tự vẫn. Còn tại Việt Nam, theo Vietnamnet "mỗi năm có khoảng 40,000 người tự tử do trầm cảm." Trang tin Sputnik News ngày 7/4/2019 đã trích dẫn tin của báo Pháp Luật của Việt Nam, "Hiện tượng người trẻ tự tử đang diễn ra ngày càng nhiều ở Việt Nam." Theo Liên Hiệp Quốc, mỗi năm trên thế giới có 800,000 người tự vẫn.

Có nhiều nguyên do khiến con người tự tử như... khôn quần về tiền bạc, đổ vỡ gia đình, tình yêu, hoặc mù quáng tin theo lời tiên tri về ngày tận thế. Nhưng nguyên do đáng sợ nhất là căn bệnh buồn nản, chán đời. Trào lưu tự tử không có nhiều trong lớp người nghèo khổ mà ở lớp trẻ, các tài tử, ca sĩ, người mẫu... tài sản lên tới cả chục triệu đô- la nhưng đã kết liễu đời mình chỉ vì thấy cuộc đời này vô vị. Đối với những người này, thật không có gì kinh hoàng cho bằng khi:

- Sáng thức dậy, mặt trời vẫn mọc ở phương đông.

- Trái đất này vẫn thế.

- Một ngày như mọi ngày.

- Rồi lại đánh răng súc miệng, rồi lại ăn sáng, ăn trưa như ngày hôm qua.

- Rồi một ngày như mọi ngày.

- Rồi thời gian thừa thãi không biết phải làm gì.

- Rồi mặt trời lại lặn ở phương tây như ngày hôm qua.

- Rồi lại ăn tối, rồi lại đi ngủ.

- Và em vẫn nói với tôi những lời yêu như ngày hôm qua.

- Khiến tôi đau nặng từng lời nói! (*lời bản nhạc*)

- Khiến linh hồn tôi tả tơi (*lời bản nhạc*)

- Từng buổi chiều, từng chiều lên hấp hối! (*lời bản nhạc*)

- Rồi màn đêm lại buông xuống.

- Rồi lại đi ngủ.

- Nhưng rồi dần vật, mất ngủ.

- Rồi gục đầu vào xi-ke ma túy.

- Rồi khóc than qua những bản nhạc Bolero ủy mị.

- Rồi uống thuốc an thần.

- Nhưng càng uống thuốc an thần càng mất ngủ.

- Rồi tuyệt vọng, không lối thoát.

- Rồi nói lời trần trối. (*lời bản nhạc*)

- Rồi kết liễu đời mình.

Đối với những người mang bệnh buồn nản chán đời thì họ chỉ mong:

- Trái đất này phải đổi thay.

- Mọi người phải chạy ra đường là hết.

- Thiên nhiên phải nổ tung, chứ không thể cứ giống như ngày hôm qua.

- Không thể cứ sống ù lì mãi thế.

- Những mất mát phải được đền bù.

- Những khát vọng phải thành đạt.

- Người đã bỏ ta đi phải quay trở lại.

- Để dòng sông không phải là "dòng sông vĩnh biệt".

- Nếu không họ tuyệt vọng, chán đời và than van:

- Mặt trời ơi! Sao mi vẫn mọc ở phương đông?

- Sao hoa kia vẫn nở?

- Cả loài chim kia, sao mi vẫn cứ hót?

- Cả con suối kia sao mi vẫn cứ chảy rì rào?

- Những làn gió nhẹ kia sao mi vẫn cứ thổi?

- Cả những vạt nắng lung linh đang nháy múa trong vườn kia cũng chỉ là giả tạo.

- Và ngàn năm mây trắng

sao giờ vẫn còn bay?

- Tất cả đều vô nghĩa và chỉ là một màn kịch của tạo hóa.

Tóm lại, không có bất cứ cái gì có ý nghĩa đối với họ trên cõi đời này. Họ cảm thấy cô đơn tốt cùng theo như lời bản nhạc, "Một ngày như mọi ngày, bóng đổ một mình tôi." Và họ đi tìm cái chết như một cứu cánh giải thoát.

Thế nhưng này bạn ơi. Bạn thử suy nghĩ xem:

- Sáng thức dậy, người chồng vui mừng khi thấy gia đình bình yên. Rồi người vợ pha cho chồng một ly cà-phê, nói lời chào hỏi như ngày hôm qua. Rồi hai vợ chồng ăn sáng như mọi ngày trong yên lặng. Rồi con cái lễ phép chào cha mẹ, cắp sách đến trường như ngày hôm qua. Thì đây là những giây phút hạnh phúc tuyệt vời của gia đình. Bạn còn mong ước gì hơn?

- Rồi khi ra đường, xe cộ vẫn bình thường như mọi ngày. Không tai nạn, không tắc nghẽn.

- Rồi sở khí tượng thông báo không giông bão, lụt lội, sóng thần, không động đất. Mọi việc cũng yên bình như ngày hôm qua. Vậy bạn còn mơ ước gì hơn?

- Rồi khi vào công sở. Mọi việc diễn tiến bình thường, không có gì mới lạ. Không bị ông/bà chủ la rầy, không bị cấp trên khiển trách. Bạn còn mong ước gì hơn?

- Rồi khi về nhà, người chồng thấy vợ và con cái bình yên. Rồi lại cơm tối như mọi ngày.

- Rồi người chồng đọc báo hay xem truyền hình.

- Thế giới vẫn bình yên như ngày hôm qua. Không biến động, không chiến tranh, không cấm vận, lật đổ.

- Thị trường chứng khoán không leo thang mà cũng không tụt dốc. Giá vàng, giá xăng ổn định. Đây là hạnh phúc là mong cầu của thế giới. Vậy bạn còn mơ ước gì hơn?

- Rồi ở phía xa xa...

- Ở chùa, sư cụ sáng thức dậy thấy cửa nẻo đều yên. Thùng phước sương không bị

kẻ trộm lấy đi. Chư tăng ni vẫn tập, trang nghiêm hành lễ như mọi ngày. Vẫn kính đó, chuông đó, mõ đó và lời nguyện cầu đó... giống hệt như ngày hôm qua. Rồi chư tăng/ni lại ăn sáng như mọi ngày. Rồi Phật tử kéo tới lễ chùa hay công quả như mọi ngày. Đó là "trú dạ lục thời an lành," đó là phước báu. Sư cụ còn mong cầu gì nữa?

Này bạn ơi,

- Cái gọi là "Một ngày như mọi ngày" là nỗi kinh hoàng của những kẻ chán đời.

- Nhưng nó lại là sự yên lành, là nguồn hạnh phúc của những người nhìn thấy rõ thế nào là hạnh phúc.

- Hạnh phúc là sự bình yên, là sự không đổi thay, "hằng mà chuyển" trong thế giới của Hoa Nghiêm.

- Niết Bàn là sự sáng soi, tịch tịch, hằng trụ mà không lay chuyển, không có cũ-mới, không có trước sau, không có ngày hôm qua hoặc ngày mai.

- Chúng sinh chạy ngược chạy xuôi suốt đời để tìm hạnh phúc.

- Nhưng họ chỉ tìm thấy khổ đau hay hạnh phúc giả tạo.

- Trong khi đó bao bậc đạo sư, cuộc sống 100 năm nào có gì khác?

- Ngày hôm nay cũng giống ngày hôm qua.

- Vận tụng kinh niệm Phật, vẫn hành thiền, sáng chiếu không có gì thay đổi.

- Cuộc sống phẳng lặng như dòng sông chảy lặng lẽ. Mà sao họ vẫn cứ yên vui?

- Vậy khi tâm trí bạn lắng yên.

- Thì "Một ngày như mọi ngày" chính là hạnh phúc tuyệt vời.

- Như lời dạy của Hương Hải Thiền Sư "Bình thường tâm thị đạo."

Thế nhưng bạn ơi,

- Muốn đạt được điều đó.

- Bạn phải dùng trí tuệ.

Bởi vì:

- Sống với cảm xúc, bạn chỉ thấy khổ đau.

- Sống với trí tuệ, bạn sẽ mở tung cánh cửa để tiến vào

khu vườn hạnh phúc.

- Thế nhưng tôi không biết những lời quê mùa, mộc mạc này có giúp gì cho căn bệnh chán đời của bạn hay không?

Bạn ơi,

Thường xuyên nghe nhạc buồn, nhạc ủy mị, nhạc thất tình, nhạc Bolero khóc than, coi phim bộ ướt át của Hongkong, Đại Hàn (ở Mỹ gọi là Soap Opera) là dấu hiệu của mất nghị lực, mất phương hướng, buồn nản chán đời rồi đi đến tuyệt vọng và tự sát. Vào năm 1941, bản nhạc "Chữ Nhật Buồn" (*Gloomy Sunday, Sombre Dimanche*) của nhạc sĩ Rezso Seress người Hung Gia Lợi đã được xem như "Bản Thánh Ca Của Những Người Tự Tử" đã đẩy lên một phong trào tự sát trong giới thanh niên tới nỗi chính phủ Anh phải ra lệnh cấm hát bản nhạc này.

Bạn ơi,

Cô Kiều nghe chuyện Đạm Tiên, cảm động khóc than suốt mấy khiến chính đời mình thê thảm, 15 năm ở lầu xanh làm gái bán dâm, cuối cùng nhảy xuống Sông Tiền Đường tự vẫn, may mà được bà vải Giác Duyên cứu cho. Do đó, nhạc buồn, nhạc ủy mị, nhạc than, nhạc khóc, phim truyện tình cảm ướt át... đều rất nguy hiểm cho đời sống của thanh thiếu niên.

Bạn ơi,

Ở tuổi này,

Sau bao năm rong ruổi cuộc đời.

Tôi sợ những bản nhạc buồn.

Sợ những phim ảnh đầy bạo lực, sẵn lòng, sẵn giết.

Mà chỉ muốn nghe những lời êm dịu.

Những hình ảnh cứu giúp người đời.

Những lời kinh ru làm tỉnh thức lòng người.

Và những giây phút êm đềm.

Hôm nay cũng như ngày hôm qua.

Một ngày như mọi ngày.

Đào Văn Bình

NHẬN DIỆN

(Nhân đọc bài “Hãy yêu như chưa yêu lần nào” của Toại Khanh)

Sao thấy bóng người khuất khói sương?
Ngu ngơ đi giữa cõi vô thường
Tâm Không thoát khỏi thân ràng buộc
Tình chẳng vượt ngoài ý vẩn vương
Đâu hướng lên trời lo địa ngục
Chân lê dưới đất mộng thiên đường
Thấp cao, ôi cũng phù vân cả
Tàn cuộc chơi còn một nắm xương.

*

Đọc thơ Bùi Giáng ngậm ngùi thương
Đã trót sinh nhằm đời nhiều nhương
Sóng vùi, gió dập, luôn nghiêng ngửa
Nắng táp, mưa sa, mãi dãi dầu
Thi sĩ, thiền sư khổ ngang nhau
Chịu chung ách nạn cuộc bể dâu
Tuệ Sỹ an nhiên trong chánh định
Bùi Giáng sầu đời lệ đầm mi.



STEVEN N

Cám ơn Steven N
Viết truyện ngắn trào lộng
Giữa thời buổi nhiều nhương
Giữa cõi đời nhăng nhố

Ý văn đã sống động
Lời lẽ lại tự nhiên
Người đọc mỉm miệng cười
Chuyện gần xa đủ hết!

Văn phẩm in rất đẹp
Trên trang giấy trắng phau
Mỗi tháng mỗi ra đều
Không tháng nào thiếu vắng

Như truyện “Su tử trùng”
“Ruột trắng vỏ vân vàng”
Rời đến “Kỹ nghệ cao”
Đọc mà nghe ngao ngán!

Truyện cực ngắn trăm chữ
Dí dỏm lại thâm trầm
Vì thấy đời đảo điên
Bất bình bèn phóng bút

Chắc có kẻ rơi lệ
Khi đọc Steven N
Nói trúng phóc tim đen
Buồn vì câu xóc óc!

thơ **DIỆU VIÊN**

San Jose, tháng 5.2019

Công chúa Ly Cầu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

- Em cài thêm hoa lên mái tóc cho ta.

- Chà Công chúa đẹp quá!

Hoa Nô thốt ra câu nói ấy trong khi nàng cúi xuống cài đôi chim sẻ nạm toàn kim cương lên đôi cằm hài của Công chúa.

Trước điện Quỳnh La, 50 vị Phạm Chí đã túc trực sẵn sàng, hai hàng Ngự lâm quân đứng nghiêm như tượng, mấy chục nàng cung nữ xiêm y rực rỡ, tiếng lục lạc vàng dưới mấy chục chân tròn trắng cùng tiếng xao xuyến chạm vào nhau hòa thành một điệu nhạc lạ mà hay.

Tất cả đang chờ Công chúa. Bỗng tiếng vọi thổi lên để dẹp đường, người ta đều đổ dồn đôi mắt vào chính điện. Bức rèm nhung tơ màu hồng nhạt thêu đôi phụng hoàng bằng kim tuyến lay động. Công chúa, một con người ngọc đài các bước ra.

Những ai đứng sau xa phải kiêng chân lên mới nhìn rõ Công chúa để mà thì thầm khen ngợi cái sắc đẹp đoan trang lộng lẫy của nàng, cũng như thầm phục đức khiêm tốn của con người đẹp khi đi ngang qua hàng Ngự lâm quân người đã cúi đầu kính cẩn đáp lễ.

Đây là một buổi lễ hành hương của Công chúa Ly Cầu con vua Ưu Điền.

Cũng giờ phút ấy, trong ngày hôm ấy, ở Tịnh xá Trúc Lâm các vị đại đệ tử của Đức Thế Tôn sau thời thanh đàn xả thuyên định rồi. Các Ngài phân phó nhau đi khẩn thực theo lệ thường.

Trước khi ra đi, Trưởng lão Xá Lợi Phất bắt đầu chú

nguyện: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều thâm hiểu pháp tứ đế, y theo tu hành và thành tựu quả vô sanh. Đại đức Mục Kiền Liên: Tôi nguyện tất cả chúng sanh đều tránh khỏi sự ma chướng, phát tâm bồ đề cầu đạo vô thượng. Tôn giả Đại Ca Diếp: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh đều phát thiện tâm, tu hành giải thoát hưởng phước vô lượng, thành tựu đạo quả. Thánh giả Tu Bồ Đề: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh thâm hiểu vạn pháp như huyền trừ sạch tâm chấp trước, cầu chứng quả Niết bàn. Tôn giả A Nan: Tôi nguyện cho tất cả chúng sanh bỏ dứt làm lành, đầy đủ phước đức hiện sống tâm hôn ly dục, khi thác được sanh về các cõi an vui... cho đến Ngài A Nan Luật Đà, ngài Phú Lô Na, La Hầu La... mỗi Ngài đều có chú nguyện cho chúng sanh trước khi ra đi.

Xe giá Công chúa vừa ra khỏi cửa thành phía Bắc thình lình nghe tiếng hô lớn: "Dừng xe!" Bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng đều kinh ngạc, có một vị Trưởng lão trong bọn Phạm Chí ra thưa: "Tôi thấy xa xa ở bên cửa phía đông có một đoàn đệ tử của Cù Đàm (chỉ Đức Phật) đương hướng về ngã này, nếu chúng ta gặp những người ấy chắc là có việc không hay xin công chúa hãy truyền cho lui xe về ngã khác." Nghe tâu, Công chúa để ý ngó xa quả thấy những vị tu hành ấy khoan thai trong chiếc áp vàng, đỉnh đặc và giải thoát làm sao, lòng nàng bỗng nhiên kính mến lạ: Sự thông cảm đến với Công

chúa một cách đột ngột, nên chẳng những nàng không cho lui xe mà còn truyền xe giá ngừng hẳn lại, rồi Công chúa xuống kiệu để chờ đón đoàn người đức hạnh kia.

Bọn Phạm Chí và tất cả tùy tùng như bộ máy bị phanh, không một lời thưa lại.

Đoàn người ly dục đương từ từ đi đến, bước đi thong thả nhẹ nhàng trong im lặng. Phải chăng ý niệm của người đương mãi chú nguyện cho chúng sinh và cử chỉ oai nghi ấy còn ham lo ái hộ loài sâu kiến.

Đầu đoàn là Trưởng lão Xá Lợi Phất vừa đến nơi thì Công chúa quỳ sụp xuống cúi đầu đánh lễ, tất cả bọn tùy tùng bất giác cũng sụp xuống quỳ theo.

Đoàn người cao khiết ấy, cứ im lặng đi qua, cho đến khi Công chúa ngẩng lên và nhìn theo chỉ còn thấy những tà áo vàng bay nhẹ nhẹ.

- Ủa, Công chúa hành hương ở miếu Kỳ Bà sao mãi đến bây giờ vẫn chưa về? Trẫm phiến Khanh truyền người xuống điện Quỳnh La xem thử.

Buổi hành hương của Công chúa bị về trễ, vua Ưu Điền ở nhà lo ngại.

Từ khi Hoàng hậu Băng Sa thăng hà, để lại cho nhà vua một nỗi nhớ nhung vô hạn và một người con gái yêu quý vô cùng. Vua cha đã cố động tình thương con cả cha lẫn mẹ, thêm vào đó những đức hạnh cao quý của Công chúa, nên đức Vua để ý lo cho con từng cử chỉ.

Ngoài cái việc làm người con hiếu, Công chúa còn giúp vua cha nhiều ý kiến lành

mạnh để trị nước an dân, nhờ vậy mà các nịnh thần tham quan ô lại không mọc lên, nên nhà vua tận hưởng thái bình, mà dân chúng thời ấy thật đã sống đúng nghĩa an cư lạc nghiệp. Vì thế nhà vua đối với Công chúa chẳng những yêu quý mà còn kính nể như một người bạn vậy.

Nhà vua đã ngoài 60 tuổi, không có con trai. Ngài vẫn canh cánh bên lòng ước ao được người rể quý để ký thác non sông lúc tuổi già. Nhưng Công chúa không bao giờ nghĩ đến chuyện trăm năm, nên mặc dù đã 19 tuổi mà vua cha cũng không dám đá động đến lương duyên của con.

Sau buổi lễ hành hương hôm ấy, Công chúa trở về thâm cung, chí xuất gia bỗng mạnh nha trong lòng người đẹp.

Thời ấy có bà Đại Ái Đạo là Ma Ha Ba Xà Ba Đề, Di Mẫu của Đức Thế Tôn đã xuất gia lãnh đạo một đoàn thể Ni Lưu (phái nữ tu sĩ) hiện an trú tại Kiêu Đàm Tịnh Xá.

Công chúa xin phép vua cha được thường thường đến hỏi đạo với Ngài.

Một hôm Công chúa đem ý nguyện cầu xuất gia thưa với Di Mẫu nhưng Công chúa đã thất vọng, vì theo qui luật nhà Phật thì phải có sự thỏa thuận của gia đình, việc ấy Công chúa chắc chắn không bao giờ được vua cha cho phép.

Chí cầu giải thoát, lòng thương cha già đương phân tranh, thì Di mẫu đã tìm cho nàng một giải pháp vẹn toàn là cố thể thực hiện hạnh xuất gia của bậc Thượng Nhân (nghĩa là thân tại gia, tâm cầu xuất gia tam giới).

Vâng lời Di Mẫu, Công chúa như phảng được mỗi tơ lòng, nàng liền thực hành theo hạnh Bồ Tát tại gia.

Công chúa ngày nay không còn trang điểm như xưa, nàng ăn mặc thô sơ theo lối tu hành. Đồng thời nàng đã tìm nhiều phương tiện đưa vua đến yết kiến Đức Thế Tôn, nhờ vậy mà vua Ưu Điền cũng trở thành một Phật tử chân chánh và tận lực phục vụ đạo. Và chẳng cao hạnh của người ai lại phủ nhận?

Vì vậy, cung điện Quỳnh La nay đã biến thành một tịnh thất trang nghiêm thiên vị, mỗi tháng cứ đến ngày trai Công chúa lại thỉnh Di Mẫu vào cung truyền giới "Bát quan trai" và dĩ nhiên tất cả cung nữ đều thừa nhận theo tu tập thuần thành.

Mấy kho châu báu là tư sản của vua cha cho để chờ ngày xuất giá, Công chúa đã đem ra bố thí cho dân nghèo. Nàng tâm vua cha mở mang nền kinh tế, dạy dân nghề nghiệp thiên, Công chúa đứng lên mở các trường huấn luyện đạo đức cho phái phụ nữ, nhất là người khéo áp dụng Phật pháp vào lối sống của

dân chúng. Công chúa chủ trương các viện dưỡng lão, tế bần và lập một bệnh viện mà nàng phát nguyện tự thân săn sóc bệnh nhân.

Công chúa Ly Cầu là người đầu tiên tham gia công việc xã hội ở nước Ấn Độ thời ấy vậy.

Nàng vui với đạo say với việc làm: Năm năm qua đều đều như thế. Một hôm, người ta khệ nệ khiêng đến một bệnh nhân bệnh tình trầm trọng, người bệnh phung lác lở cùng cả mình, một chứng bệnh khốc liệt đã ăn cụt mười ngón tay chân, còn chảy nước cùng mình, mặt mày lở loét trông rất dễ sợ.

Bệnh nhân rên la thảm thiết, mới thoát trông thấy con người đáng thương kia. Công chúa phải rùng mình nghĩ đến khi tay mình đụng nhằm để tắm rửa săn sóc. Nhưng lòng từ bi cứu khổ đã thắng, đôi bàn tay tròn thuần thuần như ngọc chuốt từ từ khoát nước nhẹ nhẹ rửa cho bệnh nhân, tay Công chúa lầy lụa nước ghè, bệnh nhân thì giẫy giụa quằn quại nàng phải ồm ồm đỡ bệnh nhân và không nhẫn tâm được, Công chúa đã tràn đầy đôi mắt lệ, nàng phải nhắm lại để rơi hai giọt nước mắt từ bi.

Nhưng khi mở mắt, thì lạ thay bệnh nhân đâu mất mà trước mắt nàng ánh sáng chói lòa Đức Như Lai uy nghi đứng như pho tượng độc tôn. Công chúa sung sướng quá nàng sụp xuống đánh lễ Phật. Tất cả nhân dân trong bệnh viện lúc bấy giờ tâm hồn nhẹ nhàng, bao bệnh nhân đều thoát khỏi bệnh khổ.

Đức Như Lai tán thán công hạnh của Công chúa và thuyết lý "Tứ Diệu Đế" cha nàng nghe, Công chúa liền chứng quả Tu Đà Hoàn và tất cả chúng hội nghe pháp đều chứng được lý dục.

Thế Quán

**"Dẫu xây chín đợt phù đồ,
Không bằng làm phúc cứu
cho một người"**



TIN ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 9
Tại DOUBLE TREE HOTEL, NEWARK, CALIFORNIA HOA KỲ
TỪ NGÀY 25 ĐẾN 29 THÁNG 7 NĂM 2019
PHOTOS: VÕ VĂN TƯỜNG

TIN TỨC / SỰ KIỆN



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 9

Từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 29 tháng 7 năm 2019 - PL. 2563

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Photo: VÕ VĂN TƯỜNG







Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười Bốn

Nhớ năm xưa khi tôi chưa xuất gia, cứ đến ngày Phật Đản, tôi và các em nhỏ thường theo ba mẹ đến chùa Tỉnh hội dự đại lễ, xem văn nghệ, rồi đi xem đoàn xe hoa của các công sở, hay các đơn vị quân đội đủ mọi binh chủng trong toàn thành phố, rước kiệu Phật đi khắp các đường lớn. Cờ Phật giáo giăng đầy các ngã đường. Lễ đài và tôn tượng đức Phật Thích Ca đản sanh được dựng lên khắp nơi. Mỗi căn nhà có người theo Phật đều có giăng cờ, treo đèn. Ra đường là thấy ngợp cả rừng cờ năm màu của Phật giáo. Chuyện trang hoàng cờ xí đèn hoa để mừng ngày Phật Đản ấy chỉ là hình thức thôi, nhưng dấu sao cũng là hình thức cần thiết khiến người con Phật cảm thấy ấm lòng vì có cơ hội để biểu lộ được phần nào niềm kính tin của mình đối với một bậc thầy, một người cha cao cả của nhân loại. Niềm kính tin đó được giữ gìn, được tiếp nối từ nhiều đời, trở thành tập tục truyền thống của một dân tộc vốn có số lượng Phật tử đông đảo trên bảy mươi phần trăm dân số cả nước.

Mấy năm tôi mới xuất gia, đất nước thuộc chế độ Đệ nhị Cộng hòa, lễ hội Phật Đản cũng không vì hoàn cảnh chiến tranh mà bị ngưng trệ hay bỏ

qua được. Cả người theo Phật lẫn những người không theo Phật đều thích đến chùa hay ra các đường phố lớn để chờ đón đoàn xe hoa rước Phật. Trên các đường hướng về chùa Tỉnh hội, người ta phải chen nhau nhích từng bước một qua khoảng sân rộng để được đến gần lễ đài chính và khu vực chính điện. Còn đường Hoàng Hôn, đường Bình Minh và con đường Kim Thân Phật Tổ qua viện Hải Đức thì gần như ngập tràn những người là người. Cả ngọn đồi Trại Thủy lúc ấy là một đồi người.

Vậy mà từ ngày người cộng sản toàn chiếm cả nước, những lễ hội Phật Đản cũng như Chúa Giáng Sinh trong cả nước đều bị trực tiếp hoặc gián tiếp ngăn cấm. Trực tiếp bằng cách nói thẳng với các nhà chùa, nhà thờ là không được tổ chức lớn; gián tiếp thì cho công an đến các chùa, các nhà thờ vào dịp lễ lớn, lấy cờ giữ gìn an ninh trật tự cho ngày lễ nhưng thực ra là để ngăn cản người đến dự lễ; hoặc tinh vi hơn, tổ chức họp các tổ dân phố, tổ chức những ngày lễ gì đó chẳng mấy quan trọng của Đảng hay của địa phương, tổ chức ngày lao động "dâng Bác, dâng Đảng," đúng ngay ngày lễ Phật Đản và Giáng Sinh để

làm giảm bớt số lượng tín đồ tham dự. Nhà nước cố tình can thiệp và có lệnh cấm tụ tập đông người như vậy thì dân làm sao dám đi dự lễ hội. Nhà nước kỳ thị tôn giáo thì dân làm sao dám xưng mình là Phật tử hay tín đồ Thiên Chúa giáo. Vào ngày lễ Phật Đản, các vị sư tăng, sư ni cũng phải e dè không dám giăng cờ xí, không dám tổ chức lớn; có vị còn yêu cầu Phật tử thay nhau đến chùa trong nhiều ngày, đừng đến dồn một ngày quá đông sẽ bị công an dòm ngó, bắt bớ. Chùa còn không dám giăng cờ treo đèn thì ở các tư gia, các ngã đường, làm gì còn có chuyện trang hoàng cúng dường Phật Đản.

Như vậy đó, từ năm 1975 đến 1978 là bốn ngày Phật Đản tiêu điều. Người ta chỉ thấy ở chùa Tỉnh hội giăng hai dây đèn màu kèm theo hai dây cờ Phật giáo chạy dọc theo mái cong của chùa tạo thành hình một chiếc thuyền đơn sơ một nét. Ở viện Hải Đức còn kém hơn: cũng một dây đèn màu, một dây cờ vải, tạo thành hình một đường thẳng vệt với chiều dài khiêm tốn theo bề ngang của ngôi chánh điện cổ. Về hình thức, đại lễ Phật Đản chỉ khác với ngày thường ở hai sợi dây đèn và cờ đó mà thôi. Còn về nội



dung, tức là phần hành lễ, ở viện cử hành vào giờ công phu, bốn giờ khuya. Cử hành vào giờ đó thì phật-tử tham dự cao lắm là mười người mà là những người ở quanh xóm chùa chứ chẳng ở đâu xa. Rồi buổi trưa mười hai giờ có thêm một lễ trai tăng cúng Phật. Sau giờ thọ trai, chư tăng đi nhiễu quanh Phật bệ vòng rồi cử hành lễ. Sau lễ ấy, cửa chính điện mở suốt ngày để Phật tử nào muốn vào lễ bái thì vào. Bên chùa Tỉnh hội, cơ sở trung ương của Giáo hội Tỉnh, cũng chỉ tổ chức được lễ Phật Đản như thế là cùng. Trừ những năm còn nhỏ tuổi chưa xuất gia, tôi vốn không ham thích gì đám đông lễ hội. Vậy mà khi lễ hội truyền thống không được tổ chức, tôi lại cảm thấy buồn, thấy thiếu vắng thế nào đó trong lòng. Nhất là năm nay, việc cử hành lễ Phật Đản ở viện Hải Đức lại bị công an thành phố có lệnh cấm với văn bản hãn hoi chứ không phải chỉ ra lệnh bằng miệng như mấy năm trước: cấm tụ tập đông người, chỉ

được treo đèn kết hoa trong khuôn viên chánh điện, về việc an cư kiết hạ của chư tăng thì "chờ sự duyệt xét của cấp trên" (chẳng nêu rõ là cấp trên nào) mới được tổ chức. Thông thường thì lễ an cư kiết hạ của chư tăng được tổ chức ba tháng hè, từ ngày rằm tháng Tư (tức ngày lễ Phật Đản) đến ngày rằm tháng Bảy (tức lễ Vu Lan). Trong ba tháng đó, chư tăng tập trung một chỗ để cùng tu tập và trao đổi kinh nghiệm hành đạo, không ra khỏi chùa ngoại trừ khi có việc gấp nhưng phải có sự đồng thuận của đại chúng.

Những ngày trước lễ Phật Đản, nghe tin viện Hải Đức phải chờ công an duyệt xét việc an cư kiết hạ, tăng chúng và Phật tử Nha Trang xôn xao cả lên. Các thầy trẻ bày tỏ sự bất mãn ra mặt với ban giám đốc, đặc biệt là đối với thầy bốn sư của tôi, vì ai cũng cho rằng thầy tôi ngoài chức giám sự thay mặt viện trưởng coi sóc mọi sinh hoạt của viện, còn là một chủ hộ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chính quyền về sự ngăn cấm an cư kiết hạ, một truyền thống lâu đời nhất của Phật giáo (lâu hơn cả lễ Phật Đản vì tục an cư kiết hạ có từ thời Phật còn tại thế). Nói thì nói vậy, chứ thực ra, đứng vào địa vị của thầy tôi, sẽ không vì thầy trẻ nào dám phản đối chính quyền một câu vào thời điểm căng thẳng đó. Thầy tôi im lặng chịu đựng sự chê trách nặng nề của chư tăng. Có vị cho rằng thầy tôi nhu nhược, hèn nhát. Tôi không dám có ý kiến gì trong việc bình phẩm thầy tôi, nhưng cũng như các thầy trẻ khác, tôi rất bất mãn về chuyện nhà nước can thiệp vào chuyện sinh hoạt nội bộ của chư tăng.

Một thầy trẻ lên tiếng trong buổi họp chúng được tổ chức trước lễ Phật Đản vài ngày:

"Chỉ tại mình xin nên họ mới thấy là họ có quyền cho phép. Mình đừng xin xỏ gì cả thì đâu có xảy ra chuyện cấm đoán hay chờ duyệt xét! Tổ

chức lễ Phật Đản là tập tục lâu đời, họ hạn chế hay cấm đoán đã là quá quắt lắm rồi, nhưng cũng có thể nhân nhượng được đi, vì lễ Phật Đản có liên hệ đến số đông quần chúng ngoài viện, có thể nại cố không muốn tụ tập đông người; còn an cư kiết hạ là chuyện nội bộ, chuyện thường lệ của viện, đã có từ lâu đời, thời nào cũng vậy, sao phải xin phép chứ?"

Thầy tôi giải thích:

"Có thầy Phước Châu biết mà, họ đã có lệnh trước đó là muốn tổ chức bất cứ lễ gì cũng đều phải làm đơn xin phép nhà nước trước, có sự chấp thuận của chính quyền hãn hoi rồi mới được cử hành. Minh đâu có thể lạng lạng tự ý hành lễ được. Còn chuyện an cư kiết hạ tôi đâu có xin phép, họ tự đưa ra lệnh cấm theo đơn xin phép tổ chức lễ Phật Đản mà thôi. Hơn nữa, họ nói để chờ họ duyệt xét chứ có nói là cấm an cư kiết hạ đâu. Có thể sẽ có thông báo trước hoặc trễ lắm là vào ngày Phật Đản."

Dù thầy tôi giải thích như vậy, cũng không ngăn được những lời gièm pha to nhỏ sau buổi họp. Giữa tăng chúng và ban giám đốc tự đứng lại có một khoảng cách rất khó chịu vì chuyện ấy.

Buổi sáng trước lễ Phật Đản một ngày, tôi có công tác dọn vệ sinh quanh thiền thất của Thượng tọa Thiên Siêu, viện trưởng. Tôi đang ngồi nhỏ cỏ thì Thượng tọa từ thiền thất bước ra, xắn tay áo cùng ngồi xuống, nhỏ cỏ giúp tôi.

Nhớ lại mùa an cư kiết hạ năm 1976, vào những ngày tôi mới từ Hội An trở về, Thượng tọa có gọi tôi lên thiền thất, dạy tôi đôi điều về việc tu tập, rồi cho tôi tiền mua thuốc trị bệnh. Hôm sau, có lẽ do Thượng tọa giới thiệu sao đó mà đích thân Hòa thượng Từ Quang xuống phòng khách của viện, cho người gọi tôi đến, huấn thị đôi điều rồi cũng cho tôi tiền mua thuốc trị bệnh. Tôi lạy hòa thượng, không dám nhận thì ngài dạy:

"Sách xưa nói 'trên cho dưới không được chối từ mới gọi là kính.' Chú bệnh thì phải



lo chạy chữa. Thân không bệnh tật thì tham dục dễ sanh, nhưng cứ bệnh tật hoài thì làm sao an ổn mà tu tập được. Cầm đi," rồi hòa thượng nắm lấy bàn tay tôi, dúi tiền, rồi trở về thiền thất.

Ấn tình của các bậc cao tăng dành cho, tôi đâu dễ quên được. Lúc ấy, tôi đứng nhìn theo vóc hạc của vị hòa thượng già mà muốn rơi lệ. Cứ chỉ nắm tay dúi tiền ấy, sao mà tình cảm lạ! Cái tình đó bao la và cảm động đến độ nó khiến tôi e sợ sẽ không làm được gì nên chuyện trong đời tu của mình để đáp ứng niềm kỳ vọng của các ngài.

Thoắt cái đã hai năm trôi qua. Bây giờ, cũng đã đến mùa an cư, Hòa thượng Từ Quang bệnh nặng ở Phú Yên, không vào Nha Trang được, mà chuyện an cư năm nay lại gặp ngăn trở, tôi cảm nghe bùi ngùi và ấm ức thế nào đó trong lòng.

Thượng tọa viện trưởng lặng lẽ nhỏ cỏ, không nói gì. Tôi có cảm tưởng là ngài cũng buồn bã về chuyện chính quyền ngăn cấm an cư kiết hạ. Một lúc lâu, ngài hỏi tôi:

"Con nay khỏe hẳn chưa? Hết bệnh chưa?"

"Bach thượng tọa, con đã khỏe," tôi đáp.

Ngài im một lúc rồi bắt

chuyện vui vẻ:

"Nhỏ cỏ cũng là một pháp môn tu đó, chú có thấy vậy không? Người ta nói nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc. Câu ấy cũng ứng dụng được vào chuyện tu hành, dẹp trừ phiền não. Cỏ cũng giống như phiền não, nhất là loại cỏ cú như vậy có ai chăm bón đâu mà chúng cứ sinh sản, tràn lấn khắp đất vườn. Phải chịu khó nhổ từng cọng, và phải nhổ tận gốc, không thể lấy đất đá chèn lấp hay chôn sâu xuống là yên chuyện. Chôn xuống nó càng bén rễ nhanh mà thôi."

Tôi nghe vậy thì giật thót người, tưởng như ngài đã đọc được tâm niệm của mình. Tôi không nói gì, chỉ im lặng khắc ghi lời dạy đơn sơ mà quý giá ấy. Lời ngài giống như một lời cảnh cáo cho việc tu tập của suốt đời tôi.

Đúng ngày Phật Đản, tin tức chính xác về sự duyệt xét vấn đề an cư đã được thầy quản chúng thay mặt thầy tôi, thông báo cho cả viện: công an thành phố có văn thư ra lệnh cấm tổ chức an cư kiết hạ trong năm nay vì tình hình an ninh chính trị của cả nước. Tin này làm cho đại chúng thêm bất mãn, và thầy tôi càng bị châm biếm, gièm pha nhiều hơn. Không

khí trong viện thật căng thẳng. Dù vậy, lễ Phật Đản vẫn được viện quyết định tổ chức đơn giản vào buổi trưa, sau đó tăng chúng của viện mặc nhiên tự giác tĩnh tu trong ba tháng hè mà không cần hình thức kiết giới hay các nghi lễ thường lệ hàng ngày của mùa an cư.

Suốt buổi sáng hôm ấy, tôi đến đâu cũng nghe những lời xầm xì, bàn tán về thầy tôi. Nhiều thầy trẻ đã gọi thầy tôi bằng hai chữ rất gọn: "chủ hộ," thay vì gọi là "thầy giám sự," "thầy trụ trì" hoặc gọi bằng đạo hiệu. Gọi một vị cao tăng như vậy chứng tỏ lòng họ không còn chút kính trọng nào nữa. "Chủ hộ" là từ mới có tại miền Nam sau năm 1975 để chỉ một người làm chủ cái hộ khẩu (tức là tờ khai gia đình). Điều này làm tôi buồn lòng không ít. Buồn không phải chỉ vì thầy tôi bị xúc phạm mà còn vì sự bất kính với các bậc trưởng thượng chứng tỏ cái tôn ty trật tự của nhà thiền đã bị lung lay khá nhiều theo hoàn cảnh mới của đất nước. Khi những người cán bộ cộng sản ngang tuổi tôi nạt nộ, xỉ vả và gọi một vị hòa thượng già hay một cụ già đáng tuổi ông cố của mình bằng một tiếng "anh" thì đã có dấu hiệu của sự suy đồi văn hóa rồi. Và một khi trong mắt người cán bộ cộng sản, nhà chùa hay nhà thờ chỉ là những căn nhà (hộ), còn vị các sư trụ trì hay cha xứ chỉ là những "anh" chủ nhà chịu sự giám sát và cai quản của mình thì tôn giáo, biểu tượng của đạo đức quốc gia, đã không còn nền móng vững chắc để nuôi dưỡng và bảo vệ vẻ chân thiện mỹ của dân tộc nữa. Không rõ do đâu, từ sách vở hay từ lời dạy của một nhân vật nào mà tôi lại ý thức rất sớm về hiện tượng trên và chính điều đó làm tôi giật mình, cảm thấy mình và đồng bào đang ngồi trên một chiếc xe hư hỏng bị tuột ốc mà người lái thì lại say sưa trong giấc mơ đầy huyền hoặc... Tự dưng trong tôi nảy sinh một ước muốn, một thôi thúc. Tôi muốn làm một cái gì

đó để đánh thức anh tài xế, hay ít ra, cũng phải tìm được một cách thế nào đó để chặn đứng chiếc xe lại. Sự thôi thúc ấy khiến lòng tôi nóng như lửa bỏng. Nhưng rồi tự xét lại mình, tôi biết, dù đã mười chín tuổi, tôi cũng chỉ là một chú tiểu ngây ngô bất tài. Ở viện này, tôi chỉ lớn hơn ba chú tiểu là Đăng, Thăng và Lịch. Tôi biết làm gì đây, biết đóng góp gì đây? Và có ai thấy cần thiết phải tiếp nhận sự đóng góp nhỏ nhoi của tôi không?

Nơi chiếc bàn nhỏ ở hiên phòng khách, thầy tôi đang ngồi với một chồng sổ sách trước mặt, nhưng mắt thầy lại buồn bã, nhìn xa xăm ở đâu. Tôi không rõ những lời đàm tiếu của các thầy trẻ kia có đến tai thầy không. Tôi hy vọng là nếu có, thầy cũng không cần quan tâm. Tôi bước nhẹ đến gần chỗ thầy ngồi. Thầy ngược lên gục gặc đầu, rồi nhìn xa, hướng chân mây. Một lúc thì thầy nói:

"Nếu thầy nhớ không lầm thì cách đây chừng bảy hay tám năm, lúc độ con mới xuất gia thì phải... Ừ, khoảng năm 1970... Lúc đó viện còn là viện Trung Đăng Phật học, Hòa thượng Trí Thủ còn làm giám viện. Hòa thượng từ Sài Gòn về thăm viện nửa tháng. Con còn nhớ không?"

"Dạ nhớ, bạch thầy," tôi đáp.

Thầy tôi gật gù nói:

"Hòa thượng cho gọi riêng con đến đánh lễ tại phòng khách này, nhớ không?"

"Dạ nhớ. Hòa thượng còn bảo con thắp nhang bàn thờ Tổ," tôi nói.

"Đúng rồi. Con biết tại sao lại bảo con đi thắp nhang bàn thờ Tổ không? Hòa thượng muốn nhìn tướng, muốn xem xét xem oai nghi của con đó. Khi con lui ra, Hòa thượng bảo sao con biết không? Bảo thầy cho con theo Hòa thượng vào Sài Gòn, ở gần hòa thượng làm thị giả mà tu học tại tu viện Quảng Hương Già Lam. Tu viện đó do Hòa thượng lập nên, đông tăng chúng lắm. Các thầy các chú ở tu viện đều được đi học. Lúc ấy, thầy thấy

con còn nhỏ, nên đã xin phép Hòa thượng là sẽ cho con vào hầu Hòa thượng khi nào con trưởng thành. Vậy mà bây giờ... không được nữa."

Tôi nghe nói chuyện đi xa, nhất là vào Sài Gòn, thì tự đứng toàn thân rùng động lên, như thể ở miền đất phía Nam xa xôi ấy có cái gì đó rất thân thiết, rất cuốn hút, đang chờ đợi tôi. Nhưng, không hiểu sao thầy tôi lại nói là không được nữa. Tôi nóng lòng hỏi:

"Bạch thầy, sao không được ạ?"

"Vi... vì cái gì đâu! Hòa thượng vẫn ở trong đó, nhưng cái chính quyền này, đi đâu cũng phải xin giấy thông hành, ở đâu cũng phải có hộ khẩu. Làm sao con đi được chứ! Tháng trước, thầy Thiện Vinh đi đâu vắng ba đêm, vậy mà họ gọi cả thầy lẫn thầy ấy xuống đồn công an thành phố vấn cung, làm tự kiểm soát cả tuần. Rồi họ cho người thay nhau lên viện kiểm tra, dò xét... Họ còn hăm dọa bắt giam nếu có ai đi vắng cách đêm mà không xin phép họ trước. Đâu phải mình sợ họ, mình chỉ sợ phiền những người khác trong viện thôi."

"À, con tưởng lý do nào khác chứ lý do đó thì..."

Tôi nói chưa dứt câu thì thầy tôi cắt ngang:

"Thôi, khỏi bàn nữa. Có thể sau này sẽ có lúc người ta dễ dãi hơn về vấn đề đi lại, cư trú, lúc đó hãy tính."

Câu chuyện ngang đó thì ngưng. Nhưng tôi nghĩ, rõ ràng là thầy tôi không phải chỉ muốn nói với tôi ngần ấy. Hình như thầy còn cố tình gợi ý cho tôi đi xa. Trước đây tôi từng có ý nghĩ là thầy không muốn tôi ở gần thầy. Bây giờ ý nghĩ đó quay trở lại. Tôi đoán đâu có sai. Thầy tôi muốn tôi đi xa. Mà tôi cũng vậy, tôi muốn lên đường. Nơi đây, đối với tôi bây giờ, dù vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, nhưng tù túng quá.

Tôi định quay bước đi thì thầy gọi tôi lại nói:

"Con có tiếc là trước kia không được thầy cho theo

Hòa thượng vào Sài Gòn không?"

"Dạ không. Ở đâu con cũng tu học được," tôi thưa.

" Dĩ nhiên ở đâu cũng tu học được nhưng có chỗ thích hợp cho mình vào giai đoạn này, có chỗ thích hợp cho mình vào giai đoạn kia. Con có biết tại sao lúc đó thầy chưa muốn cho con đi không?"

"Dạ không," tôi đáp.

"Vì lúc đó con mới xuất gia, chưa được trui luyện chút nào cả, vào Sài Gòn con sẽ bị tập nhiễm theo hoàn cảnh xô bồ trong đó để rồi hư thân như nhiều thầy trẻ khác."

Tôi cúi đầu thầm cảm ơn thầy, và tôi cũng tự xấu hổ, biết rằng cho đến bây giờ, dù đã qua tám năm tu học, tôi vẫn chẳng được gọi là có trui luyện chút nào. Tôi đâu quên rằng tôi đã bị lạc hướng một thời gian để mơ mộng hình bóng Như Như đến nỗi tán loạn tâm ý, không thiền định được. Thầy tôi đâu biết rằng nếu bây giờ có điều kiện vào Sài Gòn, tôi cũng sẽ lên đường với một tâm chí chưa được thuần thực không hơn gì những ngày chập chững mới vào tu cả. Tôi vừa mới nghĩ như vậy thì thầy tôi lại tiếp:

"Không phải thầy nói bây giờ con đủ bản lĩnh, không còn sợ ngoại cảnh lôi kéo nữa. Ai cũng có chỗ yếu của mình, nhưng nếu biết rõ đó là chỗ yếu thì chính đó là mạnh... Thực ra, điều thầy muốn nói với con, không phải ở chỗ yếu hay mạnh," thầy tôi ngưng một lúc, rồi tiếp, giọng trầm xuống, "yếu với mạnh không quan trọng; quan trọng là còn, tồn tại. Mà theo cách thầy nhìn, chỉ có phương Nam mới thích hợp với con mà thôi. Tiếc thay! Cái nhỏ bó cái lớn! Ô, chuông báo giờ hành lễ rồi à? Thôi, đi."

Tôi quay trở về phòng mà cứ thắc mắc câu cuối của thầy: "Tiếc thay! Cái nhỏ bó cái lớn!"

Vinh Hào
(mời xem tiếp
Chương 14, kỳ 2)